Trì Giới Độ [Sīla Pāramitā] (TK Chánh Minh)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Trì Giới Độ (Sīla Pāramitā)

Tỳ khưu Chánh Minh Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

Mục lục

I- Ý nghĩa về luật và giới.

1) Ý nghĩa về Luật. 2) Giới là gì?

II- Phân tích giới.

1) Những phương diện khác nhau của giới.
2) Giới thu thúc.
3) Năm ác pháp.
4) Giới không vi phạm.
5) Vì sao được gọi là giới?
6) Tứ ý nghĩa của Giới.
7) Lợi ích của giới.
III- Các học giới.

A) Giới hai chi. B) Giới có ba chi. C) Giới bốn chi.

IV- Giới Balamật.

1) Bồ Tát giữ kiêng tránh giới (vāritta sīla) như thế nào?
2) Những đặc điểm do kiêng tránh giới mang lại.
3) Bồtát tu tập hạnh giới (cāritta sīla) như thế nào?
4) Giới Balamật.
5) Ba bậc của giới Balamật.
6) Về hình thức của trì giới độ.
Sách tham khảo

-ooOoo-

Những chữ viết tắt (theo mẫu tự Pāli).

A Aṅguttāra nikāya (Tăng chi bộ kinh).

Itv Itivuttaka (Phật tự thuyết).
Khd Khuddaka nikaaya (Tiểu bộ kinh).
Culv Culla vagga (Luật Tiểu phẩm).
JA Jātakatthakātha (Sớ giải kinh Bổn sanh).
D Dīgha nikāya (Trường bộ kinh).

Dhp Dhammapāda (Pháp cú kinh).
DhpA Dhammapādatthakātha (Sớ giải kinh Pháp cú).
Dhams Dhammasaṅgani (Pháp tụ).
M Majjhima nikāya (Trung bộ kinh).
Mhv Mahāvagga (Luật Đại phẩm).
Visdhm Visuddhi magga (Thanh tịnh đạo).
S Saṃyutta nikāya (Tương ưng bộ kinh).
Sn Suttanipāta (Kinh tập).
-ooOoo-

I- Ý nghĩa về luật và giới.

1) Ý nghĩa về Luật.

Rất khó tìm một định nghĩa chính xác về luật,.

Chữ Vinaya có nghĩa là: điều phục, dời đổi. Tức là chế ngự những điều không thích hợp, hoặc dời đổi "cái cũ" để trở thành "cái mới" tốt đẹp hơn.

Phân tích chữ Vinaya = Vi + naya; vi là đặc biệt, naya là phương châm, vinaya là phương châm tốt đẹp.

Vậy "Luật" là những "phương châm" tốt đẹp trong một cộng đồng sinh hoạt, những thành viên trong cộng đồng phải tuân thủ theo nguyên tắc được đặt ra, nhưng chỉ riêng cho cộng đồng đó thôi, những cộng đồng ngoài ra không bắt buộc phải tuân thủ. Như luật quân đội thì chỉ có những người lính tuân thủ, luật kinh doanh chỉ có giá trị cho những người hành nghề thương mãi, luật của quốc độ chỉ dành cho những người đang cư trú trên đất nước ấy ...

Như vậy "nguyên tắc tốt đẹp này" cũng chỉ là tương đối, chỉ "tốt đẹp" với cộng đồng sinh hoạt ấy, có thể "sẽ không tốt đẹp" với cộng đồng khác. Như người Hồi giáo có quyền được 4 vợ, trái lại sẽ vi phạm luật đa thê của các nước cấm đa thê...

Trong lãnh vực Phật giáo, chúng ta có thể tạm hiểu "luật là những nguyên tắc phù hợp với cách sống đạo đức".

Nói đến cách sống đạo đức, ám chỉ những gì tốt đẹp được biểu lộ qua thân, ngữ. Tuy sự biểu lộ ấy chưa thật sự nói lên hoàn toàn tâm ý thánh thiện, nhưng phần nào cũng nói lên "điều tốt đẹp được thực hiện". Đồng thời sự biểu lộ qua thân, ngữ này cũng không phải là khuôn mẫu cố định, tùy theo theo nhịp điệu cuộc sống cách biểu lộ này biến thể.

Như pháp cung kính chẳng hạn, thông thường để biểu lộ cung kính đối với một người, người kia sẽ đứng dậy chào hỏi, hoặc vái chào, hoặc đảnh lễ. nhưng cũng có trường hợp thay đổi hình thức mà tâm vẫn cung kính.

Bàlamôn Sonadanda có trình bày với Đức Thế Tôn rằng:

"Thưa Tôn giả Gotama, nếu ở trong hội chúng, nếu con chấp tay vái chào, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con đứng dậy.

Nếu trong hội chúng mà con tháo khăn đầu, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con...

Nếu trong khi con đi xe, con hạ cán roi xuống, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con xuống xe.

Nếu trong khi con đi xe, con vẫy tay, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con." [1]

Sở dĩ Bàla môn Sonadanda bạch như thế vì rằng: "Tuy ông rất cung kỉnh Đức Thế Tôn, nhưng vì danh tiếng ông quá lớn và sự thâu nhận cúng đường nhờ vào danh tiếng ấy. Mất danh tiếng thì ông mất lợi nhuận". (sđd)

Hay trong thời khó khăn về vật thực, Đức Thế Tôn có cho phép:

- Cất vật thực trong phòng. - Nấu vật thực trong phòng. - Tự mình được nấu trong phòng. - Được phép nhặt những trái rụng. - Thọ dụng trái cây không có hột hoặc không còn hột, dù chưa được làm dấu đúng phép (tức là kappiya - dấu hiệu trái cây đã hư hoại Ns)[2].

Về sau, khi nạn đói không còn, những điều trên được Đức Thế Tôn hủy bỏ (sđd - Tụng phẩm 4).

Đức Phật cũng dạy rằng:

- "Này chư tỳ khưu! Sau khi Như Lai đại Nípbàn, chư tỳ khưu nếu muốn, có thể bỏ bớt những học giới nhỏ nhặt chi tiết".[3]

Tuy nhiên, không phải vì tính chất uyển chuyển của cuộc sống thế tục mà "canh cải" hay "sáng tạo" ra những giới luật mới, rồi biện luận: "thời phải thế, thế thời phải thế".

Trưởng lão Upasena (em của Trưởng lão Sāriputta) có bạch với Đức Thế Tôn rằng:

"Bạch Thế Tôn, chúng Tăng trong thành Sāvatthī (Xávệ) sẽ nhận rõ điều thảo luận của mình. Về chúng con sẽ không chế định ra điều chưa được chế định hay sẽ không hủy bỏ điều đã được chế định. Chúng con sẽ tín thọ rồi thực hành những học giới theo như đã được chế định thôi.

- Lành thay, lành thay, này Upasena! Điều chưa được chế định, không nên chế định. Hoặc điều đã được chế định rồi không nên hủy bỏ, cần nên tín thọ thực hành những học giới như đã được chế định."[4]

Chính vì Luật là "lối sống phù hợp nguyên tắc đạo đức", nên từ khi Đức Thế Tôn khai mở Giáo pháp cho đến 12 năm sau[5], Đức Thế tôn không chế định học giới cho chư tỳ khưu (nhưng có Luật), vì chư tỳ khưu không hề vi phạm vào nguyên tắc đạo đức.

Về sau, có những Tỷ kheo sống buông lung, xa rời lối sống đạo đức, nên Đức Thế Tôn chế định học giới (sīlasikkhāpadā) cho chư tỷ khưu.

Cần nên ghi nhận rằng: Những học giới được Đức Thế Tôn chế định, nhắm vào lợi ích cho đại chúng, trong đó có Tỳ khưu, Ngài đã quở trách vị Tỳ khưu vi phạm rằng:

"Điều này không mang lại đức tin cho những ai chưa có đức tin, không làm tăng trưởng đức tin cho người có đức tin. Như vậy, này chư Tỷ kheo, Như Lai sẽ chế định học giới..."[6]

Người chưa có đức tin ám chỉ người ngoài Phật giáo, người có đức tin ám chỉ tín đồ Phật giáo, như vậy Đức thế Tôn hướng đến lợi ích cho phần đông, chứ chẳng phải riêng cho chư Tỳ khưu.

Có câu hỏi:

Trong kinh văn có ghi "Vị Tỳ khưu trong pháp - luật này?". Vậy Luật ấy có từ khi nào? Có từ khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Chuyển pháp luân tại rừng Nai (Lộc uyển), ở Isipatana (Chư tiên đọa xứ) trong xứ Bārāṇasī (Balanại).

Đức Thế Tôn có dạy:

" Và này các Tỳ khưu, thế nào là luật của bậc Thiện Thệ?.

Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này các tỳ khưu, đây là luật của bậc Thiện Thệ.[7]

Lại nữa, Luật của bậc Thánh là "nguyên tắc từ bỏ", đó là sự từ bỏ theo năm cách:

- Từ bò tạm thời.
- Từ bỏ bằng cách áp chế.
- Từ bỏ bằng cách đoạn trừ.
- Từ bỏ do khinh an.
- Từ bỏ do viên tịch.[8]

Giáo sư Cao Huy Thuần có đề cập đến sáu điểm của Trưởng lão Mahā Kassapa đã phê bình Trưởng lão Ānanda trong kỳ kết tập Phật ngôn lần I, Giáo sư tạm gọi là một "vụ án Ānanda" và cho rằng:

Trưởng lão Mahā Kassapa đứng trên lãnh vực Luật để buộc tội Ngài Ānanda.

Ngài Ānanda trả lời trên lãnh vực giới.[9] (vì không cố ý).

Trong lần kết tập Phật ngôn lần thứ I, sau khi kết tập Phật ngôn xong chư Trưởng lão có Trưởng lão Mahā Kassapa là cao nhất, đã quở trách Ngài Ānanda phạm vào 5 điều:

1- Này hiền già Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭa) cho hiền giả. Vì hiền giả không bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Thế Tôn, điều học nào là điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?". Hiền giả hãy sám hối tội tác ác ấy.

Đức Ānanda trả lời:

- Bạch các Ngài, vì không lưu ý, nên tôi đã không hỏi Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Thế Tôn, các điều học nào là điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng?". Tôi không thấy điều ấy là tội tác ác (dukkaṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác ấy.

2- Này hiền giả Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭa) cho hiền giả. Vì hiền giả đã đạp lên y tắm mưa của Đức Thế Tôn rồi khâu nó. Hiền giả hãy sám hối tội tác ác ấy.

Đức Ānanda trả lời:

- Bạch các Ngài, không phải vì thiếu kính trọng mà tôi đã đạp lên y tắm mưa của Đức Thế Tôn rồi khâu nó, chỉ vì không có ai phụ giúp nên phải như vậy.Tôi không thấy điều ấy là tội tác ác (dukkaṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác ấy.

3- Này hiền giả Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭa) cho hiền giả. Vì hiền giả đã cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của Đức Thế Tôn trước tiên, khi họ khóc trước nhục thân Đức Thế Tôn, nước mắt đã rơi trên nhục thân Đức Thế Tôn. Hiền giả hãy sám hối tội tác ác ấy.

Đức Ānanda trả lời:

-Bạch các Ngài (do nghĩ rằng): "Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm", nên tôi đã cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của Đức Thế Tôn trước tiên.ôi không thấy điều ấy là tội tác ác (dukkaṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác ấy.

4- Này hiền giả Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭa) cho hiền giả. Vì Đức Thế Tôn gọi ý rõ ràng, hiền giả lại không cầu khẩn Đức Thế Tôn rằng: "Xin Đức Thế Tôn hãy tồn tại một kiếp, xin Đấng Thiện Thệ hãy tồn tại một kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hóa, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại". Hiền giả hãy sám hối tội tác ác ấy.

Đức Ānanda trả lời:

- Bạch các Ngài, vì tâm đã bị ác ma ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn Đức Thế Tôn rằng: "Xin Đức Thế Tôn hãy tồn tại một kiếp, xin Đấng Thiện Thệ hãy tồn tại một kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hóa, sự lợi ích, sự an lạc của chư thiên và nhân loại". Tôi không thấy điều ấy là tội tác ác (dukkaṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác ấy.

5- Này hiền giả Ānanda, đây là tội tác ác (dukkaṭa) cho hiền giả. Vì hiền giả đã nổ lực làm cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật này được tuyên bố bởi Đức Thế Tôn. Hiền giả hãy sám hối tội tác ác ấy.

Đức Ānanda trả lời:

- Bạch các Ngài (do nghĩ rằng): "Bà Mahāpajāpati Gotamī này là dì ruột của Đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho Đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời". Tôi không thấy điều ấy là tội tác ác (dukkaṭa), nhưng vì niềm tin với các đại đức nên tôi xin sám hối tội tác ác ấy.[10]

Sách Dulva của Tây Tạng còn nêu thêm 2 điểm buộc tội Đức Ānanda là:

- Không lấy nước cho Đức Phật uống, dù Đức Phật đã ba lần yêu cầu.

- Để các phật tử (nam lẫn nữ) xem tướng kín Mã âm tàng của Đức Phật.

Về điểm thứ 6. Đức Ānanda trả lời là: "Nước đục bẩn đục do 500 cổ xe vừa đi qua, và thương Đức Thế Tôn nên Ngài không múc mước".

Về điểm thứ 7, xét ra không hợp lý: Đức Ānanda là người thương kính Đức Thế Tôn rất mực, không thể để nhục thân Phật lộ liễu tướng kín như vậy. Hơn nữa, khi ấy chẳng phải chỉ có Đức Ānanda mà còn có đến 500 vị tỳ khưu, trong đó có Trưởng lão Anuruddha... Do đó, sự kiện này không xảy ra.

Theo thiển ý của chúng tôi thì năm (hay sáu) điều buộc tội Đức Ānanda là:

- Đức Mahā Kassapa buộc tội Đức Ānanda thuộc về thân giới hay ngữ giới, còn Đức Ānanda trả lời thuộc về ý giới. Chính tội tác ác (dukkaṭa) đã nói lên ý nghĩa "giới đã bị vi phạm".

- Để sách tấn khích lệ cho chư tỳ khưu hậu tấn, chư tỳ khưu hữu học giữ gìn giới luật cẩn trọng, kiểm soát thân, ngữ, ý được trong sạch và làm tăng thượng giới học. Vì rằng "những điều trên hiện khởi nơi Ngài Ānanda khi Ngài còn là vị Thánh Tu Đà hườn".

- Nói lên đức độ tuân phục Tăng lịnh của Đức Ānanda.

Lại có câu hỏi rằng: "Vậy trước khi ban hành Giới bổn Pāṭimokkha (giải thoát), chư tỳ khưu không có học giới phải chăng?".

Đáp: Không có học giới chế định, nhưng có học giới chân pháp, đó là bát chánh đạo.

"Có ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học." [11]

2) Giới là gì?

Chữ sīla của Pāli ngữ được dịch là: "phẩm hạnh" hay "đức hạnh".

Trước tiên, Sīla có hai đặc tính:

a- Là khuynh hướng hay thói quen, như:

"Pāpakarana sīlo: người có thói quen làm điều ác". Hay "người có khuynh hướng ác xấu".

"Dubbhāsana sīlo: người thường tôn kính bậc đáng tôn tính".

"Dhammakathana sīlo: Bậc thường giảng pháp".

- Chỉ những hiện tượng tự nhiên, như:

"Vassāna-samaye rukkha ruhana sīla: cây luôn tăng trưởng vào mùa mưa".

"Gimhasamaye patta patana sīla: lá luôn rụng vào mùa hè".

Tức là: Đặc tính thứ nhất của chữ sīla dùng để mô tả những thói quen của người có đạo đức lẫn không đạo đức, hay những khuynh hướng nằm ngoài lãnh vực thiện ác. Đó là

sự vận hành của pháp.

b- Giới có đặc tính "là pháp hành cao thượng".

Đây là ý nghĩa thường được sử dụng trong phần giới.

Và cũng từ đặc tính này, giới có hai nghĩa: "cao quý" và "nâng đỡ".

"Cao quý": Giới có đặc tính cao quý, vì kiểm soát được thân, ngữ và hướng thân ngữ vào những việc thiện, không cho thân, ngữ vượt khỏi tầm kiểm soát. Một người không tuân theo khuôn mẫu đạo đức, các hành động về thân và ngữ của người ấy sẽ "vượt khỏi tầm kiểm soát" và rơi vào "vùng phi đạo đức".

Nhưng một người có "kiểm soát" được thân, ngữ, sẽ thoát ra những lỗi lầm, ngay cả khi buồn khổ, bị khiêu khích, bị kinh sợ.. cũng có thể giữ thân và khẩu tốt đẹp.

"Nâng đở": Không có hành động cao thượng nào có thể tồn tại, nếu không có nền tảng đạo đức nâng đở.

Các hành động cao thượng chỉ có thể tăng trưởng trong "vùng giới đức". Vì vậy giới được xem là nền tảng của tất cả các hành động tốt đẹp, đồng thời giới nâng đở những việc tốt đẹp này tăng trưởng. Khi hành động tốt đẹp được tăng trưởng, chúng sanh ấy xa lìa 4 khổ cảnh, sanh về nhàn cảnh (dục, sắc và Vô sắc giới) hoặc đạt đến trạng thái "ra khỏi luân hồi" (lokuttara - siêu thế).

Chữ Sīla từ chữ Sīlana thu gọn, sīlana nghĩa là kết hợp. Các nhà hiểu ngữ nguyên giải thích rằng sīlana có hai nghĩa:

- Là phối hợp (samādhāma) giữa thân, ngữ, ý nhờ vào đức hạnh.

- Là nền tảng (ādhāra) để nâng đở (upadhārana) thiện pháp.[12]

Tùy theo mỗi khía cạnh mà giới có những ý nghĩa khác nhau như:

Giới có ý nghĩa là chế ngự, giới có ý nghĩa là "không vi phạm" bằng thân hoặc lời.

Lại nữa, vào đêm rằm tháng megha (tháng giêng âl Việt Nam) sau hạ thứ nhất, tại thành Vương xá (Rājagaha) Đức Thế Tôn thành lập Tăng đoàn, Ngài dạy Ovāda pāṭimokkha (giáo giới giải thoát) là:

"Sabbapāpassa akaraṇaṃ
Kusalassa upasampadā
Sacittapariyopadaṃ
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ
"Không làm mọi điều ác
Thành tựu các hạnh lành
Tâm ý giữ trong sạch
Chính lời chư Phật dạy".[13]
Như vậy, giới ở đây chỉ cho "không làm các điều ác."

Đức Phật cũng có dạy:

"Cetanahaṃ bhikkhave sīlaṃ vadāmi:

Này chư tỳ khưu, Như Lai tuyên bố chính sự cố ý (cetanā) là giới".

Vậy giới nghĩa là sự cố ý lánh xa việc ác từ thân- ngữ- ý. Nói rõ hơn, giới chính là Tư tâm sở (cetanā cetasika).

Như vậy, hình thức của giới là không làm ác về thân, không làm ác về lời nói, về nội dung của giới là "cố ý lánh xa việc ác".

Do đó, năm giới - tám giới (bát quan giới) của cư sĩ, 10 giới của sadi, bốn thanh tịnh giới của Tỳ khưu là:

- Thu thúc trong giới bổn (pāṭimokkhasaṃvarasīla). - Quyền thu thúc giới (indriyasaṃvarasīla). - Nuôi mạng chân chánh giới (ājīvaparisuddhisīla). - Quán tưởng tứ vật dụng (paccayasannissitasīla).

-ooOoo-

[1] - D. ii, kinh Sonadanda (Soṇadaṇḍasutta).

[2] - Mhv - Chương dược phẩm - Tụng phẩm 2, Đại Đức Nguyệt Thiên dịch.

[3] - D. iii, Kinh Đại bát Nípbàn (mahānibbānasutta).

[4] - Luật phân tích tỳ khưu - Chương Ưng xả, phẩm chỉ tơ - học giới thứ 5. Đại Đức Giác Giới dịch.

[5] - Đây là nói dè dặt, vì mãi cho đến lúc ấy vẫn chưa có học giới do Đức Thế Tôn chế định, từ đó trở đi "học giới chế định" xuất hiện từ thời điểm nào? Luật tạng không ghi rõ. Một số Sớ giải sư cho rằng: "Học giới chế định xuất hiện sau 15 năm đầu, vào trung giác thời (từ hạ 16 đến hạ 30 của Đức Thế Tôn)".

[6] - Luật Phân tích Tỳ khưu giới - Đại Đức Giác Giới dịch.

[7] - A.ii, 147.

[8] - Xen Luận giải kinh Căn bản Pháp môn.

[9] - Thượng đế, thiên nhiên, người, tôi và ta. Triết lý Luật và tư tưởng Phật giáo - Gs. Cao Huy Thuần, Nxb TP. Hồ Chí Minh, năm 2000, tr. 37.

[10] - Culv- Chương XI: Liên quan 5oo vị, Đại Đức Nguyệt Thiên dịch.

[11] - A.i, 235.

[12] - Visdhm (Thanh tịnh đạo) - Sư cô Thích nữ Trí Hải dịch.

[13] - Dhp - câu 183. HT. Thích Minh Châu dịch.

-ooOoo-

II- Phân tích giới.

1) Những phương diện khác nhau của giới.

Ngoài những yếu tố được xem là giới như:

- Sự cố ý (cetanā) tránh xa những hành động bất thiện như sát sanh...là giới.

- Không làm những điều ác là giới.

Giới còn bao gồm 3 yếu tố ngăn trừ (virati) là: chánh ngữ (sammā vācā), chánh nghiệp (sammā kammanta) và chánh mạng (sammā ājīva), (thuộc về Giới uẩn trong bát chánh đạo).

Vô tham (alobha hay anabhijjhā), vô sân (adosa hay abyāpāda), chánh kiến (sammādiṭṭhi hay amoha), cũng được xem như là giới.

Năm sự thu thúc (saṃvara) hay điều không được vi phạm (avītikkama) cũng được xem là giới.

Nói gọn hơn, Giới được phân theo ba lãnh vực:

- Lãnh vực vi phạm (vītikkama), đó là "có ý (cetanā)" lánh xa thân, ngữ ác. Hay thực hiện những đều tốt đẹp từ thân, ngữ như: cung kỉnh bậc đáng cung kính, phục vụ người, làm tròn bổn phận đối với bậc trưởng thượng, cha mẹ, thầy tổ...

- Lãnh vực ý (manodhātu- ý giới), là "có ý" gìn giữ tâm không cho rơi vào tà nghiệp, tà ngữ, tà mạng.

- Lãnh vực khuynh hướng (anusaya - ngũ ngầm), là kiểm soát tâm không cho rơi vào tham, sân và tà kiến.

Giải:

Ba hành động thân ác là: sát sanh, lấy của không cho (adinnādāna), tà hạnh trong dục lạc (kāmesumicchācārā), là tà nghiệp.

Bốn ngữ hành ác là: nói dối, nói đâm thọc, nói hung ác và nói nhãm. Là tà ngữ.

Tà nghiệp, tà ngữ có thể dẫn đến tà mạng. Như ngư dân, thợ săn, những kẻ trộm cướp, kỹ nữ... hay dùng lời xảo trá lừa gạt người, để thu hoạch tài sản nuôi mạng sống ...

Nên ghi nhận: "Lấy của không cho" bao hàm trộm cắp lẫn cướp đoạt tài sản của người khác.Hành động bất chánh này có thể thực hiện nơi thân, có thể thực hiện bằng lời như lừa đảo người, mê hoặc người...

Tà nghiệp, tà ngữ không dẫn đến tà mạng như: câu cá để giải trí, đi săn như một môn thể thao...

Đoạn trừ được ba tà nghiệp có hoặc không dẫn đến việc nuôi mạng, là do chánh nghiệp. Gọi là "đoạn trừ nhờ chánh nghiệp (sammā kammanta viratī)".

Đoạn trừ bốn tà ngữ có hoặc không gắn liền với việc nuôi mạng, là do chánh ngữ. Gọi là "đoạn trừ nhờ chánh ngữ (sammā vaca viratī)".

Đoạn trừ việc nuôi mạng không chân chính, là do chánh mạng. Gọi là "đoạn trừ nhờ chánh mạng (sammā ajiva viratī)".

Ba sự đoạn trừ trên, được xem là "ngăn trừ giới (virati sīila)". Ngăn trừ giới phải có "có ý (cetanā)" đi chung. Nên gọi "có ý là giới (cetanā sīla), hay ý giới.

Vô tham (là) giới (alobha sīla).

Lòng tham thúc đẩy chúng sanh đi chiếm đoạt tài sản của người khác, gọi ý tham ác (abhijjhā manoduccarita). Đoạn trừ được những ý nghĩ này là vô tham (alobha), khi vô tham tăng trưởng, người này có khuynh hướng "lìa bỏ" ngay chính cả tài sản của mình. Nên Vô tham là giới ở lãnh vực khuynh hướng (anusaya - ngũ ngầm).

Vô sân là (giới) (adosa sīla).

Khi muốn hại kẻ khác, đó là sự căm thù tăng trưởng. Là tâm sân đến hồi cường thịnh, gọi là ý sân ác (byāpāda manoduccarita). Nhờ vô sân loại trừ được sân ác, khi vô sân tăng trưởng, người này

có khuynh hướng "tươi vui" trước mọi hoàn cảnh, tức là có khuynh hướng vô sân. Nên Vô sân là giới trong lãnh vực khuynh hướng.

Chánh kiến (là) giới (sammādiṭṭhi sīla).

Người cho rằng "không quả lợi ích từ bố thí, trì giới...". Là người đang bị tà kiến ác (micchā diṭṭhi manoduccarita) vây phủ. Đoạn trừ kiến ác này là do có trí tuệ, khi trí tuệ tăng trưởng, người này thấu rõ mọi sự thật, không còn bị những ảo tưởng che lấp. Trong đời sống thường nhật, thường có khuynh hướng suy xét "đúng - sai, nhân - quả, lợi ích hay không lợi ích, tìm học hỏi những pháp cao thâm vi diệu.Nên Chánh kiến là giới trong lãnh vực khuynh hướng.

Khi có 3 ác pháp: tham, sân và tà kiến, thì người này có thể phạm những nghiệp bất thiện như sát sanh, lấy của không cho ... mà làm hoại giới.

Khi có 3 thiện pháp: vô tham, vô sân, trí tuệ, thì ngăn trừ được sự vi phạm vào giới. Do đó, vô tham, vô sân, vô si được gọi là giới.

Nên ghi nhận rằng: "Ba tâm sở (cetasika): chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới ở vùng vi phạm (vītikkama), ba tâm sở vô tham, vô sân, trí là giới ở vùng ý (manodhādu), kiểm soát tâm không cho xa lìa ba tâm sở trên. Khi vô tham, vô sân, vô si tăng trưởng vững mạnh, đó là giới trong vùng khuynh hướng, tức là kiểm soát được tâm không cho rơi vào vùng ngũ ngầm của tham, sân, si, tà kiến."

Đức Phật có dạy:

"Phàm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các tỳ khưu, sanh ra từ vô tham do vô tham làm duyên, do vô tham tập khởi,, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thục (nghiệp cho quả an lạc - Ns), nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do vô sân tác thành ..... Phàm nghiệp nào do vô si tác thành...." [1].

Rõ ràng khi vô tham, vô sân, vô si ở vùng ý giới thì còn cho quả an lạc, nhưng ở vùng khuynh hướng thì "đưa đến diệt nghiệp, nghiệp không đưa đến nghiệp tập khởi " ám

chỉ chứng đắc Nípbàn.

- Giới thu thúc (saṃvara sīla). - Giới không vi phạm (avītikkama sīla)

Các loại giới được đề cập ở trên áp dụng cho cư sĩ lẫn các vị Tỳ khưu, riêng hai loại giới: thu thúc và không vi phạm, có phần chỉ dành riêng cho tỳ khưu, như: "thu thúc trong giới bổn" chẳng hạn.

2) Giới thu thúc (saṃvara sīla).

Vị tỳ khưu có bốn cách thu thúc:

a- Thu thúc trong giới bổn (pāṭimokkha saṃvara sīla).

Là giữ mình trong những giới căn bản dành cho vị tỳ khưu. Sự thọ trì này sẽ giúp vị tỳ khưu thoát khỏi những mối nguy hiểm tái sanh vào khổ cảnh, đồng thời từng bước đạt đến giải thoát, ra khỏi luân hồi.

Tạng Luật có định nghĩa chữ Pāṭimokha là: "Điều này là đứng đầu của các thiện pháp"[2].

Và:

"Ở đây, này các tỳ khưu, các học pháp thắng hạnh (abhisammācārikā) được ta chế định cho các đệ tử, để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai có lòng tin, được tăng trưởng lòng tin. Do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với các học pháp ấy, là người có sở hành không bị bể vụn (na khaṇḍakārī), sở hành không bị cắt xén, sở hành không bị vết nhơ (na sabalakārī), sở hành không bị chấm đen (na kammāsakārī)".[3]

Trong bài kinh khác, Đức Thế Tôn dạy:

"Này các tỳ khưu, bản tụng đọc này, gồm hơn 15o học giới cần phải đọc nửa tháng một lần. Ở đây, các thiện gia nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các tỳ khưu, tất cả được thâu nhiếp (sabbaṃ samodhānaṃ gacchati) hợp lại thành ba học giới này. Thế nào là ba?.

"Tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học giới này, này các tỳ khưu thâu nhiếp tất cả."[4]

Tiếp theo Đức Phật dạy:

-"Vị hành trì toàn phần giới luật, hành trì một phần định, một phần với tuệ. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, được xem là thanh tịnh.

Phàm có những học pháp nào là căn bản phạm hạnh, tương xứng phạm hạnh, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến chánh giác.

Tương tự như thế, vị ấy đạt đến Nhất lai.

- Với vị hành trì toàn phần học giới, định toàn phần và tuệ một phần. Vị ấy đạt đến bậc Bất lai.

- Với vị hành trì toàn phần học giới, định toàn phần, tuệ toàn phần, chứng đạt quả Alahán.

Thu thúc trong giới bổn mang lại lợi ích như thế.

Nên lưu ý đoạn kinh văn trên: "Những học giới nào là căn bản phạm hạnh, tương xứng phạm hạnh, vị ấy gìn giữ rất nghiêm túc".

Thế nào là "căn bản của đời sống phạm hạnh "? Những học giới nào là căn bản phạm hạnh?

"Này các tỳ khưu, phạm hạnh được sống không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng (janalapanatthaṃ), không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng[5], nghĩ rằng: "Mong quần chúng biết đến ta như vậy".

"Này các tỳ khưu, phạm hạnh được sống vì mục đích chế ngự (saṃvara) và vì mục đích đoạn tận (pahāna)."[6]

Học giới làm nền cho đời sống phạm hạnh trong giáo pháp này, đó là bốn giới tẩn xuất (pārājika), vị tỳ khưu vi phạm vào một trong 4 giới này, xem như đã phá hủy đời sống phạm hạnh trong giáo pháp này, cho dù có người biết hay không có người biết. Những giới còn lại nhất là 13 giới tăng tàng (saṅghadisesa) tương xứng (với đời sống) phạm hạnh.

Bốn điều tẩn xuất là:

- Vị tỳ khưu hành dâm (bất kỳ với đối tượng nào). - Vị tỳ khưu trộm cắp vật từ 5 māsaka trở lên (māsaka là đơn vị tiền tệ vào thời Đức Phật, ở xứ Magadha (Makiệtđà), có giá trị không lớn lắm). - Vị tỳ khưu giết người. - Vị tỳ khưu khoe pháp thượng nhân mà mình chưa chứng đắc.

Về 13 pháp tăng tàng xin xem Luật phân tích tỳ khưu.

Đoạn kinh văn trên ghi "hơn 150 học giới". Số chính thức tỳ khưu giới là 220 giới và 7 điều diệt trừ tranh sự.

Có lẽ khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này, khi ấy có khoảng hơn 150 học giới được Đức Thế Tôn chế định cho chư tỳ khưu, về sau có những vị tỳ khưu hành động sái quấy, Đức thế Tôn lại chế định thêm học giới.

Và đến khi Đức Thế Tôn viên tịch thì hình thành con số 22o giới.

Mặt khác, vào hạ thứ 12 khi Đức Thế Tôn an cư mùa mưa tại xứ Verañja của Bàlamôn Verañja, bấy giờ Đức Sāriputta (Xálợiphất) có thỉnh cầu Đức Thế Tôn ban hành học giới cho chư tỳ khưu, nhưng Đức Thế Tôn dạy rằng " chưa phải thời, vì chư tỳ khưu còn trong sạch".[7]

Như vậy, bài kinh này được Đức Thế Tôn thuyết sớm nhất cũng phải "vào hạ thứ 15 của Đức Thế Tôn".

b- Niệm thu thúc (sati saṃvara).

Còn gọi là Quyền thu thúc giới (indriyasaṃvarasīla). Đó là sự thu thúc bằng chánh niệm, nhiếp hộ năm môn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, để sáu trần cảnh "sắc, thinh, khí, vị, xúc và pháp" không thể nhập vào tâm, khi các trần cảnh này xâm nhập sẽ chiếm ngự tâm, khiến tâm rơi vào quyền lực của chúng.

Chính vì không có niệm thu thúc đối với các trần cảnh, vị tỳ khưu sẽ rơi vào quyền lực của phiền nảo ma (kilesa māra) nói chung, nhưng mối lo lớn nhất đối với đời sống phạm hạnh là "đắm nhiễm nữ nhân".

Đức Phật có dạy:

"Này các tỳ khưu, Ta không thấy một sắc nào khác, xâm chiếm và ngự trị tâm (cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati) người nam như sắc người nữ...

"Này các tỳ khưu, Ta không thấy một tiếng nào khác... một hương... một vị...

Này các tỳ khưu, Ta không thấy xúc nào khác, xâm chiếm và ngự trị tâm người nam như xúc người nữ..."[8].

Trong bài kinh "Vị chiến sĩ"[9], Đức Thế Tôn đề cập đến 5 hạng chiến sĩ, ví như năm hạng tỳ khưu. Ba hạng đầu vì không có niệm trước nữ nhân, nên đã trở về với đời sống thế tục, hạng thứ tư tuy tồn tại đời sống phạm hạnh nhờ nương vào các bậc đồng phạm hạnh. Riêng hạng thứ năm thành đạt được mục tiêu "giải thoát".

"Vị tỳ khưu khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nh6an ấy, hộ trì nhãn căn, nhiệt thành hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.... thân cảm xúc.... Ý nhận thức..... Không còn trở lui lại trạng thái này nữa.

Hay:

-"Này các tỳ khưu, đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn (savighātaṃ) có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là ác thú...

Mắt, tai, mũi và lưỡi.
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỳ khưu không hộ trì (saṃvara).
Ăn uống không tiết độ.
Đau khổ về thân thể.
Các căn không hộ trì.

Đau khổ về tâm tư.
Vị ấy, phải thọ lãnh như vậy.
Thân thể bị thiêu đốt.
Tâm tư bị thiêu đốt.
Dầu là đêm hay ngày.
An trú khổ như vậy. [10]
Ngược lại, vị tỳ khưu có đầy đủ hai pháp: hộ trì các căn và ăn uống có tiết độ, ngay trong hiện hại được an lạc, sau khi mệnh chung sanh về nhàn cảnh.[11]

Trong bài kinh Āditta pariyāya (giải về lửa) Đức Phật có dạy rằng: "Thật tốt hơn, này các tỳ khưu, nếu nhãn căn bị hủy hoại với một cây kim bằng sắt nung đỏ, hừng cháy, rực cháy, cháy lửa ngọn. Như vậy không có nắm giữ tướng chung, không có nắm giữ tướng riêng đối với các sắc do mắt nhận thức.

Này các tỳ khưu, thức có thể vững trú, kiên trú, bị trói buộc bởi vị ngọt của tướng chung hay vị ngọt của tướng riêng. Trong thời gian ấy, nếu mệnh chung thì sự kiện này xảy ra: "tái sanh vào địa ngục hay bàng sanh".[12]

Cũng trong bài kinh này, Đức thế Tôn dạy:

"Tốt hơn là nằm ngủ.... Vì rằng, nếu ngũ thời không có suy nghĩ những vấn đề để có thể bị những vấn đề chinh phục, để có thể phá hòa hợp tăng.Này các tỳ khưu, thấy sự trống không (của nằm ngũ) và sự nguy hại (của tỉnh thức), Ta nói như vậy".

Ý của đoạn kinh này, Đức Thế Tôn dạy " tuy sự nằm ngũ là tai hại, vì trống không, không mang lại lợi ích chi cả, là mù mờ (momūhaṃ), nhưng không dẫn đến tai hại như khi tỉnh thức mà không phòng hộ các căn, bị các cảnh trần chi phối thì còn tai hại hơn nhiều".

Lợi ích của niệm thu thúc giới là như thế.

Tuy niệm thu thúc giới, Đức Thế Tôn đề cập đến vị tỳ khưu, nhưng xét ra người cư sĩ vẫn có thể áp dụng với phương án chung này.

Tức là: "Khi tiếp xúc với 6 trần cảnh (sắc, thinh, khí, vị, xúc và pháp), cố gắng giữ gìn sáu cửa (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) cho trong sạch.Khong cho hai pháp bất bình hay vui thích sanh khởi trong tâm, chỉ biết rằng "các trần cảnh này gặp nhau, sẽ là như vầy... như vầy".

Sự gìn giữ các cửa được trong sạch là do niệm (sati), nên "thu thúc các cửa", gọi là niệm thu thúc giới (sati saṃsara sīla).

Có câu hỏi rằng: "Niệm thu thúc giới khác với niệm cảnh ngoại phần ra sao?".

Chúng ta có thể dùng hình ảnh người canh cổng thành để minh họa cho vấn đề này.

Người lính canh cổng thành đứng trước cổng thành, y quan sát những người qua lại trước cổng thành, y nhận định: "đây là người tốt, đây là người xấu, đây là người cao sang, đây là dân nô lệ...". Với người hợp pháp y sẽ cho vào thành phố, người không hợp

pháp, xấu, kẻ dữ y sẽ chặn lại, không cho xâm nhập vào.

Nếu do chểnh mảng, kẻ xấu lọt qua cửa thành, y sẽ trục xuất kẻ ấy ra ngoài.

Thành phố ví như vùng ý giới, cổng thành ví như ý môn, người lính ví như niệm. Năm cảnh trần ví như người qua lại trước cổng thành, nhận định "người tốt, người xấu..." ví như niệm các trần cảnh. Không cho kẻ xấu qua cổng thành, ví như niệm thu thúc giới. Trục xuất kẻ xấu ra ngoài ví như diệt trừ những thích thú hay khó chịu trước 5 trần cảnh đang sanh khởi trong tâm.

Hai bài kinh sau dẫn chứng cho vấn đề này là:

Tôn giả Ajita:

Mọi nơi giòng nước chảy
Cái gì ngăn giòng nước?
Hãy nói lên cái gì,
Chế ngự được giòng nước?
Cái gì đóng giòng nước.
Thế Tôn:

Các giòng nước ở đời.
Chánh niệm ngăn chận lại.
Chánh niệm được ta gọi.
Chế ngự các giòng nước.
Và chính do trí tuệ.
Đóng lại các giòng nước.[13]
Và:

Hỡi này Mết-ta-gu.
Phàm ngươi rõ biết gì.
Trên, dưới, ngang, ở giữa.
Hãy từ bỏ hoan hỷ.
Hãy từ bỏ trú xứ
Chớ để cho ý thức.
An trú trên sanh hữu.
An trú vậy, chánh niệm
Tỳ khưu không phóng dật.
Sau khi bỏ sớ hành.
Đưa đến ngã, sớ hữu
Đối với sanh và già.
Sấu muộn và than khóc.
Ở đây, biết như vậy. Hãy từ bỏ đau khổ.[14]

c- Trí thu thúc (nāṇa saṃvara).

Còn gọi là "Quán tưởng tứ vật dụng (paccayasannissitasīla).

Sự thu thúc bằng trí tuệ là kiểm soát tâm, không cho tâm rơi vào đắm nhiễm đối với bốn món vật dụng (paccayā): vật thực, y phục, sàng tọa và dược phẩm. Bằng cách quán tưởng trong ba thời kỳ: trước khi thọ dụng, trong khi thọ dụng và sau khi thọ dụng.

Sự quán tưởng này nhằm mục đích ngăn chặn các phiền não như: ái dục, tà kiến và vô minh, đang trôi chảy vào tâm.

Trước khi thọ dụng: Quán tưởng để thấy rằng: "bốn món vật dụng này chỉ là nguyên chất (đất, nước, lửa, gió), dù có dùng hay không dùng, chúng cũng chỉ là tứ đại, không phải là chúng sanh, không phải là vật có sinh mạng". Tức là nhờ quán tưởng này, vị tỳ khưu thấy rõ bản chất của tứ vật dụng sự (catuttha paccaya) chỉ đơn thuần là tứ đại, nhờ đó ngăn chận được tham đối với vật dụng xinh tốt, ngăn chận được sân (khó chịu) đối với vật dụng thấp kém, ngăn trừ được si vì không bị giả định như: tơ, lụa, thịt, cá, trái cây, giường bằng gỗ chiên đàn... lừa mị tâm, để rồi dẫn đến hiểu sai (tà kiến) về 4 món vật dụng này.

Cần nên ghi nhận rằng: "Tuy bản chất thật của tứ sự dù tốt hay thấp kém cũng là tứ đại, nhưng vị tỳ khưu không vì thế mà tìm kiếm "tứ đại tốt", đi ngược với đời sống xuất gia là tri túc và thiểu dục". Trong phần Học giới Ưng đối trị (pacittiya - Badật đề), phẩm vật thực nêu lên có nêu 10 học giới.[15] như:

"Vào bấy giò Đức Thế Tôn giác giả trú ở thành Rājagaha tại Vẹluva khu nuôi dưỡng những con sóc. Cùng thời đó, Devadatta lợi đác cung kỉnh bị tôn giảm, y với tùy tùng cứ xin xỏ nơi các gia đình mà thọ thực. Người ta ta thán, phiền hà rằng; Tại sao các Sa môn Thích tử cứ xin xỏ nơi các gia đình mà thọ thực vậ? Đồ tốt ai mà chẳng ưa, đồ ngon ai mà chẳng thích".... (sđd- học giới thứ hai).

Hay:

"Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu nhóm Lục sư mang những đôi dép làm bằng da sư tử, mang những đôi dép làm bằng da cọp, mang những đôi dép làm bằng da beo, mang những đôi dép làm bằng da hươu..." [16]

Và Đức Thế Tôn đã cấm chế không được mang những đôi dép làm bằng những loại da như thế, vì bị chỉ trích là:

"Giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy".(sđd).

Lại nữa, trước khi thọ dụng, quán thấy rằng: "Những vật này không phải là vật uế trược, nhưng khi chạm vào thân này thì trở thành uế trược". Nhờ quán tưởng như thế, loại trừ được ảo tưởng "thân này trong sạch", thấy rõ thân này là uế trược và một khi những vật này trở thành nhơ bẩn thì tâm thích thú đối với chúng không còn.

Trong khi thọ dụng:

- Về y phục: Mặc y phục đây là để ngăn ngừa nóng, lạnh, gió, muỗ, rắn, rết làm hại cơ thể và y phục này dùng che thân, tránh điều hổ thẹn.

- Về vật thực: Dùng vật thực để duy trì xác thân, nhằm mục đích thực hành phạm hạnh. Không phải để vui chơi như trẻ con, không phải để có sức mạnh như võ sĩ, hoặc để trang điểm thân thể cho xinh đẹp..

Đức Phật có dạy:

"Ví như này các tỳ khưu, hai vợ chồng đem theo một ít lương thực. đi qua một quảng đường hoang dã với một đứa con khả ái, thương mến.

Rồi này chư tỳ khưu, trong khi hai vợ chồng ấy đang đi trên con đường hoang vu, số lương thực ít oi ấykhánh tận. Và vùbng hoang vu chưa được chúng vượt qua.

Rồi này chư tỳ khưu, hai vợ chồng suy nghĩ: "lương thực ít oi của chúng ta đã khánh tận. Còn lại vùng hoang vu này chưa được vượt qua. Vậy chúng ta hãy giết đứa con khả ái dễ thương này, làm lương thực và vượt qua vùng hoang vu. Chớ để cả ba chúng ta đều bị chết....

"Này các tỳ khưu, các ngươi nghĩ thế nào? Chúng ăn món ăn (thịt đứa con - Ns) có phải để vui chơi ? Hay chúng ăn món ăn để tham đắm? Hay chúng ăn món ăn để trang sức? Hay chúng ăn món ăn để béo tốt?...[17]

Ý nghĩa bài kinh nói lên "vị tỳ khưu dùng vật thực để thực hành phạm hạnh, thành tựu mục đích giải thoát (ví như vượt qua vùng hoang vu), không phải dùng vật thực để rơi vào tham đắm..."

Sách Thanh tịnh đạo có ghi câu truyện sadi cháu ngài Saṅgharakkhita:

Ngài Saṅgharakkhita thấy vị sadi (là cháu Ngài cũng là đệ tử Ngài) dùng vật thực không quán tưởng, nên nhắc rằng:

- Này sadi, chớ có đốt cái lưỡi của ngươi bởi những vật thực này.

Xúc động, vị sadi quán tưởng vật thực, rồi lấy đó làm đề mục suy quán, chứng đạt quả Alahán. Sau đó, Ngài nói lên kệ ngôn:

"Thấy tôi thản nhiên ăn.
Thầy tôi bèn dạy răn.
Sadi không chế ngự.
Thì coi chừng lưỡi bong.
Nghe xong những lời thầy.
Tôi tinh cần nhiệt tâm.
Trong một thời thiền tọa.
Đắc Alahán quả....[18]
- Về chỗ trú ngụ: Quán tưởng rằng: "Ta thọ dụng chỗ trú ngụ đây để ngăn ngừa sự lạnh, nóng, muỗi mòng, gió, nắng... tránh khó chịu của thời tiết và được nơi yên tịnh để tu tập sa môn pháp.

- Về thuốc trị bịnh: Quán tưởng rằng: "Ta thọ dụng thuốc trị bịnh này để ngăn ngừa những sự khổ đã phát sanh và cho được dứt khỏ những đau khổ ấy".

Lưu ý rằng: "Ngoài những dược chất là thuốc trị bịnh. Có những loại vật thực cũng là dược chất, như vị tỳ khưu cần nước thịt (truyện cận sự nữ Suppiyā), Đức Sāriputta (Xálợiphất) bị bịnh sốt cần cần các cọng súng và cọng sen, hoặc 5 loại dược phẩm là: bơ lỏng(sappi), bơ đặc (navanītaṃ), dầu mè (telaṃ), mật ong (madhu), đường mía (phāṇitaṃ)".[19] Vì không được xem là vật thực, nên vị xuất gia cần quán tưởng theo cách "thuốc trị bịnh", để ngăn trừ tham đắm vào các "thuốc trị bịnh" này.

Sau khi thọ dụng:

Tương tự như trong khi đang thọ dụng, chỉ khác là "đã thọ dụng".

Sự quán tưởng thọ dụng đối với bốn món vật dụng, giúp tâm không rơi vào tham đắm.

Nếu trước hay trong khi thọ dụng bốn món vật dụng thì sẽ bố khuyết bằng cách quán tưởng "sau khi thọ dụng", nhưng chỉ có hiệu lực trước khi mặt trời mọc, nếu khi mặt trời mọc chưa quán tưởng xem như "thiếu nợ".

Các Giáo thọ Sư có nói rằng: "Có bốn cách thọ dụng tứ sự:[20]

- Thọ dụng như kẻ trộm:

Là sa môn không có giới hạnh (ác giới) thọ dụng 4 món vật dụng, cho dù có ngồi chung với Tăng chúng, gọi là dùng như kẻ trộm.

- Thọ dụng như người mang nợ:

Là bậc sa môn có giới hạnh, nhưng thọ dụng bốn món vật dụng mà không quán tưởng.

Đối với y phục phải quán tưởng mỗi khi mặc, vật thực phải quán tưởng trong từng vắt vật thực khi dùng. Nếu không quán tưởng trong khi thọ dụng thì sau khi thọ dụng phải quán tưởng vào canh đầu của đem, canh giữa của đên hay gần cuối canh chót của đêm. Nếu mặt trời lên mà chưa quán tưởng thì xem như "mang nợ".

Đối với trú xứ, cần phải quán tưởng mỗi khi dùng (cho dù đó là liêu cốc cá nhân của mình).

Đối với dược phẩm cần phải quán tưởng hai thời: trước và trong khi thọ dụng. Nêu trước khi thọ dụng có quán tưởng, trong khi thọ dụng thì không, xem như có lỗi. Trước khi thọ dụng không quán tưởng, trong khi thọ dụng có quán tưởng xem như không có lỗi.

- Thọ dụng như người thừa hưởng gia sản của cha (là sự thọ dụng tứ sự của bậc Thánh hữu học).

- Thọ dụng như người chủ (là sự thọ dụng tứ sự của bậc Alahán).[21]

- Nhẫn thu thúc giới (khanti saṃvarasīla).

Sự thu thúc bằng pháp nhẫn nại, nghĩa là sự kiểm soát tâm, không cho những tư tưởng ô nhiễm xâm nhập vào tâm, khi đang chịu đựng sự nóng nực, lạnh rét, hoặc những cảnh nghịch khác. Hoặc khi thọ dụng sắc, thinh, hương vị xúc giữ được tâm định tỉnh, không cho tham ái xâm nhập vào tâm.

"Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tỉnh. Như vậy, này các tỳ khưu, tỳ khưu kham nhẫn các sắc.

"Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tỉnh. Như vậy, này các tỳ khưu, tỳ khưu kham nhẫn các tiếng..

"Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu khi mũi ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thể giữ tâm định tỉnh. Như vậy, này các tỳ khưu, tỳ khưu kham nhẫn các mùi.

"Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu khi lưỡi nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tỉnh. Như vậy, này các tỳ khưu, tỳ khưu kham nhẫn các vị.

"Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu khi thân cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tỉnh. Như vậy, này các tỳ khưu, tỳ khưu kham nhẫn các xúc."[22]

- Tinh tấn thu thúc giới (viriya saṃvara sīla).

Còn gọi là nuôi mạng thanh tịnh giới (ājīva pārisuddhi sīla).

Vị tỳ khưu gọi là nuôi mạng chân chánh, là cố gắng xa lánh 5 ác pháp (pāpadhamma) và 21 điều tà mạng.

Có nữ du sĩ ngoại đạo là Sucimukhī có hỏi Đức Sāriputta (Xálợiphất) rằng:

- Này Sa môn, có phải người ăn cúi mặt xuống?

- Này chị, tôi ăn không cúi mặt xuống.

- Vậy Sa môn, người ăn ngưỡng mặt lên?

- Này chị, tôi ăn không ngưỡng mặt lên.

- Vậy Sa môn, người ăn mặt ngưỡng về bốn phương chính.

- Này chị, tôi ăn mặt không ngưỡng về bốn phương chính.

- Vậy Sa môn, người ăn mặt ngưỡng về bốn phương phụ.

- Này chị, tôi ăn mặt không ngưỡng về bốn phương phụ.

Và Đức Sāriputta (Xálợiphất) đã giải thích chó nữ du sĩ rõ rằng:

"Ăn cúi mặt xuống, là nuôi mạng bằng nghề địa lý (vatthuvijjaa) và súc sanh minh (nghề hèn hạ - theo sớ giải là xem tướng các con vật, như xem ngựa tốt hay xấu, voi, chó, mèo.. để định giá cao hay thấp các con vật ấy)".

"Ăn ngẩng mặt lên, là nuôi mạng bằng nghề xem thiên văn (nakkhattavijjā) và súc sanh minh (xem tướng các loài chim)."

"Ăn ngẩng về bốn hướng chính, là nuôi mạng bằng nghề "đưa tin, làm trung gian môi giới".

"Ăn ngẩng về bốn hướng phụ, là nuôi mạng bằng nghề "bói toán và các nghề hèn hạ khác".[23]

Nuôi mạng bằng những nghề trên, Đức Sāriputta gọi là "tà mạng".

Sự nuôi mạng chân chánh, gọi là tinh tấn thu thúc giới. Đối với người cư sĩ thì xa lìa 5 nghề nuôi mạng bất chánh là:

1'- Satthavaṇijjā:Buôn bán khí giới (như cung tên, gươm, đao...) dùng để sát hại sinh vật khác. 2'- Sattavaṇijjā: Buôn bán người hoặc thú. 3'-Maṃsavaṇijjā: Buôn bán thịt. 4'- Majjavaṇijjā: Buôn bán rượu. 5'- Visavaṇijjā: Buôn bán thuốc độc.[24]

Đối với bậc xuất gia thì xa lánh 5 ác pháp là:

1'- Kuhanā: Giả trá (làm bộ cao thượng).
2'- Lapanā: Nói hư ngụy.
3'- Nemittikatā: giả dạng (do thân và khẩu).
4- Nippesikatā: Nói hăm dọa.
5'- Lābhena lābhaṃ nijjigiṃsanata: lấy lợi câu lợi.
Đồng thời tránh xa 21 điều tà mạng (5 ác pháp và 21 điều tà mạng, xin xem trong Tứ thanh tịnh giới của Đại trưởng lão Bửu Chơn soạn, hay trong Thanh tịnh đạo).

Ngoài ra, thu thúc bằng pháp tinh tấn, là cố gắng ngăn chặn những ý nghĩ ác, ý nghĩ về dục lạc (kāma vitakka - dục tầm), ý nghĩ sân hận (byāpāda vitakka - sân tầm), ý nghĩ độc ác (vihiṃsā vitakka - hại tầm).

3) Năm ác pháp.

a- Kuhanā: giả trá.

Có ba loại giả trá:

- Giả trá có liên quan đến 4 món vật dụng (paccayapatisevana).

Khi có người Phật tử dâng cúng đến vị tỳ khưu các món vật dụng như y phục...

Dầu rất thích nhưng vì ham muốn thái quá, vị tỳ khưu ra vẻ "là người tu hành chân chánh" để được nhiều hơn, nói rằng "đối với vị tỳ khưu cần gì những đắc giá như thế này, chỉ cần những bộ y phấn tảo (paṅsukula) làm bằng vải vụn là đủ".

Về vật thực, vị ấy nói rằng: "đối với vị tỳ khưu cần gì những món ăn sang trọng như vậy, vị tỳ khưu chỉ thích hợp với những món ăn kiếm được do đi khất thực".

Về chỗ ngụ, vị ấy nói rằng: "đối với vị tỳ khưu cần gì chỗ ngụ tốt như thế này, chỉ cần chỗ ngụ dưới cội cây hoặc ngoài chỗ trống là thích hợp dành cho vị ấy".

Về thuốc chữa bịnh, vị ấy nói rằng: "đối với vị tỳ khưu, cần gì thuốc chữa bịnh đắc giá như thế, đối với vị ấy, chỉ cần nước tiểu bò đen là tốt rồi".

Để thực hành điều đã nói ra, vị ấy chỉ mặc y thô, chổ ngụ loại thô và thuốc chữa bịnh loại thô. Phật tử sẽ rất kính trọng vị ấy khi nghĩ rằng: "vị Đại đức này sống thiểu dục, tri túc, vị ấy đã thoát khỏi những ham muốn về vật chất và dục lạc, vị ấy không trà trộn với người cư sĩ: vị ấy cũng rất tinh tấn trong sự thực hành pháp".

Rồi dâng cúng bốn món vật dụng đến vị ấy, ngày càng nhiều. Bấy giờ vị tỳ khưu tham lam ấy khoát lác rằng:

"Này các phật tử, khi có hiện diện ba pháp này: đức tin, vật dụng dâng cúng và người thọ lãnh, khi đó vị thí chủ có lòng tịnh tính sẽ được nhiều phước. Ở đây là phật tử có niềm tin vững chắc, có

vật dụng để dâng cúng và ta là người thọ lãnh. Nếu ta không thọ lãnh vật thí của người thì phước của người sẽ bị tổn giảm. Bởi vậy, để tiếp độ cho người ta sẽ thọ lãnh vật thí của người mặc dầu ta chẳng cần đến chúng".

Nói như vậy, vị ấy thọ lãnh nhiều cổ xe y phục và vật thực, nhiều chổ ngụ và số lượng lớn thuốc chữa bịnh. Như vậy, dầu vị tỳ khưu ấy tham lam, giả vờ ít tham muốn, dùng những vật dụng loại thô để khiến cho phật tử đánh giá cao về vị ấy. Gọi là giả trá liên quan đến tứ vật dụng.

- Giả trá liên quan đến Pháp chứng (sāmanta jappana).

Tuy không nói thẳng: "Ta đã chứng thiền Đạo và Quả rồi", nhưng khiến mọi người nghĩ rằng "vị ấy đã chứng đạt Đạo quả", tỳ khưu ấy nóibóng gió như vầy: "vị tỳ khưu mặc loaiy như thế có oai lực, vị tỳ khưu mang loại bát đó, đồ lọc nước đó, dây lưng đó, đi loại dép đó là có oai lực".

Đây gọi là giả trá có liên quan đến pháp chứng, (chữ sāmanta nghĩa là gần với, sāmanta jappana: gần với pháp chứng đạt: thiền, Đạo và Quả siêu thế) để lừa phật tử.

- Giả trá trong oai nghi (iriyāpatha saṇthapana).

Vì muốn được Phật tử kính trọng và khen ngợi, vị tỳ khưu nghĩ rằng: "nếu ta đi theo cách này, mọi người se khen ngợi và kính trọng ta".

Rồi thực hành cách đi, đứng, nằm, ngồi giống như bậc Thánh.

Đây là giả trá trong oai nghi (iriyāpatha saṇthapana) để lừa gạt phật tử.

b- Lapanā: Nói hư ngụy.

Là cách nói do tham ác thúc đẩy. Như vị tỳ khưu trông thấy người đi đến chùa, liền đi đến trước họ và hỏi rằng: "này đạo hữu, đạo hữu đến đây để thỉnh các vị tỳ khưu phải không? Nếu vậy, đạo hữu hãy đi trước, bần tăng sẽ mang bát theo sau".

Hoặc nói rằng: "Ta là Trưởng lão Tissa, được Đức vua và các đại thần tôn kính"... (tức là khoe khoang điều không có thực).

Hay "nói bợ đở hay nịnh hót". Trong khi nói chuyện, vị ấy cẩn thận không làm phật ý hoặc làm buồn lòng các phật tử, trái lại còn tâng bốc, gọi họ là: "Đại Trưởng giả", "đại thí chủ", "bậc đại tịnh tín", "đại trí tuệ"... để lấy lòng phật tử, khiến họ dâng cúng đến vị ấy.

c- Nemittikata: Giả hiệu tướng.

Là gợi ý bằng cách ra dấu hoặc bằng lời, khiến người bố thí như:

Khi thấy một người nam mang một số vật thực, vị tỳ khưu muốn được cúng dường vật thực, nói rằng: "Có phải ông đã có được vật thực để cúng dường rồi chăng?", "ông kiếm được nó ở đâu vậy?", "Ông kiếm nó bằng cách nào?"...

Khi thấy những người chăn bò, vị ấy chỉ vào những con bê và nói rằng: "những con bê này uống sữa hay uống nước?". Những người chăn bò đáp lại rằng: "những con bê này còn đang uống sữa".

-Vậy à, các vị tỳ khưu cũng dùng sữa".

Những người chăn bò hiểu lời gợi ý của vị tỳ khưu và nói lại với cha mẹ (hay chủ) của chúng để dâng sữa đến vị tỳ khưu ấy.

Gợi ý như vậy để khiến người ta bố thí gọi là nói giả vờ (nemittikatā).

Sách Thanh Tịnh đạo có nêu ra một câu chuyện về vị Tỳ khưu Kulupaka, là người hay đến nhà phật tử, như sau:

Tỳ khưu Kulupaka là người có thói quen đến nhà phật tử, là đi thẳng vào nhà, tự tiện kéo ghế ra ngồi (vì ông luôn muốn có vật thực).

Một lần, tỳ khưu Kulupaka đi vào nhà một nữ cận sự, không muốn cho vị ấy vật thực, bà nói: "nhà con hết gạo rồi sư ơi!".

Rồi đi ra tựa như đang tìm xem có còn chút nào không và nấn ná ở ngoài nhà.

Bấy giờ, tỳ khưu Kulupana lén đi vào bên trong nhà, nhìn thấy cây mía trong kẹt cửa, những cục đường phèn ở trong cái bát, miếng cá chiên trong chảo, cơm trong nồi và bơ trong cái keo.

Vị ấy trở ra ngồi vào chỗ cũ. Nữ nhân đi vào, thấy vị tỳ khưu còn ngồi, nên nói rằng: "Không có vật thực sư ơi".

Vị Tỳ khưu nói rằng: "Bà ạ, sáng nay sư gặp điều báo không có gì để ăn".

- Điều gì vậy Sư?".

- Trên đường đến đây để tìm vật thực, Sư trông thấy con rắn lớn bằng cây mía ở sau kẹt cửa. Để đuổi nó đi, Sư bèn tìm một vật gì đó và trông thấy cục đá cỡ bằng cục đường phèn đựng trong bát, khi Sư ném cục đá vào con rắn thì cái đầu nó phình ra lớn bằng miếng cá chiên trong cái chảo. Khi con rắn há miệng ra để cắn cục đá, nó nhe răng trông trắng như phau như những hột cơm trong cái nồi, nước rải của nó tuôn ra giống như bơ trong cái keo".

Những lời nói của vị ấy như mạng nhện trói chặt con mồi, khiến nữ cận sự không còn lối thoát. Và bà miễn cưỡng cúng cho vị tỳ khưu Kulupana cây mía, cơm cùng với bơ, đường phèn và món cá chiên.

d- Neppesikatā: Nói chê trách.

Là dạng ác ngữ khác. Vị tỳ khưu muốn có lợi lộc bằng cách dùng lời tức bỏ hoặc phá vỡ những đức lành của người phật tử, như: để có được chất thơm phải nghiền nát hoặc

tán nhuyễn những vật liệu có chất thơm.

Nói chê trách có nhiều cách để buộc người ta bố thí, như: "người chẳng có đức tin chút nào cả", "ngươi chẳng giống như những phật tử khác".

Nói nặng với người không chịu cho như: "Thí chủ mà như thế à! đại thí chủ mà như thế sao".

Nói lời khiêu khích đến người phật tử không chịu cho trước mặt trước mặt những phật tử khác, như: "Này ông, đừng nên như ông... Ai đến nhà ông ấy khất thực, chỉ nhận được vỏn vẹn một câu: "Tôi chẳng có gì cả".

Đây là cách nói chê trách với mục đích tìm lợi lộc.

e- Labhena lābhaṃ nijisanatā: Lấy lợi câu lợi.

Như khi đi bát kiếm được vật thực kẹo bánh, vị tỳ khưu đem cho đến con cái của những phật tử có khả năng bố thí dồi dào.

Kết quả là cha mẹ bọn trẻ dâng cúng đến vị tỳ khưu ấy những thứ quý hơn, dồi dào hơn vì nghĩ rằng vị tỳ khưu kia thương mến con cái của mình.

Như vậy, sự kiếm sống bằng cách vi phạm sáu điều học do Đức Phật ban hành liên quan đến sự nuôi mạng như đã giải thích ở trước và năm ác pháp, được gọi là Tà mạng (Micchājīva).

Sự kiên tránh nuôi mạng bằng những hình thức trên, gọi là chánh mạng thanh tịnh giới.

4) Giới không vi phạm ((avītikkama sīla).

Đây là loại giới được tu tập bằng cách kiêng tránh sự vi phạm về thân, ngữ qua các điều học mà hành giả đã nguyện thọ trì.

Từ năm loại thu thúc giới và không vi phạm giới được mô tả ở trên, có thể suy ra rằng:

- Giải thoát thu thúc giới, là nhóm tâm sở (cetasika) có đức tin (saddhā) là trưởng (tín quyền), đi chung với tâm sở Tư (cetanā), vô tham, vô sân và vô si. Và Đức phật không cho chư tỳ khưu chế định học giới.[25]

- Niệm thu thúc giới, là nhóm tâm sở có niệm (sati) là trưởng (niệm quyền), đi chung với tâm sở Tư, vô tham, vô sân và vô si.

- Trí thu thúc giới, là nhóm tâm sở có trí (paññā) là trưởng, đi chung với tâm sở Tư, vô tham, vô sân và vô si.

- Nhẫn nại thu thúc giới, là nhóm tâm sở thiện dẫn đầu là vô sân, chế ngự những khó chịu của tâm trước nghịch cảnh.

- Tinh tấn thu thúc giới, là nhóm tâm sở có tấn (viriya) là trưởng, đi chung với tâm sở Tư, vô tham, vô sân và vô si..

- Giới không vi phạm, bao gồm nhóm tâm sở thiện, dẫn dắt tránh vi phạm các điều học đã thọ trì.

Trong đó tâm sở Tư có vai trò chính phối hợp với (một trong) ba tâm sở ngăn trừ phần (virati) là: chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

5) Vì sao được gọi là giới?

Đối với câu hỏi này, câu trả lời ngắn gọn là: Được gọi là giới vì:

- Không để các hành động thân khẩu diễn ra một cách thô bạo và phóng túng, nó kiểm soát và hướng dẫn thân, ngữ, ý được yên lặng.

- Là sự nâng đở, làm sanh khởi những loại tâm thiện trong: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế.

Ngoài ra, còn sanh khởi những câu hỏi như sau:

-"Định cũng hướng dẫn thân, ngữ, ý được yên lặng, vậy việc "hướng dẫn" giữa giới và định có khác nhau không?".

Đáp: Giới "kiểm soát thân, ngữ theo đúng pháp", đồng thời ngăn trừ thân, ngữ không cho thô tháo, phóng túng, hướng chúng vào sự yên lặng. Còn Định ngăn chặn tâm và các sở hữu tâm kết hợp với nó, "không cho tán loạn", bằng cách hướng chúng tập trung vào một đề mục.

Giới khác định về cách hướng dẫn như thế.

- "Địa đại (pathavī) cũng có phận sự "nâng đỡ", vậy phận sự của giới và địa đại có khác nhau không?".

Đáp: Giới "nâng đở tâm, tiến từ lãnh vực dục giới sang tâm thiện Sắc giới.. cuối cùng đạt đến tâm thiện Siêu thế".

Còn địa đại "nâng đở các pháp khởi sanh khác, không xa lìa nhau". Ví như bà nhũ mẫu giữ hài tử trong đôi tay, không để đứa bé bò lê lết quanh phòng.

Tức là phận sự nâng đở của địa đại "không cho vượt thoát", còn phận sự "nâng đở" của giới là "tiến lên".

Bộ Thanh Tịnh Đạo chỉ nêu ra hai nghĩa ngữ pháp sīlana như đã giải thích ở trên.

Nhưng một số vị Giáo thọ sư khác cho rằng: chữ sīla bắt nguồn từ chữ sira hay sīsa, cả hai đều có nghĩa là "cái đầu".

Khi đầu bị đứt thì người ấy chết, cũng vậy khi giới bị hoại, thì tất cả mọi loại phước đều bị hoại.

Do đó, chữ sīla hình thành từ chữ sira, hay từ chữ sīsa (thay "s" trong sa bằng "l" thành sīla).

Nhưng quan điểm này không thuyết phục, vì nó được rút ra chỉ dựa vào cái âm thanh tương tự từ các chữ sira, sīsa đối với chữ sīla, đồng thời diễn dịch "ý nghĩa cái đầu".

Nhưng không bàn về ý nghĩa thật của sīla là: "thói quen, tự nhiên, giới hạnh" như đã định nghĩa ở trên.

Tuy đặc tính "thói quen" mang cả 2 nghĩa "tốt lẫn xấu", nhưng chúng ta chỉ xét về thói quen tốt, là thói quen của các bậc hiền trí thuở xưa như chư Phật, các B6ạc Alahán...

Ở đây, chữ Sīla được dùng trên phương diện tốt đẹp, như chữ Dhamma (pháp) có thể là thiện pháp hoặc ác pháp, nhưng khi nói "con xin quy y Pháp" thì chữ Pháp ở đây là thiện pháp.

Tương tự, chữ "Saṅgha" (tăng) nghĩa là "nhóm", "tụ hội", như: "manussa saṅgha- nhóm người", "sakuma saṅgha- bầy chim". Nhưng khi nói "con xin quy y Tăng" thì Saṅgha chỉ mang ý nghĩa "chúng tỳ khưu".

Theo phương cách này, ý nghĩa của chữ sīla nên dùng theo định nghĩa của bộ Abhidāṇappadīpika là "đặc tánh tự nhiên".

Và Sīla được gọi là giới "vì đó là đặc tánh tự nhiên của những bậc hiền trí thuở xưa như chư Phật, chư Alahán..."

6) Tứ ý nghĩa của Giới.

Trạng thái (lakkhaṇa):

Giới có trạng thái (hay đặc tánh) là: kiểm soát những hành động vì thân khẩu của người ta và hướng chúng đi theo con đường đúng.

Hay: Giới là nền tảng cho tất cả mọi phước thiện.

Ngay cả khi bố thí, giới kiểm soát thân thực hiện hành động bố thí đúng đắn, hay kinh cung kỉnh, phục vụ...

Hoặc khi thuyết pháp, giới kiểm soát ngữ, hướng dẫn ngữ đi vào con đường đúng. Do đó nói rằng: " Giới là nền tảng mọi phước thiện".

Phận sự (rasa):

Giới ngăn chặn sự phạm tội do những hành động thân khẩu không được kiểm soát.

Giới giúp người ta duy trì hành kiểm trong sạch, thoát khỏi sự chê bai của bậc trí.

Sự hiện khởi (paccupaṭṭhāna):

Sự hiện khởi của giới là: "lời nói và việc làm được trong sạch".

Khi các bậc trí tuệ suy xét về bản chất của giới, họ thấy rằng: Đó là sự trong sạch thân hành (việc làm của thân), sự trong sạch của ngữ hành và sự trong sạch của ý hành.

Nhân cần thiết (padaṭṭhāna):

Nhân cần thiết (hay nhân gần) cho giới sanh khởi là: "hổ thẹn tội lỗi (hiri) và ghê sợ tội lỗi (ottappa)".

Tuy nghe pháp cũng làm sanh khởi giới, nhưng đó chỉ là nguyên nhân xa. Chỉ qua hổ thẹn tội lỗi, ghê sợi tội lỗi người ta mới từ bỏ thân ác, ngữ ác, và ý ác, nên hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi mới là nguyên nhân cần thiết.

Đức Phật có dạy:

"Hirimatā ca dujjīvitaṃ
Niccaṃ sucigavesinā.
Aline ' appabbhena.
Suddhājīvena passata.
"Khó thay, sống xấu hổ
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt."[26]
7) Lợi ích của giới.

Người có giới hạnh được hưởng nhiều lợi ích như tâm hân hoan dẫn đến hỷ lạc (pāmojja), có hỷ lạc dẫn đến thân tâm khinh an (passadhi), thân tâm khinh an dẫn đến định (samādhi).

Hoặc là: "Nhờ có giới, định sanh khởi dễ dàng, nhở định sanh khởi giúp hành giả có thể thấy các pháp như thật (yathābhūtañāṇa). Khi đạt đến tuệ quán thấy các pháp như thật, người ấy trở nên nhàm chán đối với sự khổ của luân hồi, nhàm chán các pháp hành mang đến sự khổ.

Khi tuệ quán tăng trưởng sung mãn, trở thành tuệ lực, hành giả diệt trừ ái dục, chứng đạt đạo tuệ dẫn đến tuệ quả giải thoát.

Nói cách khác, người ấy đã chứng ngộ Nípbàn hạnh phúc tuyệt đối.

Như vậy giới có nhiều lợi ích bao gồm sự chứng ngộ Nípbàn.

Trong nhiều bài kinh, khi có vị tỳ khưu lâm trọng bịnh, Đức Thế Tôn ngự đến nơi vị ấy ngụ, sau những lới thăm hỏi, Đúc Thế Tôn hỏi rằng:

"- Này Vakkali, ngươi có điều gì tự trách mình về giới luật không?[27]...

"- Này Assaji, ngươi có điều gì tự trách mình về giới luật không?[28]...

Rồi Đức Thế Tôn thuyết giảng lý vô thường của năm uẩn, trợ giúp các vị ấy chứng đắc quả Alahán.

Hay:

"Này các tỳ khưu, thành tựu năm pháp, vị tỳ khưu đáng được cung kỉnh, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là năm?.

-Này các tỳ khưu, ở đây, tỳ khưu đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đấy đủ giải thoát tri kiến...."[29]

Rõ ràng, từ giới vị tỳ khưu thành tựu định, tuệ. giải thoát và giải thoát tri kiến.

Thế nào là "đầy đủ giới"?

Sự không vi phạm thuộc về thân, sự không vi phạm thuộc về ngữ, sự không vi phạm thuộc về thân ngữ. Đây được gọi là "đầy đủ giới" (sīlasampadā).[30]

Ở trong nhiều bài kinh, Đức Phật nêu ra năm lợi ích sau đây mà người thọ trì giới và an trú trong giới có được.

"- Này các tỳ khưu, có năm lợi ích cho vị giữ giới, đầy đủ giới. Thế nào là năm?

1- Do nhân không phóng dật, thâu được tài sản lớn. 2- Tiếng lành được đồn xa. 3- Vào bất cứ hội chúng nào: Hội chúng Sátđếlỵ, hội chúng Bàlamôn, hội chúng gia chủ, hội chúng Samôn. Vị ấy không sợ hãi, không hoang mang. 4- Khi mạng chung, tâm không bị mê loạn. 5- Sau khi thân hoại mệnh chung sanh về cõi lành, thiên giới."[31]

Người không có giới lúc lâm chung thường hay ân hận về những việc ác đã làm, nên tâm thường bấn loạn, trái lại người có giới không hề hối hận về việc làm của mình khi cái chết đến với người ấy.

Thay vào cảnh tượng lúc sắp lâm chung là những việc lành đã làm. Những việc lành này lần lượt xuất hiện trong tâm của người ấy, khiến tâm rơi vào sợ hãi, tâm tỉnh táo để đối mặt với cái chết, giống như một người sắp được cái hủ bằng vàng vui sướng từ bỏ cái hủ đất.

Đức Phật có dạy chư tỳ khưu có ước nguyện, trước tiên phải là người đầy đủ giới.

- Này các tỳ khưu, nếu vị tỳ khưu có ước nguyện:

1- Mong rằng: Ta được các bậc đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng.

2- Mong rằng: Ta được các tư cụ như y phục, vật thực, trú xứ và thuốc trị binh.

3- Mong rằng: Những thí chủ cúng dường tứ sự ấy, có được quả báo lớn.

4- Mong rằng: Những thân bằng huyết thống với Ta, khi chúng chết và mệnh chung, nghĩ (đến Ta) với tâm hoan hỷ (và nhờ vậy) được quả báo lớn, lợi ích lớn.

5- Mong rằng: Ta sống luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên.

6- Mong rằng: Ta sống luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi.

7- Mong rằng: Tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phiền toái, Ta chứng được bốn thiền.

8- Mong rằng: ta chứng được 4 thiền Vô sắc.

9- Mong rằng: Ta diệt trừ được ba kiết sử (là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ - Ns), chứng đạt Dự lưu, không còn bị thối đọa.

10- Mong rằng: Chứng được quả Nhất lai.

11- Mong rằng: Diệt trừ năm hạ phần kiết sử, chứng quả bất lai.

12- Mong rằng: Chứng được các loại thần thông.

13- Mong rằng: Thành tựu quả vị Alhán.

Muốn thành tựu các ước nguyện ấy, tỳ khưu cần phải thành tựu" viên mãn giới", kiên trì nội tâm định tỉnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.[32].

Khi mở đầu bài kinh này, Đức Thế Tôn nhấn mạnh tầm quan trọng của giới, vì đó là căn bản cần yếu của sự tu tập để thành tựu những ước nguyện.

Theo bản Sớ giải: "Thành tựu viên mãn giới" là Giới học, "kiên trì, nội tâm định tỉnh, không gián đoạn thiền định" là Định học, "thành tựu quán hạnh" là tuệ học. Còn thích sống tại các trú xứ không tịnh là điều kiện để hoàn thành các mục tiêu trên.[33]

Về cư sĩ gìn giử năm giới có lợi ích như sau: "Người gìn giữ năm giới, sẽ đoạn tận năm sợ hãi hận thù và sẽ sanh về cõi trời".

"Này gia chủ, do duyên sát sanh, người sát sanh hiện tại sanh khởi sợ hãi hận thù, đời sau sanh khởi sợ hãi hận thù, tâm cảm thọ khổ ưu. Từ bỏ sát sanh, hiện tại không sanh khởi sợ hãi hận thù, đới sau sanh khởi sợ hãi hận thù,tâm không cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, như vậy sợ hãi hận thù được tịnh chỉ"

"Này gia chủ, do duyên lấy của không cho... do duyên tà hạnh trong dục... do duyên nói dối... do duyên đám say rượu men, rượu nấu..."[34].

Hay:

"Yo pāṇaṃ atipāteti
Musāvādañ ca bhāsati.
Loke adinnaṃ ādīyati.
Paradārañ ca gacchati.
Ai ở đời sát sanh. Nói láo không chân thật.

Ở đời lấy (của) không cho. Qua lại với vợ người.

Surāmerayapānañ ca
Yo naro anuyuñjati
Idh' evam eso lokasmiṃ
Mūlaṃ khaṇati attano.
Uống rượu men, rượu nấu.
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này.
Tự đào bới gốc mình.[35]
-ooOoo-

[1] - A.i, 263,

[2] - Mhv, Chương lễ Uposatha, Đại Đức Nguyệt Thiên dịch.

[3] - A.ī, 243.

[4] - A.i, 234.

[5] - Xem S.ii, 226.

[6] - A.ii, 26.

[7] - Luật Phân tích tỳ khưu - Đại Đức Giác Giới dịch.

[8] - A.i, 1.

[9] - A.iii, 93.

[10] - Itv. 22.

[11] - Itv. 23.

[12] - S.iv, 168.

[13] - Sn - 1035.

[14] - Sn - 1055 - 1056.

[15] - Luật phân tích tỳ khưu - Đại Đức Giác Giới dịch.

[16] - Mhv - Chương da thú, Đại Đức Nguyệt Thiên dịch.

[17] - S.ii, 97.

[18] - Visdhm, số 130 - Sư cô Thích nũ Trí Hãi dịch.

[19] - Mhv - Chương được phẩm, Đại Đức Nguyệt Thiên dịch. Trong chương này có ghi rõ những loại dược chất như là vật thực, nhưng không d8ược xem là vật thực.

[20] - Visdh.m - Sư cô Trí Hải dịch.

[21] - Visdh.m, số 125. Sư cô Thích nữ Trí Hải dịch.

[22] - A.iii,157.

[23] - S.iii, 238.

[24] - Kho tàng Pháp bảo - Đại trưởng lão Bửu Chơn soạn.

[25] - Luật Phân tích tỳ khưu, chương Ưng xả đối trị (nissaggiya), học giới (9-10). Đại Đức Giác Giới dịch.

[26] - Dhp- câu 245.

[27] - S. iii, 119.

[28] - S.iii, 124.

[29] - A.iii, 134.

[30] - Dhams- Phần Nhị đề kinh, Đại trưởng lão Tịnh Sự dịch.

[31] - A.iii, 252.

[32] - M.i, kinh Ước nguyện (Ākaṅkheyya sutta)

[33] - Bản của Đại trưởng lão Ñāṇamoli, Sư cô Thích nữ Trí Hải dịch.

[34] - A.iii, 204.

[35] - Dhp, câu 246 - 247.

-ooOoo-

III- Các học giới.

A) Giới hai chi.

1 -Giới nên làm (cāritta sīla) và giới không nên làm(vāritta sīla).

Chữ cāritta nghĩa là: "thói quen", "hạnh kiểm thực hành".

Chữ vāritta nghĩa là: "sự rỗng không", "sự tránh né", "điều không nên làm".

Giới nên làm hay hạnh giới là những gì Đức Phật dạy: "điều này nên làm", như: "thực hành các phận sự đối với thầy tế độ (upajjhāya), đối với thầy nương nhờ (nissaya)" hay "chồng đối với vợ, vợ đối với chồng...".

Giới không nên làm: Là những điều Đức phật cấm chế, như: "điều này không nên làm".

Giới không nên làm có hai điều:

- Khi vi phạm không còn cơ hội sữa chữa" như: "Vị tỳ khưu không được vi phạm vào 1 trong bốn điều tẩn xuất." Hay: "không được vi phạm vào ngũ nghịch đại tội: giết cha, giết mẹ, giết vị Alahán, làm chảy máu Phật và chia rẽ Tăng".

- Khi vi phạm còn cơ hội sữa chữa, như Ngài Aṅgulimala sát hại 999 người, sau cùng nổ lực tu tập chứng quả Alahán.

Đối với hạnh giới (cāritta sīla), một số người đã diễn dịch sai lệch rằng: "Giới nên làm, nếu không thực hành cũng vô tội, nhưng thực hành sẽ giúp giới người ấy thêm trong sạch."

Sự diễn dịch này chứng tỏ người ấy "không thật sự nhận biết lợi ích cùng không lợi ích của giới".

Chúng ta hãy xét một điều nên làm: "nên giúp đở người khác", giả sử một trú xứ nào đó, "không ai giúp đở ai" thì trú xứ ấy như thế nào? nạn trộm cắp có tăng trưởng không?. Vậy không giúp đở người khác tốt hay không tốt? có tội hay không?. Trong cộng đồng sinh hoạt chư Tăng, Đức Phật dạy "Chư Tăng nên sống trong pháp lục hòa"[1], các tỳ khưu không thực hiện thì tăng đoàn sẽ ra sao?

Hoặc giả: "Thầy đối với trò có năm điều, trong đó có:

- Sabbasippesu taṃ samakkhāyino bhavanti: Dạy hết sự hiểu biết của mình cho học trò (không dấu nghề).[2]

Nếu như vị thầy không thực hiện điều này thì những tinh hoa nghiệp nghệ sẽ mai một, thất truyền.

Đức Phật đã ban hành điều luật rõ ràng liên quan đến các phận sự phải thực hành của đệ tử đối với thầy Tế độ hay thầy Y chỉ, đồng thời thầy Tế độ hay thầy Y chỉ cũng có những phận sự đối với người đệ tử.

Bất cứ "thầy hay trò" không trú trong những điều học này, không những không làm tròn hạnh giới (cāritta sīla) mà còn phạm tội, vi phạm các điều học liên quan đến các phận sự bắt buộc phải thực hành (vatta bhedaka dukkata āpatti - phạm tội tác ác). Đó là nói về các bậc xuất gia trong Pháp luật này, đối với bậc xuất gia hạnh giới (cāritta sīla) được Đức phật đã ban hành, là giới bắt buộc phải thực hành.

Hoặc " Này các tỳ khưu, bao giờ tỳ khưu còn hội họp trong niệm đoàn kết và giải tán trong niệm đoàn kết thì tăng chúng còn hưng thịnh"[3]. Nếu không thực hiện thì Tăng chúng sẽ ra sao?

Còn đối với hàng tại gia cư sĩ thì sao? Cư sĩ có nên "tôn kính bậc đáng tôn kính, như các bậc trưởng thượng trong gia tộc không?", không "tôn kính bậc nên tôn kính sẽ có hậu quả ra sao?"

"Này thanh niên, ở đây có người nam hay người nữ ngạo nghễ, kiêu mạn, không đảng lễ người đáng đảnh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi người đáng mời ngồi, không nhường chỗ cho người đáng nhường chỗ, không tôn trọng người đáng tôn trọng,không cung kỉnh người đáng cung kỉnh, không đảnh lễ người đáng đảnh lễ, không cúng dường người đáng cúng dường. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục..."[4]

Do đó, có thể nói rằng: "Giới nên làm cũng là điều cần phải thực hiện, để trở thành một thói quen tốt trong hiện tại lẫn vị lai."

"Này các tỳ khưu, tỳ khưu không cung kỉnh, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng phạm hạnh, sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra...

"Này các tỳ khưu, tỳ khưu có cung kỉnh, có thận trọng, có sống tương hòa với các vị đồng phạm hạnh, vị ấy sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra..."[5]

Đức Phật dạy "điều nên làm" ví như "ngừa bịnh" hay ví như "đắp đê" phòng ngừa nước lũ. Những điều "nên làm" cần phải thực hiện để dần dần trở thành một hạnh tốt, làm "tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học. tăng thượng tuệ học".

Giới kiêng tránh (vāritta sīla) của người cư sĩ là năm giới.

Về 5 giới:

Các vị Luận sư giáo thọ có giải thích: "Đối với năm giới, chủ yếu chính là tâm sở Tư (cetanācetasika)".

1-Học giới lánh xa sự sát sanh (pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpada).

Chữ veramaṇī (tránh xa) đồng nghĩa với tâm sở Tư. Giới không sát sanh là tâm sở Tư đi với tâm sở vô sân (adosa cetasika) làm trưởng, khi nhận cảnh là "vật có mạng sống (chúng sinh)".

Chúng sanh trong điều học này ám chỉ "người, tất cà loài thú, chí đến những chủng tử trong phôi thai đã tượng hình".

Không sát hại mạng sống của chúng sinh khác là nuôi dưỡng tâm Từ (mettā), dập tắt sân hận. Tâm Từ là pháp giúp mình và người khác sống an vui, thoát khỏi ác nghiệp, thoát khỏi tai họa.

Đức Phật có dạy:

"Sukhakāmani bhūtāni
Yo daṇḍena vihiṃsati.
Attano sukhaṃ esāno
Pecca so na labhate sukhaṃ
"Kẻ tìm hạnh phúc cho mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác - cũng ưa thích an lạc - Kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc".

"Sukhakāmāni bhūtāni
Yo daṇḍena na hiṃsati
Attano sukhaṃ esāno
Pecca so labhate sukhaṃ
"Người nào tìm hạnh phúc cho mình mà không dùng gậy gộc hành hạ chúng sanh khác - cũng ưa thích an lạc - người ấy sẽ được hạnh phúc."[6]

Có câu hỏi rằng: "loài thú có tâm từ không?"

Đáp: Loài thú vẫn có tâm từ, bằng chứng rất rõ là "sự nuôi và chăm sóc con của chúng". Nhưng tâm từ của loài thú không mở rộng biên giới như loài người.

Giới sát sanh được xét theo ba khía cạnh: tâm (tức tâm sở Tư), đối tượng và hành động.

Tùy theo sự cố ý (tâm sở Tư) và đối tượng sát hại mà tội nặng hay nhẹ. Ở đây ngoại trừ những đối tượng như: cha mẹ, vị Alahán, Đức Phật, dù cho có cố ý hay vô ý phạm vào ngũ nghịch tội, vẫn phải bị sa đọa địa ngục, ví như thuốc độc cực mạnh, dù cố ý uống hay vô tình uống, cũng thiệt mạng như nhau. Chỉ khác nhau là đọa địa ngục nặng với thời gian lâu do cố ý, còn vô ý thì rơi vào địa ngục khổ ít hơn với thời gian ngắn hơn. Mặt khác, nếu người này biết tạo những thiện nghiệp để cản bớt quả của nghiệp ác đại nghịch, cũng làm giảm thiểu ác quả. Như trường hợp vua Ajātasattu (Axàthế) cố ý giết cha là vua Bimbisāra (Bình Sa vương), sau đó hối hận, ra sức ủng hộ Phật Pháp, tuy nhiên ông cũng phải rơi vào địa ngục Đồng sôi (thay vì địa ngục Vô gián (avīci)), với thời gian là 60 ngàn năm (thay vì trọn kiếp trái đất còn lại).

Sự cố ý và không cố ý được xác định trước khi thực hiện.

Như không có ý định sát hại, nhưng bất ngờ bị tấn công nên tự vệ, hoặc bất ngở bị khiêu khích nên nổi giận sát hại, gọi là không cố ý. Còn như có ý sát hại trước khi thực hiện, gọi là "cố ý".

Chữ veramaṇī mang ý nghĩa là "cố ý lánh xa", là "có tư tưởng - không hại đến chúng sanh khác", cho dù chúng sanh có xuất hiện hay không xuất hiện. Nếu như gặp những chúng sanh dữ, những kẻ nghịch, do có cố ý này vị ấy sẽ lánh xa, để tránh vi phạm vào học giới không sát sanh.

Đức Phật có dạy: "Có những lậu hoặc do tránh né được đoạn trừ"[7] là nói lên ý nghĩa này.

Sự cố ý có thể d0 tham ác dẫn dắt, như trường hợp kẻ cướp giết người, cướp của, hay do tham đắm trong vị ngon vật thực nên sát hại con vật, hoặc vì tham lợi mà sát sanh như thợ săn sát hại thú rừng để có lợi nhuận sinh sống...

Sự cố ý có thể do sân dẫn dắt, như "muốn" sát hại kẻ thù.

Sự không cố ý có thể do tâm thiện. Như trường hợp dạy bảo con, vô tình đánh trúng chỗ nhược, khiến con mệnh chung.

Sự không cố ý có thể do mục đích nào đó, như luyện tập nghệ thuật bắn cung, mũi tên đi lạc mục tiêu làm chết chúng sanh khác....

Nghiệp sát sanh có cố ý nặng hơn nghiệp sát sanh không cố ý.

Lại nữa, sau khi thực hiện xong, có sự hoan hỷ hài lòng, như khi sát hại được kẻ thù thì thỏa thích, hoặc sau khi làm rồi lại ăn năn hối hận thì quả nặng và nhiều hơn.

Một điều nên ghi nhận rằng: "Trong giới sát sanh, khi thực hiện (dù là cố ý hay không cố ý) là do tâm sở Tư phối hợp với tâm sở sân, vì sân có trạng thái hủy diệt đối tượng", cần phân biệt rõ: trước khi làm, trong khi làm và sau khi làm.

Mặt khác: "sự cố ý đi chung với phiền não mạnh sẽ có tội nặng hơn sự cố ý không có phiền não mạnh". Như trường hợp vì tham tiền nhận giết người vô tội sẽ có ác quả nặng và nhiều hơn đao phủ thủ giết tội nhân theo lịnh vua".

Có câu hỏi rằng: "Sau khi giết hại chúng sanh khác, có sự ăn năn ray rứt là tốt, sao lại có tội nặng hơn?".

Đáp: Theo luận Atỳđàm (abhidhamma): sự ray rứt, ăn năn khi việc ác đã làm. đó là trạng thái của tâm sở Hối (kukuccacetasika). Loại tâm sở này chỉ có trong tâm sân mà thôi, trong khi tực hiện sát hại chúng sanh khác là tâm sân, sau khi thực hiện xong cũng là tâm sân, Vì thế quả nghiệp sát sanh này mạnh và nhiều hơn.

Trong Sớ giải kinh Pháp cú có mẫu truyện "gã đao phủ Nanh đồng (tambadāṭhika)" hành nghề đao phủ suốt 55 năm. Vào ngày ngưng chức, ông cúng dướng đến Đức Sāriputta (Xálợiphất), khi Ngài phúc chúc bằng pháp thoại, Nanh đồng không thể đưa tâm theo dõi pháp thoại vì mãi nhớ đến hành động sát hại của mình.

Đức Xá Lợi Phất hỏi:

- Này gia chủ, vì sao ông không thể an tâm theo dõi pháp thoại?

- Bạch Ngài, vì tôi hành nghề đao phủ thủ lâu năm, nay nhớ lại hành vi của mình, nên không thể đưa tâm theo dõi pháp thoại.

- Này gia chủ, ông có cố ý giết người không?

- Bạch Ngài, tôi chỉ làm theo lịnh vua.

- Nếu thế thì ông không có tội nặng.

Ông Nanh đồng nghe vậy, lại hiểu lầm rằng "mình vô tội", tâm ông hân hoan nghe pháp và chứng đắc quả Dự lưu.[8]

- Giết người vì tự vệ mang nghiệp nhẹ hơn so với giết do nóng giận (tuy cùng không cố ý).

Về đối tượng sát hại.

Sát hại người có tội nặng hơn sát hại loài vật.

Đối tượng là người:

- Người vô tội và người có tội. - Người có lợi ích cho người khác và người không có lợi ích cho người khác. - Người có đạo đức và người không có đạo đức.

Người vô tội: Là người không phạm vào luật nước hay không đe dọa kẻ khác. Giết người như thế tội nặng hơn người phạm luật nước hoặc đang đe dọa đến sinh mạng, tứ chi hay tài sản kẻ khác.

Người có lợi ích cho người khác: Là người đang nuôi dưỡng cha mẹ, hay là người trụ cột sinh sống cho một số người khác. Giết người như thế là có tội nhiều, ngoài sự hủy diệt mạng sống của người ấy, còn hủy diệt sự an vui cho những người còn sống như cha, mẹ, thân tộc... của người ấy.

- Giết người có đạo đức có tội nhiều vì đã hủy đi tấm gương sáng cho người khác noi theo.

Có câu hỏi rằng: "tự sát có mang nghiệp sát sanh không?".

Đáp: Vẫn mang nghiệp sát sanh, vì trọn đủ năm chi:

- Chúng sanh có thức tánh.
- Biết chúng sanh có thức tánh.
- Cố ý giết.
- Rán sức giết.
- Chúng sanh ấy đã chết.

Đối tượng là súc sinh:

- Giết thú có chủ gìn giữ, quả báo nặng hơn giết thú vô chủ. Vì ngoài nghiệp sát sanh, còn thêm "nghiệp phá hoại tài sản người khác."

- Giết thú có lợi ích như trâu, bò, chim sẽ (ăn sâu bọ), quạ, ăn xác chết... mang nghiệp nặng hơn giết thú không có lợi ích.

- Giết thú lớn mang nghiệp nặng hơn thú nhỏ.

- Giết thú hiền lành như nai, hươu.. mang nghiệp nặng hơn giết thú hung dữ (như cọp, beo...).

Về cách thức:

- Hành hạ chúng sanh cho chết dần, mang nghiệp nặng hơn so với chết ngay.

2- Học giới lánh xa lấy của không cho (adinnādānā veramaṇī sikkhāpada).

Vật không cho ngoại trừ vô thức như vàng ngọc..., có thể là những sinh vật như những loài thú quý hiếm....

Giới lấy của không cho diễn ra theo nhiều cách:

1- Trộm: Là không có chủ lấy đi, chủ không biết.

2- Cướp: Là uy hiếp chủ nhân, buộc phải trao tài sản ấy.

Sự cướp diễn ra theo hai cách:

- Phá hoại tài sản của người khác, làm cho họ không được lợi ích. Trong Tạng Luật có ghi: "có vị tỳ khưu tháo nước từ ruộng này sang ruộng khác, phạm vào tội tẩn xuất (pārājika)" [9].

- Đoạt lấy tài sản bất kể chủ nhân có đồng ý hay không.

Sự uy hiếp có nhiều cách như: dùng vũ khí, dùng vũ lực, bắt lấy người thân của kẻ ấy để uy hiếp (làm con tin), dùng quyền lực, dùng hình phạt...

3- Giật lấy: Là đoạt tài sản trên tay người chủ.

4- Mạo nhận: Tự nhận là người thân, bạn bè... để lừa người lấy tài sản, hoặc nhận tài sản ấy là của mình (trong khi là của người khác).

5- Lừa gạt: Là nói dối để lấy của người, cách thức khác là: "mượn nhưng không bao giờ trả".

6- Gian lận: Là cân, đo, đong, đếm không đủ số lượng.

7- Giả mạo: Cũng là cách lừa gạt, nhưng diễn ra theo cách khác. Tức là dùng hàng giả (như vàng giả, tiền giả...) hay hàng kém phẩm chất để buôn bán như hàng đúng phẩm chất.

8- Xén bớt: như nàng Khujjuttarā chỉ mua hoa có 5 đồng, trong khi vua Udena ban cho 8 đồng để mua hoa.[10]

9- Trốn thuế.

Tùy theo tâm tư (cetanā), hành động và vật trộm(vatthu), nghiệp lấy của không cho nặng nhẹ khác nhau, như:

- Cố ý đi với tham ác, hay sân ác (là phá hoại tài sản người khác) mang nghiệp nặng. - Hành động trộm, hoặc cướp có vũ khí... mang nghiệp nặng. - Vật trộm có giá trị lớn, mang nghiệp nặng.

Giới không trộm cắp hàm ý "nuôi mạng chân chánh", tức là tài sản tìm được do nỗ lực chân chánh.

"Này gia chủ, có bốn pháp này khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?.

"Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp.."[11]

Và thế nào là tài sản khởi lên đúng pháp?

"Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra (sedāvakkhittehi), thâu được một cách hợp pháp"[12].

Sự nuôi mạng bằng những tài sản chân chánh có được, những tài sản không do những cách thức trộm cắp (như đã nói trên) có được, gọi là nuôi mạng chân chánh.

Có lần vua Pasenadi kiểm tra tài sản của một người giàu có đến 8oo triệu đồng tiền vàng, nhưng không có có và tài sản ấy được sung vào công khố.

Sau khi kiểm tra xong, vua Pasenadi (Batưnặc) đến yết kiến Đức Thế Tôn, trình bày lên Đức Thế Tôn vì sự kiện này. Đức Thế Tôn dạy:

"Người triệu phú giàu vì có lần cúng dường bát cơm đến Đức Phật Tagarasikkhi. Quả còn dư sót nên được làm trưởng giả bảy lần trong thành Sāvatthi (Xávệ) này.

Người triệu phú ấy đoạt mạng sống của người con độc nhất của người anh để chiếm gia tài, nên bị nung nấu trong địa ngục nhiều trăm ngàn năm. Quả còn dư sót, nên gia tài không người thừa tự, bị sung vào công khố 7 lần.

Người triệu phú này "phước cũ đã hết", phước mới chưa được cất chứa thêm. Sau khi mệnh chung bị rơi vào địa ngục Đại nhiệt thán (Mahāroruva)."[13]

3- Học giới lánh xa tà hạnh trong dục (kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpada).

Theo nguyên nghĩa là: "lánh xa sự thực hành sái quấy trong dục (sắc, thinh, hương, vị xúc)". Giới này có phạm vi rất rộng như: đam mê cờ bạc... cũng là "làm quấy trong dục", nên trong Tạng luật, Đức Phật có cấm chế các tỳ khưu "không được đi xem duyệt binh, không được tham dự các cuộc lễ hội vui chơi".

Trên phạm vi hẹp, đó là "lánh xa sự quan hệ tình dục bất chánh giữa nam và nữ".

Về bậc xuất gia là tỳ khưu, bất kỳ một quan hệ tình dục nào, với bất kỳ đối tượng nào, đều phạm vào tội tẩn xuất (pārājika).

Đối với cư sĩ: có ba hạng người nữ (nói gọn, nói rộng có đến 20 hạng) không nên quan hệ tình dục bất chánh là:

- Nữ nhân sống trong sự bảo hộ của gia tộc, như: bà, mẹ, con, cháu, chắt...

- Nữ nhân có lễ giáo bảo hộ, như các tỳ khưu ni, các nữ đạo sĩ...

- Nữ nhân có luật pháp bảo hộ, như những nữ nô lệ thời xưa...

Tương tự cũng có ba hạng nam nhân "không nên quan hệ tình dục bất chánh" như trên.

Đức Phật có dạy:

"Mal' itthiyā duccaritaṃ: Tà hạnh nhơ nữ nhân"[14]

Bằng lòng với vợ nhà (hay chồng), gọi là chánh hạnh. Không quan hệ tình dục gọi là phạm hạnh.

Về lãnh vực vi phạm:

- Nếu chỉ để thỏa mãn dục tính, không có tình nghĩa chi cả (như cưởng hiếp) thì nghiệp nặng so với có tình nghĩa.

- Tà hạnh với bậc có giới đức thì nghiệp nặng so với thường nhân. Chàng thanh niên Nanda đã cưởng bức vị nữ Thánh Uppalavaṇṇā, sau đó bị đất rút là điển hình.

Lại nữa, trong 10 điều tẩn xuất của Sadi có điều thứ 10 là: "dâm vải tỳ khưu ni" và điều thứ 3: "phạm tà dâm". Tuy hình thức hai điều này giống nhau, nhưng nội dung thì khác nhau:

- Sadi phạm tà dâm bị tẩn xuất, sau đó có thể xuất gia lại trong Giáo pháp này, đồng thời có thể thọ giới tỳ khưu.

- Sadi phạm tà hạnh với tỳ khưu ni, vĩnh viễn bị tẩn xuất khỏi phẩm mạo xuất gia.

Nữ nhân quan hệ bất chánh với các tu sĩ sẽ phạm nghiệp tà dâm nặng hơn so với những nam nhân bình thường.

Dĩ nhiên, vị tỳ khưu đã "tự hủy đời sống phạm hạnh" dù có hay không có người thứ ba biết, cũng xem như "chiếc lá rụng" không thể nào gắn dính vào cây được nữa.

Riêng nữ nhân ấy phạm vào 2 trọng nghiệp: tà hạnh trong dục và hủy hoại đời sống phạm hạnh của Samôn, vị ấy có thể chứng được đạo quả nếu duy trì được đời sống phạm hạnh.

Thanh niên Sundasamudda người thành Xávệ (Sāvatthi), xuất gia trong giáo pháp này, Ngài tinh cần tu tập và trì hạnh đầu đà "đi khất thực từng nhà". Chỉ vì dính mắc vào vị ngon vật thực, suýt nữa ngài đã bị cô gái giang hồ kéo lôi trở về đời sống thế tục. Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước mặt Trưởng lão Sundasamudda (Mỹ Hãi). dạy kệ ngôn:

"Yo' dha kāme pahatvāna
Anāgaro paribbaje.
Kāmabhava parikkhīnaṃ
Taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.
"Ai ở đời, đoạn dục.

Bỏ nhà sống xuất gia.
Dục hữu được đoạn tận.
Ta gọi Bàlamôn"[15]
Trong sách Minh giải thiền quán d0 trưởng lão Asābha biên soạn[16] có nêu:

"Vị tỳ khưu phạm vào tội tẩn xuất, khi hoàn gia hoặc xuống phẩm mạo sadi, tinh tấn hành đạo có thể chứng đắc đạo quả".

Tuy nhiên, "vị ấy rất khó khăn và gặp nhiều chướng ngại trong việc hành pháp".

Học giới này, nhằm rèn luyện pháp "ít ham muốn thụ hưởng dục lạc".Vì các dục lạc vui ít khổ nhiều.

Người phạm vào giới này thường rơi vào bốn điều khổ:

- Gặt hái tội khổ.
- Ngủ không yên.
- Bị khiển trách.
- Rơi vào khổ cảnh.

Attāri ṭhānāni naro pamatto.
Āpajjati paradārūpasevī.
Apuññalābhaṃ na nikāmaseyyaṃ
Nindaṃ tatiyaṃ nirayaṃ catutthaṃ
"Bốn điều bất hạnh đến với người khinh thường, có hành động tà dâm: Gặt hái tội khổ, ngủ không yên giấc, ba là bị khiển trách và bốn là ở khổ cảnh".[17]

Lại nữa: các Giáo thọ sư có giải thích ý nghĩa " kāmesu micchā cārā: làm sái quấy trong dục lạc" như sau:

- Là vợ nhà nhưng quan hệ tình dục ở nơi tôn nghiêm như: đền, miếu, tự viện.. là hành sái quấy trong dục lạc.

- Là vợ nhà nhưng nữ nhân ấy đang trong tình trạng bịnh (hoặc kinh nguyệt), suy nhược cơ thể, đang mang thai (cận ngày)... không thể giao hoan được, nhưng người chồng vẫn giao hoan, là hành sai trong dục lạc.

Theo quan niệm cổ của Bàlamôn giáo, vì mục đích duy trì nòi giống, nên các nam Bàlamôn chỉ đi đến nữ Bàlamôn trong thời kỳ có thể thụ thai mà thôi, về sau vì ham mê dục lạc các nam Bàlamôn đi đến nữ Bàlamôn bất kể thời kỳ, nên giới này ra đời. Và giới nảy, theo nghĩa nghiêm khắc thì "chỉ quan hệ tình dục với vợ trong thời có thể thụ thai".

"Này các tỳ khưu, thuở xưa các nam Bàlamôn chỉ đi đến các nữ Bàlamôn trong thời có thể thụ thai, không có đến trong thời không thể thụ thai".[18]

Và:

"Này Dona, nếu vị Bàlamôn đi đến người đàn bà trong thời không thể thụ thai, thời nữ Bàlamôn ấy trở thành một phương tiện để thỏa lòng dục (kāmatthā), để vui đùa

(davatthā), để thỏa thích (ratatthā)."[19]

4- Học giới lánh xa nói dối (musāvādā veramaṇī sikkhāpada).

Dối trá (musā) có hai cách:

- Biểu lộ bằng thân như viết thư, hoặc ra dấu hiệu đánh lừa sự hiểu biết của người khác, như: Vị tỳ khưu ác giới nhưng thân ra vẻ nghiêm trang đạo mạo...

Câu truyện tiền thân Sigāla[20] hay truyện tiền thân Godha[21] là điển hình cho cách dối trá bằng thân.

Có một vị tu khổ hạnh giả dối đến ở tại một am thất, Bồ tát bấy giờ sanh làm con cắc kè, Ngài thường đến đảnh lễ vị ấy .

Một hôm thọ dụng món thịt cắc kè do người trong làng cúng dường, vị tu sĩ khổ hạnh giả hiệu tham đắm trong vị, nảy sinh ác ý. muốn giết con cắc kè thường hay đến đảnh lễ mình.

Vị tu sĩ cầm cái vồ giấu trong áo, ngồi trước của chòi lá chờ Bồ tát đến với dáng điệu hết sức an tịnh.

Như thường lệ, vào buổi chiều Bồ tát đến đảnh lễ vị tu sĩ, Ngài thấy dáng điệu khác lạ hơn những ngày trước, Ngài đề phòng và thoát khỏi tai nạn. (Bổn sanh Godha).

Đức Phật có dạy kệ ngôn:

"Kiṃ te jaṭāhi dummedha
Kiṃ te ajinasātiyā.
Abbhantaraṃ te gahaṇaṃ.
Bāhiraṃ parimajjasi.
"Này hỡi người kém trí, thắt tóc bính ích gì? Mặc y phục bằng da dê ích gì? Bên trong còn đầy dục vọng, bên ngoài lại điểm tô"[22].

- Biểu lộ qua lời nói. Sự nói dối có những cách như sau:

*- Nói dối: Là nói điều không có thật, như: thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, không biết nói biết...Nói dối để hai bên có sự bất hòa, gọi là nói đâm thọc, nói để gạt người để có tài vật, gọi là lường gạt, nói để tâng bốc người khác không đúng thực trạng người ấy có, gọi là xiểm nịnh...

*- Trân tráo: Là thường xuyên nói dối hay điều dối trá được nói đi nói lại nhiều lần.

*- Khoa trương (satheyya): Là khoe khoang những điều người ấy không có, như: "có bí thuật trường sinh...".

*- Phóng đại: Là nương chút ít sự thật rồi thêu dệt thêm những điều không có thật. Hoặc nương một sự kiện có thật rồi "vẽ ra" những tình huống không có thật.

*- Xảo ngữ: Là nói theo cách lánh né sự thật, như: "khi thấy một người, thay đổi oai nghi không nhìn người ấy đi, có ai hỏi sẽ nói: Từ khi tôi đứng (hay ngồi) đây, tôi không thấy ai cả...".

Cách này xét về sự kiện thì không phải là "nói dối", nhưng nội tâm kẻ ấy biết rõ "sự thật bị che giấu, người nghe đã bị đánh lạc sự hiểu biết". Nên cũng được liệt vào nói dối.

*-Tráo trở: Là không xác định vấn đề, đây cũng là hình thức ngụy biện luận: "Tôi không nói như thế này, tôi cũng không nói như thế kia..." hay "điều này là như thế này, cũng không là như thế này, cũng không là như thế kia..."

Không nói dối, hàm ý "tuân thủ theo sự thật". Đức Phật có dạy:

"Ekaṃ dhammaṃ atītassa
Musāvādissa jantuno.
Vitiṇṇaparalokassa.
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.
"Ai vi phạm một pháp.
Ai nói lời vọng ngữ.
Ai bác bỏ đời sau.
Không ác nào không làm".[23]
Theo bản sớ giải "vi phạm một pháp" là vi phạm vào "sự chân thật". Đời sau có nhưng cho là không có, tức là phủ nhận "sự thật".

Như vậy, nói dối là biểu hiện "bác bỏ sự thật" và thế là làm duyên cho "mọi ác sự (không ác nào không làm)".

Tùy theo tâm sở Tư, hành động và đối tượng, nghiệp tạo ra qua nói dối nặng nhẹ khác nhau, như:

- Với sự cố ý đi chung với tham ác hay sân ác thì nghiệp nặng, như vu cáo gian để hại người...

- Là lập đi lập lại nhiều lần, cố gắng làm cho người khác tin vào điều không thật thì nghiệp nặng.

"Này các tỳ khưu, nói láo được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả hết sức nhẹ của nói dối là được làm người, bị vu cáo không đúng sự thật."[24]

- Dối trá với người có ân đức với mình: cha, mẹ, thầy... hay bậc có giới hạnh thanh cao thì mang nghiệp nặng so với người ác giới, người không có ấn đức cao trọng với mình.

Có câu hỏi rằng:" Sự thất hứa có phải là nói dối không?"

Đáp: Thất hứa có hai cách:

- Do quên nên không thực hiện lời hứa, như vua Bình Sa vương hứa cúng dường liêu thất cho Trưởng lão Subhūti, nhưng rồi quên.[25]

Sự thất hứa này không kể vào nói dối.

- Do hủy bỏ lời hứa. Có hai cách:

a- Do nhận thấy việc sắp thực hiện là ác quấy, nên hủy lời hứa. b- Do những điều kiện ngoài ra.

Cả hai cách này đều xem như nói dối. Tuy nhiên, nếu thấy điều sắp thực hiện theo lời hứa thì càng tạo nhiều ác nghiệp, mang đến tai hại cho mình và nhiều người thì nên hủy lời hứa (dù phạm vào nói dối, nhưng ác nghiệp nhẹ hơn).

5- Học giới lánh xa uống rượu và các chất say (surāmeraya veramaṇī).

Học giới này có mục đích ngăn trử phóng dật (appamāda) do tâm hưng phấn gây ra.

Rượu và chất say là những dược chất kích thích tâm, làm cho tâm mất tỉnh giác, mất điềm tỉnh dễ dàng rơi vào tội lỗi hoặc bất thiện. Học giới này nhằm mục đích "gìn giữ trí", không làm cho trí hư hoại, vì rượu hay chất say làm trí tuệ hao mòn. Đức Phật có dạy:

"Uống rượu men, rượu nấu, này các tỳ khưu, được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn đưa đến địa ngục, đưa đến bàng sanh, đưa đến ngạ quỷ. Quả hết sức nhẹ của uống rượu men, rượu nấu là được làm người với tâm điên loạn (ummaltaka)."[26]

Các Giáo thọ sư dạy rằng: "Trong năm giới. giới uống rượu là nặng nhất". Vì rằng: rượu làm hủy hoại trí, người không có trí không thể đắc đạo quả, trái lại tuy sát sanh sẽ là người yểu tử nhưng chứng được đạo quả trước khi "sự chết đến". Chúng ta hãy hình dung: một người thiếu trí (do uống rượu) nhưng thọ mạng dài (do không sát sanh), người này vẫn không thể chứng đạo quả. Trái lại, một người có đủ trí tuệ (do không uống rượu) khi nghe phật pháp có thể chứng Đạo quả,

dù thọ mạng ngắn (do sát sanh). So sánh như thế, thấy rõ giới không uống rượu và chất say rất quan trọng.

Một số người cho rằng "uống rượu không say thì không sao".

Đây là một quan kiến sai lầm, vì chất say âm thầm hủy hoại trí người ấy, một ngày nào đó trí sẽ bị chất say này tiêu diệt, như hình ảnh cán búa bị mòn. Sự bào mòn cán búa qua sử dụng hằng ngày không thấy rõ, nhưng một ngày nào đó, khi nhìn lại thì cán búa đã mòn. Cũng vậy, uống rượu và chất say tuy không thấy rõ tai hại "hoại trí" ngay, nhưng một ngày nào đó "sự hoại trí" sẽ thành sự thật.

Trong hiện tại, người uống rượu có năm quả báo:

a- Sandiṭṭhikā dhanajāna: Hiện tại tài sản bị hao mòn. b- Kalahappanavaḍḍhanī: Làm sanh khởi bất hòa. c- Rogānaṃ āyatanaṃ: Sáu cơ quan (lục căn) sanh bịnh d- Akittisañjanī: Mất danh tiếng. e- Hirikopīnaniddamsanī: Đánh mất sự hổ thẹn (mất nết, lả lơi, có khi nằm dưới đất, có khi lõa thể...).

Ngoài ra còn kéo theo:

f- Paññāya dubbalīkaraṇī: là nhân khiến trí tuệ hư hoại.[27]

" Này các tỳ khưu,một số samôn, Bàlamaôn uống rượu men, uống rượu nấu, không từ bỏ (apaṭivirata) rượu men, rượu nấu. Này các tỳ khưu, đây là uế nhiễm thứ nhất của

Samôn, Bàlamôn, do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các samôn, bàlamôn không có chói sáng... không rực sáng". [28]

Hay:

"Người đắm say nữ nhân.
Đắm say rượu, cờ bạc.
Hoang phí mọi lợi đắc.
Chính cửa vào bại vong"[29].
Ngoài năm giới "xa lánh (vāritta sīla)" căn bản, người cư sĩ cũng thọ trì tám giới gồm:

Bốn giới chánh: không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối và không dùng rượu và chất say.

Thêm bốn giới phụ: không hành dâm (abrahmacariya), không ăn sau khi mặt trời đứng bóng (vikāla bhojanā - dùng vật thực không đúng thời), không múa hát, thổi kèn, đàn, không thưởng thức chúng. Và không nằm ngồi quá cao và xinh đẹp.

Những nghiệp thuộc về bốn giới phụ này không nhất thiết dẫn đến các khổ cảnh, những cư sĩ bậc thánh Dự lưu, Nhất Lai cũng quan hệ tình dục hợp pháp với chồng vợ của họ, cũng ăn sái giờ, khiêu vũ, hát hò ... và ngũ trên giường cao - sang trọng.

Nhưng những vị ấy làm với tâm không kết hợp tà kiến (diṭṭhi vippayutta citta), nên những nghiệp ấy không cho kết quả tái sanh trong các khổ cảnh.

Nhưng người phàm tục làm những việc này với tâm kết hợp tà kiến (diṭṭhi sampayutta citta) có thể dẫn xuống khổ cảnh.

Vũ kịch sư Tālaputa đi đến yết kiến bạch hỏi Đức Phật:

"Có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích vui cười, người ấy khi chết được sanh về cõi chư thiên hý tiếu (hay cười) không?".

Đến lần thứ tư, Đức Phật mới dạy:

"Những ai khiến người khác thiên về tình dục, tiêu cực, tâm hoang mang. Sau khi chết sinh về địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thì bị sanh vào địa ngục và bàng sanh"[30]

Do đó, bốn giới: không hành dâm, không ăn sái giờ, không múa hát thổi đờn kèn, xem múa hát nghe đờn kèn (giới thứ 7 của bát quan giới) và không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp, được xem là giới nên hành (cāritta sīla).

Khi cận sự nam (upāsaka) hay cận sự nữ (upāsikā) đã quy y Tam Bảo và giữ gìn ngũ giới một cách rất thận trọng. Nếu tinh tấn hơn nữa nên thọ trì tám giới, sự thọ trì này nhằm mục đích thực hành đời sống phạm hạnh, là sự tinh tấn ở mức độ cao trong việc thực hành "tăng thượng giới học".

Nhưng Đức Phật không hề nói rằng: sự thọ trì tám giới sẽ giúp người ta thoát khỏi tái sanh vào khổ cảnh và cũng không nói "thọ trì năm giới là đủ an toàn để thoát khỏi mối hiểm họa bị tái sanh vào khổ cảnh".

Bốn giới phụ của cư sĩ, đối với tỳ khưu, Đức Phật nghiêm cấm không được dễ duôi, những giới này là "kiêng tránh giới (vāritta sīla)" đối với tỳ khưu.

Điều cần quán xét.

Nếu không quán xét kỹ hoặc suy xét một cách hời hợt về hai loại giới: "nên làm và kiêng tránh". Nhất là "việc các đệ tử bậc Thánh như: bà Visakhā, Isidatta[31] quan hệ tình dục hợp pháp, ăn sái giờ, múa hát đờn kèn... (bà Visākhā cũng đi dự lễ hội, để rồi đến Kỳ viên tinh xá (Jetavanavihāra) để quên món nữ trang đệ nhất, là duyên cho Đông phương tự hiện khởi) có thể dễ dàng phát sanh nghĩ sai rằng "tất cả những hành động như vậy là vô tội", để rồi có khuynh hướng buông thả với những hành động như vậy sâu hơn.

Những nghiệp tạo ra từ sự vi phạm 5 giới: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và dùng những chất say, những ác nghiệp này chắc chắn dẫn đến các khổ cảnh. Đó là lý do khiến các bậc Thánh không bao giờ vi phạm. Dù cho có sự tai họa đến tính mạng, các vị Thánh sẵn sàng từ bỏ mạng sống, nhất quyết không vi phạm vào 5 giới này [32], vì với đạo tuệ Dự lưu, các Ngài đã đoạn diệt tất cả những pháp ngũ ngầm xui khiến tạo các ác nghiệp.

Cái nhìn của các bậc thánh về các dục lạc không giống như phàm phu, cái vui thích dục lạc của bậc Thánh cũng khác với phàm phu.

Theo Sớ giải kinh Tăng Chi, bài kinh:

"Thấy vị ngọt có thể khởi lên kiết sử. Và thấy nhàm chán trong các pháp có thể khởi lên kiết sử..."[33] .

Phàm nhân nhìn dục lạc có thể bị dục lạc trói buộc, còn bậc Thánh thì thấy nhàm chán trong các pháp ấy.

Bản Sớ giải nói rằng: Thái độ của bậc Thánh đối với dục lạc giống như thái độ của vị Bàlamôn thích sạch sẽ, khi bị voi dữ rượt, miễn cưỡng phải trốn vào hố xí rất nhờm gớm.

Cũng vậy, do chưa đoạn tận tùy miên ái dục đối với các dục lạc, nên các bậc Dự lưu, Nhất lai khi bị ái dục lạc đòi hỏi, các Ngài cư xử dục lạc bằng tâm tham không có tà kiến, với mục đích làm dịu sự thiêu đốt của phiền não đó thôi. Ví như người bịnh đau nhức cần phải uống rượu thuốc để bớt đau nhức, thâm tâm không thích uống rượu chút nào.

Do đó, đối với bốn giới: quan hệ tình dục (đối với vợ hay chồng), ăn sái giờ, ca múa... và nằm, ngồi chỗ quá cao và xinh đẹp, người cư sĩ nên thọ dụng với tâm "không thích thú" và "không có tà kiến" sẽ không cho quả tái sanh vào khổ cảnh. Trái lại, thọ dụng với tâm thích thú và có tà kiến dễ dẫn vào khổ cảnh.

Sự phân chia tám giới ra thành bốn giới "nên thực hành", bốn giới nên "xa lánh", chỉ khi nào phát nguyện thọ trì riêng từng giới.

Nhưng nếu thọ trì chung tám giới như: "con nguyện thọ trì bát quan trai giới", thì cả tám giới đều là "giới kiêng tránh (vārittasīla)".

Riêng năm giới, dù thọ trì riêng từng giới hay thọ trì chung cũng đều là "giới kiêng tránh".

Giới nên hành (cārittasīla) thành tựu do nương vào đức tin và tinh tấn cao. Nghĩa là tin rằng kết quả thiện sẽ đi theo nghiệp thiện trong việc thọ trì giới và cố gắng giữ gìn những giới ấy.

Còn giới kiêng tránh, không cần thiết phải có cố gắng cao, chỉ cần có đức tin với sự cố gắng trung bình là đủ. Tức là vào những ngày uposatha không thực hành giới bát quan.

- Hạnh giới tối thắng (abhisamācārika sīla), cũng được xem là giới kiêng tránh.

Đây là "thiện hạnh giới" bao gồm tất cả mọi hình thức thân, ngữ và nuôi mạng.

Giới này còn có tên gọi là: "tám giới chánh mạng (ājīvaṭṭhamaka sīla)", sở dĩ có tên gọi như thế vì có Chánh mạng giới dẫn đầu.

Giới này hình thành đời sống thanh tịnh, cũng được gọi là căn bản hạnh giới.

Hạnh giới tối thắng (abhisamācārika sīla) gồm: ba thân nghiệp giới (không sát sanh, trộm cắp, không tà hạnh trong dục lạc), bốn ngữ nghiệp giới (không nói dối, không nói đâm thọc, không nói thô lỗ chữi mắng, không nói phù phiếm vô ích) và nuôi mạng chân chánh.

Bộ Visuddhimagga giải thích rằng: Tám giới này phải được thực hành viên mãn trong giai đoạn đầu của sự tu tập thánh đạo, nên được gọi là "căn bản hạnh giới (giới khởi đầu phạm hạnh)".

Rất có thể nhiều người hiểu sai lệch rằng: "giới phải thọ trì trước là ngũ giới, bát giới hay thập giới, còn "hạnh giới tối thắng" là những giới thành tựu sau khi chứng đạt đạo quả Siêu thế".

Nói cách khác, có người này chưa hề nghe một loại giới nào được gọi "căn bản phạm hạnh giới" cả, có thể họ cho rằng: giới ấy không phải do Đức Phật giảng dạy, giới ấy được lập thêm về sau, không có giá trị đặc biệt chi cả.

Thực tế thì "căn bản phạm hạnh giới" được chính Đức Phật giảng dạy. Sách Visuddhimagga có trích dẫn như sau:

"Tenāha pubbevakho pan' assa kāyakammaṃ vācikaṃmaṃ ājīvo suparisuddho hotīti: Ở đây, trước tiên là thân nghiệp thanh tịnh, ngữ nghiệp thanh tịnh và nuôi mạng thanh tịnh."[34]

Đức Phật xuất hiện trong thời thế gian bị bao trùm bởi bóng tối của vô minh và ái dục, đời sống con người do không giữ giới nên bị suy đồi, chìm trong thân ác, ngữ ác cùng với sự nuôi mạng không chân chánh.

Đức Phật muốn in sâu một nếp sống đạo đức trong tâm trí mọi người, qua sự thực hành giới.

"Ở đây, này các tỳ khưu, các học pháp thắng hạnh (abhisammācārikā) được ta chế định cho các đệ tử, để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai có lòng tin, được tăng trưởng lòng tin....[35]

Vào buổi sơ thời, khi đại chúng chưa hiểu về Phật pháp nhiều (tức là giai đoạn khởi đầu của việc truyền bá giáo pháp), đối với người chưa có niềm tin nơi Đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng, Đức Phật dạy loại giới thích hợp với tâm tư bình dị cùng sự hiểu biết của phần lớn đại chúng là: "căn bản phạm hạnh giới", để họ lánh xa những thói quen ác xấu ở dạng thô thiển.

Về sau, những chúng sanh này đã thuần thục như ngựa chiến khéo huấn luyện, voi dữ khéo thuần hóa, Đức Phật dạy ngũ giới và bát quan trai giới.

Nói cách khác, 5 giới hay 8 giới là loại giới dành cho người đã đạt đến mức độ thanh tịnh cần thiết, còn "căn bản phạm hạnh giới" dành cho người sơ cơ chưa biết gì. Những vị A xà lê từ thời Đức Phật cho đến nay không còn truyền "căn bản phạm hạnh giới", vì "căn bản phạm hạnh giới" chỉ dành cho những người có đạo đức suy đồi.

Có câu hỏi rằng: "Căn bản phạm hạnh giới, là pháp hành đầu tiên dành cho người suy đồi đạo đức.Vậy có còn thích hợp để thọ trì trong thời hiện tại không?".

Câu nói "pháp hành đầu tiên", chỉ có thể áp dụng đối với người chưa thọ trì loại giới nào cả.

Những người vừa từ bỏ tà kiến, bắt đầu tin theo Phật, sẽ tự thanh lọc mình qua "căn bản phạm hạnh giới". Nhưng khi đã an trú tốt trong đức tin giáo pháp, và được tiến bộ trong giới thì "căn bản hạnh giới" không còn gọi là "pháp hành đầu tiên" nữa.

Nói cách khác, "căn bản phạm hạnh giới" là bước cần thiết dành cho người không quen sống đạo đức, họ cần phải gìn giữ thân, ngữ để loại bỏ những thói quen thấp hèn.

Đối với những người có giáo dục bởi những bậc cha mẹ thực hành theo giáo pháp của Đức Phật, rõ ràng đã có phần nào giới hạnh, do đó không cần thiết phải thọ trì "căn bản giới", tuy không "nguyện thọ trì như năm giới", nhưng vẫn phải giữ gìn thân, ngữ trong sạch.

Và như thế: thân không làm ác, ngữ không nói ác và nuôi mạng chân chánh vẫn được áp dụng trong hiện tại.

Dầu lớn lên trong gia đình theo đạo Phật và được khuyên dạy tránh xa những tà nghiệp thô thiển. Nếu tự thấy thiếu sót về thân giới, ngữ giới.. phạm vào những điều cấm kỵ quan trọng, người ấy không còn chọn lựa nào khác, chỉ còn cách "tự thọ trì" căn bản phạm hạnh giới. Không có vị Tỳ khưu hay Sadi nào truyền "căn bản phạm hạnh giới" như truyền năm giới cả.

Người có tánh dễ duôi (pamāda - khinh thường), có thể thấy "căn bản phạm hạnh giới" hấp dẫn, vì không phải kiêng tránh uống rượu, khiêu vũ, đàn hát, đi xem văn nghệ ...

và thọ trì giới ấy không khó khăn lắm.

Thật ra, đây là quan niệm sai lầm, chính do quan niệm "dễ dãi" này, họ rơi vào giáo lý hư ngụy của những tà sư, hoặc những thiền sư không chân chánh, thường khoa trương "sẽ giúp những người theo họ đạt Thánh quả Dự lưu hoặc Nhất lai nếu họ có sự phát triển đầy đủ về trí tuệ".

Sau khi hành xong vài khóa thiền nào đó, vị thiền sư thọ ký cho môn đồ của mình là bậc Dự lưu hoặc Nhất lai và dĩ nhiên người tín đồ kia rất hoan hỷ với những hạnh quả giả tạo đó.

Ở đây, chúng tôi muốn đưa ra một lời cảnh báo. Như vàng đã pha đồng, qua thuật luyện kim, bên ngoài dù có "dáng dấp giống vàng" nhưng thật ra khác xa với vàng nguyên chất.

Cũng vậy, bậc Thánh Dự lưu rất dễ phân biệt so với kẻ phàm phu về thái độ, lời nói, cử chỉ.

Hơn nữa, các Ngài tự biết rõ mình, ví như người bịnh biết rõ mình còn hay hết bịnh.

Đức Phật dạy bài pháp về Pháp kính, để nếu muốn vị ấy tự tuyên bố về mình như sau:

"Đối với ta sẽ không còn địa ngục, sẽ không tái sanh cõi bàng sanh, ngạ quỷ, ác xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu nhất định không đọa ác đạo, sẽ đạt chánh giác".[36]

Tức là vị Thánh Dự lưu tự biết mình qua những chi phần của bậc Dự lưu.

Thay vì mù quáng chấp nhận lời công bố của ông thầy là đã chứng đắc tầng thánh Dự lưu hoặc Bất lai, bằng sự nội quán người ấy nên tự xét lại bản chất chân thật của mình để xem mình có tiến bộ hơn không và thật sự có kết quả hay không khi thực hành những pháp "thiền dễ dãi" (không cần phải nghiêm trì Giới luật, chỉ cần phát triển tuệ quán).

Chỉ qua "tự đánh giá mình" theo cách này, người ta mới có thể thoát khỏi sự dẫn dắt sai lạc của những vị đạo sư đáng nghi ngờ.

Như vậy, ngoại trừ Giới - định -tuệ, không có con đường tắt hay phương pháp dễ dàng nào để thành đạt mục tiêu đáng hài lòng của hành giả cả, không thực hành giới thanh tịnh, lại mong mỏi chứng đắc pháp thượng nhân, đó là điều không tưởng.

Một người nghiện rượu sẽ không thể nào thọ trì trọn vẹn năm giới, nói gì đến những pháp hành cao hơn.

Ngoài Chánh mạng giới, 7 giới còn lại (thân ba, ngữ bốn) là những giới làm phát triển thiện hạnh. Và ngũ giới được xem là cao hơn "căn bản phạm hạnh giới".

Có thể có câu hỏi rằng:

- Vì sao "không nói dối" trong ngũ giới, lại có thể hơn "bốn ngữ giới" trong căn bản phạm hạnh giới?.

Câu trả lời là:

- Trong bốn giới ngữ thì nói dối làm nền tảng cho sự "bể vụn" tất cả những điều kiêng tránh về lời.

Đức Phật có dạy:

" Ekaṃ dhammaṃ atītassa.
Musāvādissa jantuno
Vitiṇṇaparalokassa.
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.
"Không có điều ác nào mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chân thật), và dửng dưng trước thế giới bên kia, không làm được".[37]

Kệ ngôn trên cho thấy rằng: "không nói dối hàm ý tôn trọng chân thật, có tôn trọng sự thật thì nói đâm thọc, nói ác và nói nhãm không thể thực hành."

Điều này giải thích lý do tại sao trong 5 giới thì thân giới có ba, ngữ giới chỉ có một.

Lại có câu hỏi khác: "Chánh mạng giới không nằm trong ngũ giới, vì sao ngũ giới lại cao hơn Chánh mạng giới?".

Câu trả lời vắn tắt là:

"Người thọ trì cẩn trọng năm giới, không cần dụng công để thọ trì thêm giới kiêng tránh tà mạng.

Xét kỹ, tà mạng là sự nuôi sống bằng phương tiện bất chánh bao gồm: sát sinh, trộm cắp và nói dối. Do cẩn trọng thọ trì ngũ giới, tự nhiên người ta đã kiêng tránh sát sanh, trộm cắp và nối dối."

Như vậy trong "căn bản phạm hạnh giới", dù có Chánh mạng giới cũng không thể nói rằng cao hơn ngũ giới được.

Nên lưu ý rằng: "Đây là luận xét về cư sĩ giới".

Đối với hàng Tăng sĩ, giới luật mà Đức Phật đã ban hành, được ghi lại trong tạng Luật gọi là điều học (sikkhāpada). Tùy theo tánh chất của học giớ, các tội được phân thành bảy loại:

1- Parājika (bị tẩn xuất).
2- Saṅghadisesa (tăng tàn).
3- Thullaccaya (trọng tội).
4- Pācittiya (ưng đối trị).
5- Patidesanīyā (ưng phát lộ).
6- Dukkata (tác ác).
7- Dubbhāsita (ác ngữ).
Loại một xem như Và loại thứ hai: Tăng tàn (saṅghadisesa) được xếp vào những tội nặng (garukāpatti).

Năm loại tội còn lại được gọi là những tội nhẹ (lahukāpatti).

- Giới bị tẩn xuất và giới Tăng tàn, được xép vào căn bản phạm hạnh giới, là giới phải gìn giữ ngay từ buổi đầu.

- Năm loại giới còn lại, là "hạnh giới tối thắng (abhisamācārika sīla).

Có lần trưởng lão Udāyi trú ở Kāmandāya, trong vườn xoài của Bàlamôn Todeyya.

Nữ Bàlamôn thuộc giòng họ Verabaccāni, sau khi cúng dường vật thực đến trưởng lão xong rồi, bà ngồi nơi cao, trùm đầu. Bạch rằng:

- Này samôn, hãy thuyết pháp.

Trưởng lão Udāyi trả lời:

- Này chị, thời gian như vậy sẽ đến.

Nói xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Sau đó, nữ bàlamôn ấy được biết: Do bà đi trên dép, ngồi nơi cao hơn trưởng lão, trùm khăn đầu, trưởng lão giữ gìn học giới (vì nữ Bàlamôn không kính trọng pháp) nên không giảng pháp.

Lần sau, nữ bàlamôn khắc phục những khuyết điểm trên, trưởng lão Udāyi đã giảng pháp thoại và an trú nữ Bàlamôn ấy vào Tam bảo.[38]Theo bản Sớ giải "nữ Bàlamôn ấy chứng quả Dự lưu sau khi nghe pháp thoại từ trưởng lão Udāyi".

Trong năm bộ sách của tạng Luật, bộ Pārājika pāli và bộ Pācittiya pāli, gọi chung là bộ Ubhāto vibhaṅga, bàn về phần luật thuộc loại căn bản phạm hạnh.

Bộ Mahāvagga pāli và bộ Cullavagga pāli gọi chung là Khandhaka vagga, mô tả nhóm giới thuộc loại "hạnh giới tối thắng".

Bộ cuối cùng là Parivāra, đưa ra sự kết luật và phân loại các điều luật trong bốn cuốn trước.

Các vị tỳ khưu phải thành tựu căn bản phạm hạnh giới trước tiên, rồi hoàn thành việc thọ trì "hạnh giới tối thắng". Khi vị tỳ khưu đã nghiêm trì giới luật nghiêm ngặt không để phạm phải dầu một lỗi nhỏ, không cần nói vị ấy sẽ rất cẩn thận không để phạm phải những tội nặng.

Ngoài ra còn có:

2- Giới ngăn trừ (viratī sīla) và giới không ngăn trừ (aviratī sīla).

Giới ngăn trừ: Là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Chánh ngữ ngăn trừ tà ngữ, chánh nghiệp ngăn trừ những hành động sái quấy và chánh mạng ngăn trừ sự nuôi mạng không chân chánh.

Sở dĩ gọi là giới ngăn trừ vì ba loại giới này ngăn trừ được những khổ - ác quả.

Chánh nghiệp: Ngoài ý nghĩa là "những việc làm chân chánh về thân như: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh trong dục lạc", còn nói lên những việd làm "không đem đến khổ cho kẻ khác", vì những hành động cũng có thể cho quả xấu, như

mẫu truyện sau đây. Câu chuyện sau đây là minh chứng:

Một thương gia giàu có trong thành Vesāli, là người có giới hạnh, không nóng giận và thường khen ngợi những ân đức của người khác có được. Gần cửa tiệm của ông có một vũng lầy, gây trở ngại cho nhiều người, có người khi nhảy qua vũng lầy đã làmbắn tung bùn lên, vì không đủ sức nhảy qua. Thương nhân cho đặt trong vũng lầy chiếc đầu con bò không còn hôi thối đểmọi người bước qua vũng lầy.

Có lần, những người bạn của thương nhân đi tắm, để trêu cợt họ thương nhân dấu hết quần áo của họ. Chỉ cho lại, sau khi những người này chịu khổ sở vì lạnh do không có quần áo để trở về nhà, phải ngâm mình dưới nước.

Khi mệnh chung, thương nhân tái sanh làm chư thiên địa cầu, có con bạch mã phi nhanh như tâm ý (do quả làm chiếc cầu bằng đầu con bò), mùi hương từ thân tỏa ra (do có lời tán thán ân đức người khác). Nhưng vị thiên nhân này bị trần truồng (do quả dấu quần áo để trêu đùa).[39]

Chánh ngữ ngoài ý nghĩa "ngăn trừ 4 ác ngữ: không nói dối, không nói ác, không nói đâm thọc, không nói nhãm nhí", vì những loại ác ngữ này có thể dẫn xuống khổ cảnh.

Trong Sớ giải Ngạ quỷ sự (petavatthu - atthakathā), có câu chuyện như sau:

"Trong thời kỳ Giáo pháp của Đức Phật Kassapa, có vị tỳ khưu thân thu thúc nhưng thường lăng mạ các tỳ khưu có giới hạnh. Sau khi mệnh chung bị thiêu đốt trong địa ngục với thời gian một vị Phật. Đến thời hiện tại tái sanh làm ngạ quỷ mặt heo, nhưng thân vàng óng ánh.[40]

Chánh ngữ còn hàm ý nói những điều có lợi ích, đó là mười loại chánh ngữ dẫn đến giải thoát:

1- Appiccha kathā: nói về thiểu dục.
2- Santutthi kathā: nói về tri túc.
3- Pavivekha kathā: nói về đời sống độc cư.
4- Asamsagga kathā: nói về không ô nhiễm.
5- Vīriyārambha kathā: nói về sự tinh tấn.
6- Sīla kathā: nói về giới.
7- Samādhi kathā: nói về định.
8- Paññā kathā: nói về tuệ.
9- Vimutti kathā: nói về những trạng thái quả và giải thoát.
10- Vimuttiñāṇadassaṇa kathā: nói về giải thoát tri kiến, quán sát trí (paccavekkha nañāṇa).[41]
Chánh mạng ngoài ý nghĩa: "nuôi mạng chân chánh", còn hàm ý "đời sống tâm linh được trong sạch. Tức là không có tham, sân trong ý nghĩ". Đức Phật chủ trương ý nghiệp là quan trọng[42]

Giới không ngăn trừ:

Là những giới không thuộc phạm vi của chánh mạng, chánh nghiệp và chánh ngữ, như giới "không ăn phi thời "chẳng hạn.

3- Giới (có) nương tựa (nissita sīla) và giới không nương tựa (anissita sīla).

Giới có nương tựa:Là giới được thực hành dựa trên ái dục hoặc tà kiến.

Khi người ta thọ trì giới với mục đích đạt được một kiếp sống hạnh phúc trong tương lai với đầy đủ tài sản, uy quyền... là giới dựa trên nền tảng ái dục.

Sự thọ trì các điều kiên tránh hoặc các giới điều (như bắt chước theo cách sống của bò và chó)... với ý nghĩ rằng "thanh lọc linh hồn cho kiếp sau tốt đẹp", gọi là giới dựa trên tà kiến.

Những người theo đạo phật không thể nào thực hành giới dựa trên tà kiến, nhưng cần phải cẩn thận, không để giới rơi vào "nương tựa ái dục".

Giới không nương tựa:

Là thực hành giới không dựa trên ái dục hoặc tà kiến, thực hành chỉ với mục đích duy nhất là tu tập pháp của bậc Thánh. Nghĩa là từ phàm giới làm căn bản để đạt đến Thánh giới.

4- Giới tạm thời (kālapariyanta sīla) và giới chung thân (apānakoṭika sīla).

Giới tạm thời: Là giới thọ trì trong một thời gian nhất định.

Giới chung thân: Là giới thọ trì suốt đời.

Khi nói về giới tạm thời, sách Thanh tịnh đạo chỉ nêu ra chung chung:

"Kālaparicchedam katvā samādinnaṃ sīla: Giới thọ trì có thời hạn".

Nhưng Hậu sớ giải (ṭīka) của bộ Thanh tịnh đạo thì nêu rõ chi tiết hơn về thời gian thọ trì, như: Suốt ngày hoặc suốt đêm, hoặc suốt ngày đêm... (kālaparicchedaṃ katvā ti imañ ca rattiṃ ca divaṃ ti ādinā viya kālavasena paricchedaṃ katvā).

Thọ giới nhưng không ấn định thời hạn, sự thọ trì ấy xem như là trọn đời.

Có người có ý định "chỉ thọ trì một giới nào đó trong một ngày hoặc trong thời gian nào đó", như phát nguyện thọ đầu đà (dhutaṅga) "ngăn oai nghi nằm" trọn đêm, hay trọn ba tháng an cư mùa mưa..

Theo Sớ giải và Hậu sớ giải chú giải thì nghi thức nguyện thọ trì giới tạm thời, phải được nêu rõ thời gian thọ trì. Tuy nhiên, nếu không làm vậy cũng không lỗi lầm gì, vẫn là sự thực hành giới tạm thời tùy theo ý đã định.

Theo Sớ giải của bộ Paṭisambhidā magga: "Người ta có thể thọ trì giới trong lúc đang ngồi", như những thiện nam tín nữ đã quy y Tam Bảo, thọ trì giới trong thời gian một, hai ngày (hay lâu hơn) khi trú trong chùa để cúng dường vật thực đến chư tỳ khưu.

Tất cả những hình thức thực hành này đều là sự thọ trì giới tạm thời.

Theo bộ Sớ giải này: "dầu thọ trì giới trong một thời gian rất ngắn vẫn có kết quả lợi ích".

Các Giáo thọ sư có nêu ý kiến rằng: "Đối với trẻ em không thể nhịn ăn buổi chiều, có thể khuyên chúng thọ trì bát quan trai giới chỉ trong buổi sáng, cũng được phước báu".

Và "Này các Thích tử, đâu phải là nửa tháng. Ở đây, đệ tử của Ta trong 19 đêm 10 ngày... 9 đêm 9 ngày.... 8 đêm 8 ngày...trong 1 đêm 1 ngày..."[43]

Điều đáng lưu ý ở đây là " Đức Phật nói đến đêm-ngày". Và Bồtát Mahājanaka nhìn thấy trăng ngày uposatha, đã súc miệng và nguyện thọ trì uposatha.Và điều này nói lên ý nghĩa đặc biệt của 3 giới sau của 8 giới bát quan.

Hai câu truyện trong bộ Sớ giải bộ Ngạ quỷ sự chứng minh quan điểm này.

Trong thời Phật hiện tại, trong thành Vương Xá (Rāgajaha), có một người thợ săn nai để sinh sống, y săn bắn suốt ngày lẫn đêm.

Một cận sự nam là bạn của y, khuyên y từ bỏ nghề săn thú. Nhưng y từ chối vì chỉ biết nuôi mạng bằng nghề săn thú.

Không nản chí, vị cận sự nam đề nghị người thợ săn "đừng săn vào ban đêm" và thay vào đó chuyên tâm vào việc thọ trì giới.

Người thợ săn cuối cùng đã nghe theo lời thuyết phục đầy kiên trì của người bạn và từ bỏ tất cả mọi công việc săn bắt trọn đêm, ông ta chỉ chuyên tâm vào việc thọ trì giới.

Sau khi chết, người thợ săn tái sanh ở gần thành Vương Xá, làm một ngạ quỷ tên là Vemānika, ban ngày thì thọ lãnh nhiều nỗi khổ to lớn, còn ban đêm sống hạnh phúc, thọ hưởng đầy đủ dục lạc.[44]

Câu chuyện ngạ quỷ thứ hai cũng tương tự, chỉ khác chi tiết là:

- Vị trưởng giả ngày đêm ham mê săn thú như một trò tiêu khiển, không phải để kiếm sống.

- Vị Thánnh Alahán thuyết phục trưởng giả thọ trì giới vào ban đêm.

Sau khi chết, vị trưởng giả tái sanh làm ngạ quỷ, cũng đồng cảnh ngộ như ngạ quỷ Vemānika (sđd, truyện thứ 8).

Từ hai câu truyện này chúng ta rút ra bài học rằng, dầu giới chỉ thọ trì trong thời gian ngắn của ban đêm, vẫn có kết quả lợi ích.

Do vậy, nên tranh thủ những thời gian ngắn có được, để thọ trì giới tạm thời.

5- Giới hữu hạn (sapariyanta sīla) và giới vô hạn (apariyanta sīla).

Giới hữu hạn: Là giới kết thúc trước thời hạn đã nguyện ra lời. Sự kết thúc này, do một lý do nào đó tác động, như "bị người khác thuyết phục", "bị tiền tài cám dỗ", "thân tộc, tứ chi hay mạng sống bị đe dọa"...

Trong loại giới này, cần lưu ý rằng: Tuy sự thọ trì bị đứt đoạn, nhưng phước của giới đó vẫn có, tương xứng với thời gian đã thọ trì.

Giới vô hạn: Là giới được duy trì đến hết thời gian đã nguyện, không bị cắt ngang bởi bất cứ ảnh hưởng bên ngoài nào.

"Một người không vì lợi mà khởi tâm vi phạm, huống hồ thực sự vi phạm một học giới đã thọ".[45]

6- Phàm giới (lokiya sīla) và Thánh giới (lokuttara sīla).

Phàm giới: Là giới còn đắm nhiễm trong sự ngâm tẩm (āsava) như dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu. Phàm giới là những giới bắt lấy cành thế gian.

Thánh giới: Là giới không dính mắc đến các pháp ngâm tẩm (āsava). Thánh giới là giới nhận cảnh Nípbàn.

Phàm giới dẫn đến sự tái sanh trong nhàn cảnh (như người hoặc Chư thiên) và cũng là điều kiện tiên quyết để thoát khỏi vòng luân hồi.

Thánh giới đem lại sự giải thoát luân hồi, là đối tượng thiền quán của tuệ quán sát trí (paccavekkhanā ñāṇa).

"Này Visākhā, vị Thánh đệ tử suy tư như sau:

- Cho đến trọn đời, các vị Alahán từ bỏ sát sanh....

- Cho đến trọn đời vị Thánh Alahán từ bỏ lấy của không cho..."[46]

[1] - D.iii, kinh Đại bát Nípbàn (mahāparinibbānasutta).

[2] - D.iv, kinh Thi Ca La Việt (Sigālovāda suttanta).

[3] - D.iii, kinh Đại bát Nípbàn (parinibbāna).

[4] - M.iii, kinh Tiểu nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhangasutta).

[5] - A.iii, 15

[6] - Dhp - câu 131 - 132. Đại trưởng lão Nārada soạn, ông Phạm kim Khánh dịch.

[7] - M.i, Kinh Đoạn trừ lậu hoặc (sabbāsavasutta).

[8] - DhpA, câu số 100 - Đại trưởng lão Pháp Minh dịch.

[9] - Luật phân tích tỳ khưu, điều học tẩn xuất thứ ba - Đại Đức giác Giới dịch

[10] - DhpA- câu số 21-22-23.

[11] - A.ii, 65.

[12] - A.iii, 45.

[13] - S.i, 91

[14] - Dhp - câu 242

[15] - Dhp - câu 415. HT. Thích minh Châu dịch.

[16] - Sư Giác Nguyên dịch.

[17] - Dhp - câu số 309 - Ông Phạm kim Khánh dịch.

[18] - A.iii, 221.

[19] - A.īi, 223.

[20] - JA. truyện số 142 - Bà Trần Phương Lan dịch

[21] - JA. truyện số 136 - Bà Trần Phương Lan dịch.

[22] - Dhp- câu số 394 - Đại trưởng lão Nārada soạn, ông Phạm kim Khánh dịch.

[23] - Dhp - câu 176 - HT. Thích Minh Châu dịch.

[24] - A.iv, 247.

[25] - Khud, - Trưởng lão Tăng kệ, truyện Trưởng lão Subhūti.

[26] - A.iv, 247

[27] - Kho tàng pháp bảo - Đại trưởng lão Bửu Chơn soạn.

[28] - A.iii, 53.

[29] - Khud- Kinh bại vong (106).

[30] - Khud- Trưởng lão Tăng kệ (Theragāthā) - Trưởng lão Tālaputa.

[31] - A.iii, 347.

[32] - Câu chuyện "tru diệt dòng Thích ca" là điển hình.

[33] - A.i, 50.

[34] - M.iii. 289

[35] - A.iii, 243.

[36] - D.iii, kinh Đại bát Nípbàn (Mahāparinibbāna).

[37] - Dhp - câu 176 . Ông Phạm Kim Khánh dịch.

[38] - S.iv, 121

[39] - Chú giải Ngạ quỷ sự - Chương IV - câu truyện 1. Đại đức Minh Huệ dịch

[40] - Chú giải Ngạ quỷ sự - Chương I - câu truyện 2. Đại đức Minh Huệ dịch.

[41] - M.i, Kinh trạm xe (Ratthavivūtasutta).

[42] - M.ii, kinh Upāli.

[43] - A.v, 83.

[44] - Chú giải Ngạ quỷ sự. Chương III, truyện thứ 7.

[45] - Ps.i, 44.

[46] - A.i, 205.

-ooOoo-

B) Giới có ba chi.

1- Ba loại giới (theo cách thọ trì).

- Liệt giới (hīnasīla). - Trung giới (majjhima sīla). - Cao quý giới (paṇīta sīla).

Giải:

Khi bốn yếu tố: dục (chanda), tinh tấn (viriyā), tâm (citta) và trí thẩm sát (vimaṃsāñāṇa) đi cùng với giới được thọ trì. Tùy theo sức mạnh của bốn yếu tố này, giới có phẩm chất bậc thấp, gọi là liệt giới (hīnasīla), có phẩm chất trung bình, gọi là trung giới, có phẩm chất cao, gọi là cao quí giới.

Hoặc là:

- Giới thọ trì với ước muốn được danh tiếng là liệt giới, thọ trì giới như vậy là hành động đạo đức giả, không có chủ tâm trong sạch đối với phước thật sự, nên giới này có tính hạ liệt (hīna).

- Sự thọ trì giới với ước muốn có được sự tái sanh về nhàn cảnh. Dĩ nhiên có đi chung với tham muốn, nhưng đó là ước muốn kết quả thành tựu từ thiện pháp, loại thiện pháp có tâm sở tín

(saddhā) và tâm sở Tư (cetanā) đi chung. Sự thọ trì này cao hơn so với "thọ giới để được danh tiếng".

Vì vẫn còn bị ô nhiễm bởi mong ước "kết quả lợi ích trong luân hồi", nên sự thọ trì này không được xếp vào bậc cao, chỉ ở bậc trung.

- Giới được thọ trì không phải với hai mục đích trên. Sự thực hành giới với mục đích "là pháp hành cao quí cho đời sống thanh tịnh".

Tức là: "Thực hành giới với hiểu biết rằng: Đây là pháp hành cao quý, đưa đến giải thoát khỏi luân hồi". Khi thực hành không hề có mong ước điều gì trong luân hồi, thực hành chỉ vì sự cao quí của giới.

Giới có phẩm chất tốt đẹp, được thọ trì với ý trong sạch như vậy, không dính mắc bất kỳ hình thức tham muốn nào, giới ấy được xem là giới balamật (sīla pārami).

Khi Bồ tát sanh làm rắn Campeyya[1] hay rắn Bhūridatta[2], Ngài không thể tinh tấn thực hành giới bậc cao mà chỉ thọ trì giới hy vọng được tái sanh làm người.

Trong ý nghĩa này, giới mà Ngài thọ trì là bậc trung. Tuy nhiên, vì Ngài không làm hư hoại giới, trái lại kiên quyết thọ trì chúng cho dù phải mất mạng, sự tinh tấn trì giới ấy, được xem là "thực hành giới Ba la mật".

(Rắn Campeyya là Mãng xà vương sống ở sông Campā, giữa xứ Aṅga và Magadha).

Lại nữa:

- Khi giới bị ô nhiễm bởi những ý nghĩ bất thiện có nội dung "tự tán phỉ tha" như: ta cao quí vì có giới, những người khác thấp kém hơn ta vì họ không có giới. Đó là giới bậc hạ.

- Giới không bị ô nhiễm như vậy nhưng là giới hợp thế của phàm nhân, hành giả là phàm nhân đang thực hành những giới hạnh mong chứng đắc đạo quả Siêu thế. Đây là giới bậc trung.

- Giới thoát ra khỏi mọi ô nhiễm và kết hợp với thánh đạo hay thánh quả (Thánh giới). Đây là giới cao quí.

Lại nữa:

- Liệt giới là giới được thọ trì với quan điểm sai lệch (tà kiến).

- Trung giới là giới được thực hành để giải thoát chính mình ra khỏi luân hồi như sự thực hành của các vị Bồ tát Thinh văn hoặc Bồ tát Độc giác.

- Thắng giới là giới thực hành của chư vị Bồ tát Chánh giác với mục đích tế độ chúng sanh thoát khỏi luân hồi.

Lời giải này, chỉ liên quan đến mục đích thọ trì giới, không có nghĩa: "giới của bồ tát Thinh văn hay Bồ tát Độc giác không phải là giới balamật".

2- Ba loại giới Uposatha (uposathasīla).

Theo nguyên tự thì Upa + osatha = uposatha.

Upa là gần, kề cận, osatha là 'thuốc trị bịnh" (uposatha âm là Bốtát, dịch là trai giới - giới trong sạch).

Chữ Uposatha có năm tính chất:

a. Sự tụng đọc Pātimokkha.
b. Tên riêng của người hay thú.
c. Ngày thọ trì giới.
d. Cách thọ trì giới uposatha.
e. Giới được thọ.
Trong năm nghĩa này:

- Sự tụng đọc Pātimokkha chỉ liên quan đến chư tỳ khưu, đồng thời dùng ngày uposatha để thực hiện việc dọc tụng giới bổn.

-Tên riêng của người như: Hoàng tử Uposatha, hay tên thú như:voi Uposatha, ngựa Uposatha của vua Chuyển luân vương.

Hai loài này, sở dĩ có tên như thế vì xuất hiện cho vua Chuyển luân vào ngày 14 của mỗi nửa tháng (xuất hiện vào ngày 15 thì có tên là Chaddanta, như: voi Chaddanta...). Tức là cũng nương vào ngày uposatha để định danh.

Hai ý nghĩa này không liên quan gì đến ý nghĩa uposatha, chỉ ba tính chất sau có liên quan đến ý nghĩa uposatha nên được xét đến.

Ba ý nghĩa sau đều có gốc từ chữ uposatha (gần với thuốc trị bịnh).

Về ngày uposatha.

Có ba loại ngày trai giới (uposatha).

- Pakati Uposatha: ngày bốtát thường lệ. - Pātijāgara uposatha: ngày bố tát (được) lập lại. - Pātihariya uposatha. ngày bố tát đặc biệt

Sự phân chia này dựa theo Tăng Chi Bộ nói rằng: "Uposatha upovasanti patijagaranti: Trai giới và trai giới lập lại".[3]

Cātuddisaṃ pañcaddasiṃ.
Yā ca pakkhassa atthamī.
Pātihāriya pakkhañca.
Atthaṅga susamāgataṃ.
"Ngày 14, ngày rằm.
Ngày 8 trong nữa tháng.
Kể cả phần đặc biệt.
Khéo đầy đủ cả tám... [4].
- Ngày trai giới thông thường: theo câu kệ Pāli trên, những dòng "dasiṃ pañcaddasiṃ, yā ca pakkhasā atthami (ngày 14, 15 và 8 mỗi nửa tháng)" chỉ về những ngày trai giới thông thường.Theo nội dung này, mỗi nữa tháng (là thượng huyeền và hạ huyền) có ba ngày, do đó một tháng có sáu ngày trai giới (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30).

Ngày nay Phật tử thường thọ 8 ngày trong một tháng, xem như ngày trai giới thường lệ, bao gồm: ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29 và 30.

- Ngày trai giới tỉnh thức:

Chữ Pāti của pāli nghĩa là "lập lại", jāgara là "tỉnh thức".

Pātijāgara uposatha có thể hiểu là "trai giới tỉnh thức trước giấc ngủ ô nhiễm".

Và ngày trai giới tỉnh thức là ngày trước và ngày sau của ngày trai giới thường lệ.

Cách tính số ngày như sau: ngày mùng 5 thì có thêm ngày mùng bốn đứng trước và mùng sáu đứng sau.

Ngày mùng tám thì có ngày mùng 7 đứng trước, ngày mùng 9 đứng sau.

Ngày 14 chỉ có ngày 13 đứng trước, (không có ngày sau vì ngày 15 là ngày trai giới chính thức).

Ngày 15 không có ngày trước, có ngày 16 đứng sau.

Liệt kê theo thứ tự thì ta có: mùng 4, mùng 6, mùng 7, mùng 9, mùng, 13 và 16. Như vậy, mỗi nữa tháng có mười Uposatha, một tháng có hai mươi ngày: tám ngày trái giới

thường lệ và mười hai ngày trai giới tỉnh thức.

- Ngày trai giới đặc biệt:

Đây là ngày trai giới có oai lực hơn cả ngày trai giới tỉnh thức, vì trai giới tỉnh thức còn có "kẻ hở" trong nữa tháng thượng huyền hay hạ huyền. Nhưng ngày trai giới đạc biệt thì liên tục không gián đoạn trong tháng.

Nếu người cư sĩ muốn thọ trì ngày trai giới đặc biệt, nên thọ trì trọn ba tháng an cư mùa mưa. Nếu không thể thọ trì trọn ba tháng, nên thọ trì tháng cuối của mùa an cư, không thể thọ trì trọn một tháng, nên thọ trì 15 ngày sau cùng của mùa an cư.

Tuy nhiên, theo Sớ giải Sutta Nipāta (kinh Tập), bài kinh Dhammika (hành chánh pháp), thọ trì ngày trai giới đặc biệt bao gồm 5 tháng: trước khi chư Tăng an cư một tháng và khi chư Tăng mãn mùa an cư, thọ tiếp 1 tháng, cộng với ba tháng an cư thành năm tháng.

Theo bài kinh Visakh' uposatha sutta, Đức Phật chỉ mô tả ba loại trai giới (uposatha) và cách hành trì "trai giới bậc Thánh", không có bài kinh nào nói đến những ngày uposatha đặc biệt, được Đức Phật thuyết giảng.

Ngày trai giới: mùng 8, 14 và 15 mỗi nửa tháng cùng trai giới đặc biệt (pāṭihāriya uposatha) được nêu ra, không phải do Đức Thế Tôn định đặt (là uposatha).

Thực ra, chính vua trời Sakka đã nói với các vị Chư thiên ở cõi 33:

"Các vị hãy thanh tịnh (uposatha) vào ngày 14, 15 và mồng 8, vào những ngày "đặc biệt (pāṭihāriya) cũng vậy, các vị sẽ được như ta". Và những ngày này được chư thiên Tú đại vương tuần tra cõi nhân loại để liệt kê những người có giới đức, người có tâm tỉnh giác (patijāgarenti)....

"Này các tỳ khưu, trong ngày thứ 8 của mỗi nửa tháng, các vị đại thần cố vấn cho bốn Đại vương, đi du hành trong thế giới này, để xem trong loài người, nhiều người hiếu với cha mẹ, có kính các

samôn, Bàlamôn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ uposatha, có đề cao cảnh giác (patijāgarenti), có làm các công đức...

"Này các tỳ khưu, trong ngày 14 của mỗi nửa tháng, các hoàng tử của bốn Đại vương...

"Này các tỳ khưu, trong ngày 15, lễ uposatha, bốn vị Thiên vương tự mình..."[5].

Rồi Tứ đại vương báo lại cho vua trời Đế thích đang ngồi tụ hội tại giảng đường Sudhamma có nhiều thiện nhân thì thiên chúng hoan hỷ (sđd). Các đạo sĩ thời xưa có thắng trí biết được điều này, nên loan báo cho mọi người biết để thực hành giới hạnh "tích cực" vào những ngày này (để Tứ đại vương ghi tên vào bảng vàng, trình lên vua trời Đế thích).

Sự giao tiếp với chư thiên, được xác nhận bởi đức Phật:

"Này các tỳ khưu, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tưởng tri ánh sáng, thấy các sắc và cùng chư thiên ấy, giao thiệp, nói chuyện và thảo luận..."[6]

Đức Phật nói lại những điều này, để nhân loại hoan hỷ thục hành những thiện pháp, vì ngay chính chư thiên cũng hoan hỷ với thiện pháp.

Đồng thời Đức Phật khéo nhắc nhở mọi người, nhất là chư tỳ khưu là: "vua trời Đế thích đã hát sai, vì vua trời Sakka chưa giải thoát khỏi sanh, già, chết... và câu hát đó chỉ đúng với vị tỳ khưu đã ly tham, ly sân, ly si"[7].

Tức là nhắc nhở hàng phật tử lẫn tỳ khưu: "trì giới không phải mục đích sanh về cõi trời, trì giới với mục đích giải thoát khỏi luân hồi".

Đức Phật chỉ thuật lại những lời của vua trời Sakka. Và những ngày Uposatha (14, 15 và mồng 8) trở thành ngày truyền thống thọ gì giới hạnh "tích cực" của người Ấn cổ.

Khi sadi Sānu có ý muốn hoàn tục, một dạ xoa (mẹ kiếp trước) đã nhập vào vị ấy. Và người mẹ hiện tại đã nói:

"... Ngày 14, mười lăm.
Và ngày tám nửa tháng.
Cả ngày lễ đặc biệt
Khéo tu tập trai giới..."[8]
Không có bài kinh nào do Đức Thế Tôn thuyết giảng có tính cách áp đặt: "Giới uposatha phải được thọ trì vào những ngày này, hay không được thọ trì vào những ngày này".

"Vào lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo vào ngày 14, vào ngày 15, vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng đã tụ hội lại và giảng pháp".[9]

Du sĩ ngoại đạo vẫn có ba ngày này, chứng tỏ không do Đức Thế Tôn định ra, mà là những ngày truyền thống lâu đời của dân tộc Ấn cổ.

Ban sơ, ngày uposatha chỉ có ba ngày mỗi nửa tháng, về sau khi nghe Đức Phật thuyết giảng kinh "các lễ uposatha" (sđd), giảng về lợi ích của 6 cách thọ trì uposatha. Tức là, ngày trai giới niệm tưởng về 1 trong 6 ân đức: Phật. pháp, tăng, giới, thí và thiên.

"Này Visākhā. người có chủ quyền cai trị 16 quốc độ lớn, tràn ngập bảy báu.... Không bằng một phần 16 của một trai giới thực hành đầy đủ tám mặt. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên"(sđd).

Các cư sĩ hoan hỷ thọ trì trai giới, để rồi tự hào "tôi thọ được 10 ngày, 15 ngày...", dẫn đến "tự khen mình chê người". Để chấm dứt "thọ trì trai giới với mục đích khoe khoang", các Ngài đặt ra thêm ngày 5 mỗi nửa tháng và quy định là những ngày trai giới thường lệ, (dĩ nhiên là sau khi Phật Nípbàn).

Đức Phật không quy định ngày Uposatha nào cả, vì mọi người có thể thọ trì trai giới bất kỳ ngày nào mà họ thích, hay thấy thuận tiện.

"Lành thay, thường chánh niệm. Nhờ niệm, lạc tăng trưởng...."[10]

Khi đề cập những ngày trai giới tỉnh thức (patijāgara uposatha) và ngày trai giới đặc biệt (pāṭihāriya uposatha). Các Sớ giải sư ghi lại các pháp hành khác nhau theo truyền thống tập tục, cho nên có những điểm khác biệt trong các bộ chú giải.

Có câu hỏi rằng: "Vì sao Đức Thế Tôn không định ra ngày uposatha, lại noi theo truyền thống cỗ?".

Đáp: Đức Phật là bậc thiện xảo từ ngữ, những bài kinh được Đức Phật thuyết gọi là Vohāra desanā, vì những thuật ngữ trong các bài kinh có thể không giống nhau

Việc quy định ngày uposatha không nhất thiết là "khuôn mẫu", vì rằng: "người thọ trì trai giới có mục đích nhắm đến giải thoát", thì ngày nào chẳng được. Trong bộ Sớ giải Suttanipāta, có nêu lên quan điểm:

"Người thọ trì giới chọn những ngày trai giới thích hợp và thọ trì giới với mục đích làm tăng trưởng phước báu, (nên các nhà chú giải ghi lại các ngày và cách thức mọi người đã áp dụng).

"Người thọ trì trai giới với mục đích thoát ra luân hồi, có thể thọ trì bất kỳ ngày nào, xét thấy là thích hợp".

Bài kinh "các vị Sakkā (Thích tử)"[11] đã nói lên điều này.

Trong vài bài kinh Suttanta Desanā, ngay cả Đức Phật cũng trình bày lại theo cách ứng dụng "truyền thống" của một số người, như "người Licchavī ngủ trên đống rơm"... để liên hệ đến pháp mà Ngài giảng cho chư tỳ khưu thực hành.

Tại sao Đức Thế Tôn lại thuyết giảng theo cách này? Vì Ngài không muốn họ phá bỏ những truyền thống tốt đẹp.

Ngay cả "tri túc trong bốn món vật dụng" không phải do chính Đức Phật đặt ra, mà là truyền thống tốt đẹp lâu đời.

"Có bốn truyền thống bậc Thánh này, này các tỳ khưu, được biết là tối sơ (aggaññā), đã có lâu đời, được biết là truyền thống....

Ở đây, vị tỳ khưu biết đũ với bất cứ y phục nào....

Ở đây, vị tỳ khưu biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào...

Ở đây, vị tỳ khưu biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào...

Lại nữa, này các tỳ khưu, tỳ khưu ưa thích tu tập, vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận, vui thích đoạn tận, mà không khen mình chê người..."[12]

Tuy mục đích của Đức Thế Tôn là nói lên Thắng nghĩa pháp (paramatthadhamma) hay thực tại cùng tột như danh-sắc (nāma-rūpa) để tế độ chúng sanh chứng đắc Đạo Quả và Níp Bàn.

Nhưng nếu Ngài thuyết giảng bằng những danh từ trừu tượng cao sâu, chỉ có thể đem lợi ích đến cho những người hiểu biết đúng đắn, đối với người thiếu trí, họ sẽ hiểu sai, phạm vào những ác nghiệp để rồi dẫn họ xuống bốn khổ cảnh.

Có lần du sĩ Vacchagotta hỏi Đức Phật:

- Thưa Tôn giả Gotama, có tự ngã không?.

Đức Thế tôn im lặng, du sĩ Vacchagotta hỏi tiếp.

- Thưa Tôn giả Gotama, có phải không có tự ngã?

Đức Thế Tôn im lặng, rồi du sĩ Vacchagotta bỏ đi. Sau khi du sĩ Vacchagotta bỏ đi, Đức Ānanda bạch hỏi " Vì sao Đức Thế Tôn không trả lời câu hỏi của du sĩ vacchagotta?".

- Này Ānanda, nếu ta trả lời "có tự ngã", là thuộc về các Samôn, Bàlamôn chấp thường.

Nếu Ta trả lời "không có tự ngã", là thuộc về pháp chấp đoạn. Này Ānanda, với câu hỏi "có tự ngã không", và trả lời "có tự ngã" thì câu trả lời của Ta có phù hợp với trí khởi lên: "tất cả các pháp là vô ngã" không?.

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này Ānanda, nếu được hỏi; "có phải không có tự ngã" và ta trả lời "không có tự ngã", làm cho du sĩ Vacchagotta càng ngơ ngác, hoang mang hơn nữa "trước đây ta có tự ngã, nay không có tự ngã nữa".[13]

Vì du sĩ Vacchagotta đang chấp vào thường kiến. "Cái ta" chỉ là sự chấp giữ vào danh-sắc, và nếu không khéo, du sĩ Vacchagotta sẽ rơi vào đoạn kiến, như một vài chủ thuyết đang hiện hành của Makkhali Gosala, của Purāṇa kassapa chẳng hạn.

Nếu không có "kẻ khác" sẽ không có "cái của người khác", "không có ta" sẽ không có "cái của ta". Từ đây, nếu diễn dịch sai lệch vấn đề này sẽ dẫn đến thuyết phi nghiệp báo.

Người ta sẽ cho rằng: "sát sanh, trộm cắp..." đều vô hại, vì "không có ta lẫn kẻ khác", họ tự do phá hoại những luật lệ của xã hội và làm những điều ác, khiến phải tái sanh vào các khổ cảnh đọa xứ.

Từ sự thật thông thường (samutti sacca) qua ngôn từ dễ hiểu, từ những truyền thống tốt đẹp, Đức thế Tôn dẫn dắt người có duyên lành đi đến nhận thức "sự thật tột cùng (paramattha sacca)",[14].

"Chấp vào danh-sắc là đồng nghĩa với thân kiến", tức là cho rằng "danh sắc sau khi hoại là còn hay không còn đều là tà kiến". Thân kiến còn sâu dày thì Đạo quả Nípbàn càng xa vời.

Một số Giáo thọ sư nói rằng: Trong tạng Luật có điều luật dành cho các vị tỳ khưu là: "không được tụng đọc các giới bổn Pāṭimokkha vào những ngày không phải uposatha, nếu làm như vậy họ sẽ phạm tội tác ác (dukkaṭa āpatti). Và chỉ tụng đọc giới bổn vào ngày uposatha" [15].

Cũng vậy, người cư sĩ không nên thọ trì Bát quan trai giới vào những ngày không phải Uposatha.

Nên hiểu rằng: Theo văn học phật giáo, sự thuyết giảng Luật (vinaya desanā) của Đức Thế Tôn, được gọi là anādesanā (không phải giảng thuyết) mà là "điều luật chính thức do Đức Phật ban hành". Nếu vị tỳ khưu phạm vào một điều cấm ngay cả với ý định tốt cũng phạm tội, vì đã đi ngược lệnh của Đức Thế Tôn". Tức là "Luật là điều cần thiết phải thực hành", Pháp thì "vị tỳ khưu có thể hành pháp này, không hành pháp kia vẫn được", còn Luật thì bất cứ điều nào cũng phải thực hành, không thực hành là phạm Luật".

Có lần vào ngày uposatha, Trưởng lão Mahā Kappina suy nghĩ: "Ta nên (tham dự) lễ Uposatha hay không tham dự, Ta nên (tham dự) hành sự của hội chúng hay không nên, trong khi Ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng".

Đọc được tư tưởng trên của Trưởng lão, Đức Phật phóng hào quang hiện ra trước trưởng lão, sau khi trưởng lão Mahā Kappina xác nhận có tư tưởng trên, Đức Phật dạy:

"Nếu các ngươi là những người có phạm hạnh, không tôn trọng, không quý trọng, không kính trọng, không cúng dường lễ Uposatha, thì còn ai sẽ tôn trọng, kính trọng, quý trọng, cúng dường lễ Uposatha nữa..".[16]

Cho rằng điều luật này (chỉ dành cho tỳ khưu) cũng áp dụng với người cư sĩ trong việc thọ trì Uposatha, nói rằng "mọi người thọ trì trai giới vào những ngày không phải là Uposatha sẽ có tội", rõ ràng là sự diễn giải sai lầm về Luật.

Tóm lại, trai giới là sự thọ trì thanh tịnh và cao quý, có thể được thực hành bất cứ ngày nào. Sự thọ trì càng nhiều thì phước càng tăng trưởng.

Do đó, Hậu sớ giải của bài kinh Mahā Sudassana sutta (kinh Đại thiện kiến) trong Trường bộ, có ghi rằng:

"Uposatha vuccati atthaṅgasa annāgataṃ sabbadivasesu gahatthehi rakkhitabbasīlaṃ: trai giới là giới có 8 điều, người cư sĩ có thể thọ trì trong tất cả mọi ngày".

(Hậu sớ giải này do Đại trưởng lão Dhammapāla biên soạn. Ngài cũng biên soạn các bộ Anutīkā phụ chú giải của bộ mūlatīkā, bộ Visudhimagga- mahātīkā và nhiều bộ Sớ giải khác).

Cách thọ trì.

Ba loại thọ trì Uposatha là:

a- Gopālakuposatha: Trai giới người chăn bò. b- Nigantha uposatha: Trai giới của Nigantha. c- Ariya uposatha: Trai giới của bậc thánh.

Ba loại giới này được Đức Thế Tôn thuyết giảng cho Thánh nữ cư sĩ Visākhā[17]. Các nghĩa chính là:

- Trai giới người chăn bò (gopālakuposatha sīla):

Sau khi lùa bò ra đồng ăn cỏ suốt ngày, buổi chiều sau khi đếm đủ số bò, người chăn bò lùa bò trở về giao cho chủ.

Khi đến nhà anh ta chỉ suy nghĩ: "ngày hôm này ta đã lùa bò đi ăn ở đồng cỏ này, cho chúng uống nước ở nơi này, ngày mai ta sẽ lùa chúng đi đến cánh đồng này để ăn cỏ và đến chỗ này để uống nước".

Tương tự người thọ trì giới Bốtát, chỉ biết đếm số lượng giới thọ trì (như người đếm bò), đồng thời có ý nghĩ tham đắm vật thực, suy nghĩ rằng: "hôm nay đã dùng loại vật thực này, ngày mai ta sẽ dùng loại vật thực kia".

Như vậy người này sống cả ngày với tâm tham dục, gọi là trai giới người chăn bò.

- Trai giới Nigantha.

(Chữ nigatha = ni + gantha; ni là không, gantha là trói buộc. Đây là những đạo sĩ lõa thể, nhưng khi Mahāvīra (Nigantha Nātaputta) trở thành giáo chủ thì cho đồ chúng mặc vải để che phần thân phía dưới và những đạo sĩ lõa thể có tên là Acetaka để phân biệt với nhóm Nigantha của Nātaputta)[18].

Sự trì giới của nhóm đạo sĩ Nigantha có giới hạn, như: về giới không sát sanh, chúng sanh ở cách xa họ 1oo do tuần trở đi về hướng Đông, Tây, Nam, Bắc không được giết.

Như vậy, chúng khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ,ẫn đối với một số sinh loại mà thôi.

Trong ngày uposatha, chúng khích lệ đệ tử như sau: "này các ngươi, hãy quăng bỏ tất cả quần áo và nói: "không có cái gì là của ta". Nhưng chúng vẫn rõ biết: "đây là cha mẹ ta, đây là vợ con ta...". Ta (Đức Thế Tôn) tuyên bố là sự nói láo.

Sau đêm ấy đã qua, nó thọ dụng tất cả tài sản chưa được cho. Ta tuyên bố là "lấy của không cho". Đây là trai giới Nigantha.

- Trai giới bậc Thánh;

Là trai giới nhằm mục đích thanh lọc các pháp ô nhiễm trong tâm qua các pháp tùy niệm (anusati).

Trai giới bậc Thánh có 6 là:

*- Phật trai giới (Buddhuposatha).
*- Pháp trai giới (Dhammuposatha).
*- Tăng trai giới (Saṅghuposatha).
*- Giới trai giới (sīluposatha).
*- Thí trai giới (dānuposatha).
*- Thiên trai giới (devatuposatha).
- Thực hành 8 giới và niệm ân đức Phật, như: Arahaṃ sammāsambuddho, Vijjācaranasampanno... gọi là Phật trai giới.Brahmuposatha.

- Thực hành 8 giới và niệm ân đức Pháp, gọi là Pháp trai giới.

- Thực hành 8 giới và niệm ân đức Tăng, gọi là Tăng trai giới.

- Thực hành 8 giới và niệm ân đức giới, gọi là Giới trai giới.

- Thực hành 8 giới và niệm ân đức bố thí, gọi là thí trai giới.

- Thực hành 8 giới và niệm ân đức thiên, gọi là thiên trai giới.

Là quán niệm rằng "trong thế gian có những vị Chư thiên và Phạm thiên là những bậc từng có những đức tánh cao quý như tín, giới, đa văn, bố thí... trong những kiếp quá khứ, nhờ vậy được tái sanh vào cõi Chư thiên và Phạm thiên. Những đức tánh cao quý như vậy cũng có trong tôi".

Người ấy thọ trì giới Uposatha cố gắng hành trì những pháp chư thiên có. Tức là quán tưởng rằng: "chư thiên có đầy đủ đức tin, Ta cũng đầy đủ đức tin như vậy. Chư thiên có đầy đủ giới, ta cũng đầy đủ giới như vậy....". Bốtát (uposatha) như vậy được gọi là Thiên trai giới (ở đây Devatā hàm ý Chư thiên và Phạm thiên).

Sau khi nguyện thọ trì tám giới, hành giả quán niệm như vầy: "cũng như các vị A la hán không bao giờ giết hại một chúng sanh nào và luôn luôn có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh. Tôi cũng vậy, sẽ không bao giờ giết hại chúng sanh. Do sự thực hành này, tôi sẽ sống theo gương các vị A la hán".

Quán niệm theo từng giới như vậy, gọi là Atthaṅg'uposatha (tám chi trai giới hay bát quan trai giới).

Cần lưu ý rằng: sự phân chia Uposatha thành sáu loại là tùy theo cách thọ trì (Phật trai giới, Pháp trai giới...), tuy nhiên, cách phân chia đầu tiên về Uposatha là chỉ có hai loại: atthaṅga uposatha (trai giới có 8 chi phần) và navaṅga uposatha (trai giới có 9 chi phần).

Giới uposatha.

a- Trai giới có 8 chi (aṭṭhaṅga uposatha sīla).

Còn gọi là Bát quan trai giới. Bát quan giới bao gồm tám giới là: không sát sanh, không lấy của không cho, không quan hệ tình dục, không nói dối, không uống rượu và các chất say, không dùng vật thực sái giờ, không ca múa- xem ca múa- sử dụng nhạc cụ - nghe tiếng nhạc cụ - trang điểm, và không nằm giường cao-xinh đẹp.

Có câu hỏi: "Ngũ giới chỉ dùng chữ "pañca sīla", thập giới chỉ dùng "dasa sīla". Riêng tám giới không dùng "aṭṭha sīla", vì sao phải đính kèm thêm uposatha?

Đáp: Về ngũ giới và thập giới, đối với những người có giới đức chẳng có ngày đặc biệt nào được định đặc ra cả.

Chỉ có tám giới được thọ trì vào những ngày cố định đặc biệt. Do đó, từ ngữ Uposatha dành cho tám giới này.

Có điểm khác cần xét đến là:

- Năm giới không nhiều như tám giới và được thọ trì hằng ngày nên không có ngày đặc biệt để đặc tên cho sự thọ trì.

- Thập giới thì cao hơn tám giới, những bậc thọ trì 10 giới trong quá khứ, lý ra phải định ngày đặc biệt để thọ trì. Nhưng ở đây, tại sao các Ngài không làm như vậy?

Lý do có thể chấp nhập là: "tám giới đặc biệt thích hợp cho người cư sĩ, trong khi mười giới thì không".

Theo bộ Thanh Tịnh Đạo, mười giới dành cho các vị Sadi và Sadi ni.

Bộ Sớ giải Khuddakapātha cũng giải thích rằng: "giới cuối cùng (jātarūpiya sikkhāpada-điều học không thọ nhận vàng bạc) trong mười giới là giới đặc biệt dành cho các vị Sadi".

Rõ ràng mười giới chỉ đặc biệt dành cho các vị Sadi, không dành cho người cư sĩ.

(Thời xưa, người ta dùng vàng hay bạc thay tiền, nên giới này có thể xem là "không thọ nhận tiền" - Ns).

Do đó, những cư sĩ có trí trong quá khứ đã thọ trì hai loại giới liên quan đến họ, và chọn ra tám giới để thọ trì vào ngày ấn định đặc biệt. Do đó, chỉ có tám giới được gọi là Uposatha như đã giải thích trong bộ Visuddhimagga.

Vì rằng, bậc cư sĩ thiện hạnh (sucaritta) không chỉ thỏa mãn với giới hạnh được thọ trì, mà còn muốn làm các việc phước thiện qua bố thí. Để có vật thí phải có sự mua sắm, kết quả là họ không thể thọ trì điều học "không nhận tiền" cho đúng pháp được. Do đó, người xưa đã định đặc "thọ trì 8 gipới vào ngày uposatha".

Hơn nữa, bộ Sớ giải Khuddakapātha giải thích về tám giới có nguồn gốc từ mười điều học như sau:

"Trong mười giới là:

1- Không sát sanh (pānātipātā).

2- Không lấy của không cho (adinnādāna).

3- Không hành dâm (abrahmacariyā).

4- Không nói dối (musāvādā).

5- Không uống rượu và chất say (surāmeraya).

6- Không dùng vật thực phi thời (vikālabhojana).

7- Không xem hay múa hát, nghe hoặc xử dụng nhạc khí (naccagīta vādita visūka dassana).

8- Không trang điểm (mālāgandha vilepana dhārana mandana vibhūsanattha).

9- Không nằm giường cao và xinh đẹp (uccāsayaṇa mahāsayana).

10- Không nhận tiền (Jātarūpa rajata patiggahana).

Bốn giới (1, 2, 4 và 5) Sadi và cư sĩ thọ trì như thường giới (niccasīla), giới thứ ba là thường giới của sadi, nhưng không được kể là thường giới của cư sĩ, giới này được thọ

trì chỉ vào ngày uposatha.

Giới thứ 6 không thay đổi, giới thứ 7 và 8 gom lại thành giới thứ 7 của bát quan trai giới. Giới thứ 9 là giới thứ tám của bát giới.

Điều học cuối cùng "không thọ nhận tiền", không được kể vào trong tám giới.

Về giới "không nhận tiền".

Có rất nhiều ý kiến về giới này.

Một số Giáo thọ sư cho rằng: "Người cư sĩ không thể giữ được giới này, chỉ có thể giữ được khi nào "quyết định không nhận tiền" như thợ gốm Ghātikāra".

Phải thừa nhận rằng: Sách Thanh tịnh đạo và bộ Sớ giải Khuddaka pātha đều do Đại Luận sư Buddhaghosa viết ra, nên không thể khác nhau.

Đoạn văn trong sách Visuddhimagga:

"Upasaka kanti sīlavasena pañca sikkhāpadāni sātivā ussāhe dasa: Năm giới là thường giới của cư sĩ, 10 giới là giới thỉnh thoảng (niyama sīla) của cư sĩ". Và trong 2 bộ Sớ giải của Khuddakapātha Itivuttaka cũng phù hợp như thế.

Tuy Sớ giải tập Khuddaka pātha có đề cập: "không nhận tiền là sadi giới". Nhưng sadi vi phạm vào học giới này, cũng không bị trục xuất khỏi đời sống Sadi.

Trong Mahāvagga (Đại phẩm), Đức thế Tôn có ban hành "điều luật trục xuất sadi", trong đó năm giới đầu tiên của thập giới được kể đến, còn năm giới sau không được kể đến.

Do đó, dầu phạm một trong năm giới sau vị Sadi cũng không bị trục xuất, vị ấy chỉ phạm tội làm hoen ố điều học, phải chịu hành phạt.

Và khi sadi chịu hình phạt do vị thầy đưa ra như: gánh nước, quét dọn khắp tịnh xá... vị ấy sẽ trở thành vị sadi tốt trong sạch.

Tuy Sadi có bổn phận phải thọ trì thập giới, nhưng dầu có vi phạm điều học "thọ nhận tiền" cũng không bị trục xuất khỏi đời sống Sadi.

Rõ ràng: Trong mười giới, năm giới sau không quan trọng như năm giới đầu của vị Sadi.

Và 10 giới chỉ là giới "được cư sĩ thực hành thỉnh thoảng", chứng tỏ cư sĩ vẫn giữ được 10 giới.

Và thật không thích hợp khi nói rằng "cư sĩ phải như Ngài Ghātikāra, mới giữ được giới này". Vì rằng: "Học giới này ngay cả sadi cũng không được xem là quan trọng".

Đòi hỏi người cư sĩ thọ 10 giới phải như Ngài Ghātikāra (bậc Thánh Bất lai tại gia) trọn đời, là một yêu cầu quá cao. Như giới "không hành dâm", bậc Thánh Bất lai hoàn toàn dứt hẳn, nhưng cư sị vẫn thỉnh thoảng thọ trì, cũng tạo nhiều phước báu, tương tự như thế đối với giới "không nhận tiền".

Hơn nữa, trong mười phận sự của vị vua được nêu ra trong Mahāvaṃsa Jātaka của Asīti Nipāta.

Sớ giải nói rằng chữ "sīla" hàm nghĩa: ngũ giới và thập giới. Do đó, điều rõ ràng là các vị vua cũng thọ trì thập giới như một trong những phận sự của đức vua.

Nếu nói rằng "mười giới nên được thọ trì trọn đời" thời các vị vua có các bà Hoàng hậu, thứ phi, nữ quý nhân và kho báu đầy vàng và bạc sẽ không thể thọ trì thập giới, vì vi phạm vào điều thứ ba (abrammacariya) và các điều học thọ nhận vàng, bạc (jāta rūpasikkhāpada).

Nếu các vị vua không thể thọ trì 10 giới, thì các nhà chú giải đã không ghi lời bình giải mười giới trong 10 phận sự của vị minh quân.

Do vậy, mười giới không phải là thường giới (nicca sīla), chúng là giới được thọ trì thỉnh thoảng.

Trong bộ Visuddhimagga Mahāṭīkā (tác giả là Ngài Dhammapāla), có đề cập ba loại giới là:

- Ngũ giới được thọ trì thường xuyên (nicca sīla). - Tám giới được thọ trì vào những ngày uposatha (uposatha sīla). - Mười giới được thọ trì thỉnh thoảng (niyama sīla).

Lại nữa, trong bộ kinh Tương Ưng chúng ta thấy câu chuyện sau đây:

Vua trời Đế thích (sakka) từ cung điện Vejayanta đi xuống, khi sắp bước vào chiếc xe của mình vị ấy lễ bái các phương hướng hướng.

Chư thiên đánh xe Mātali hỏi rằng: "Thưa Thiên chủ! Ngài đang lễ bái ai vậy".

Vua Đế thích đáp rằng:

"....Ye gahaṭṭhā puññakarā
Sīlavanto upāsakā
Dhammena dāram posenti
Te namassāmi mātali".
".... Ngoài ra, các gia chủ
Làm công đức, giữ giới.
Nuôi dưỡng vợ đúng pháp.
Các cư sĩ như vậy.
Ta cũng đảnh lễ.
Hỡi này Mātali.[19]
Sớ giải có giải thích chữ "sīlavanti" trong câu trả lời của vua trời Sakka như sau:

"Sīlavanto ti upasakatthe patiṭṭhāya pañcahi sīlehi samannāgatā. Những người có giới là những những cận sự quy y Tam Bảo, an trú trong năm giới và 10 giới".

Theo bộ Sớ giải này rõ ràng: "Những người được Thiên chủ Sakka lễ bái, là những người sống với gia đình, thọ trì năm giới và mười giới".

Trong Hậu sớ giải Tương ưng kinh, có đoạn bình giải như vầy:

"Niccasīlavasena pañcahi niyamavisena dasahi: Năm giới nên được thọ trì thường xuyến, mười giới nên thỉnh thoảng thọ trì (niyama sīla)".

b-Trai giới có 9 chi (navaṅga sīla).

"Này các tỳ khưu, ngày trai giới (uposatha), thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn".[20]

Khi kể ra các giới, Đức Thế Tôn nói tám giới trước từ pānātipātā sikkhāpada đến uccāsayanamahāsayana sikkhāpada, nhưng kết thúc bằng phương pháp thực hành rải tâm tử như vầy:

"Mettā sahagatena cetasā ekaṃ disaṃ pharitvā viharāmi: An trú với tâm câu hữu với từ (mettā) biến mãn một phương".

"Và an trú như vậy phương thứ hai... với phương thứ ba..."

Theo bài kinh này, sau khi nguyện thọ trì bát quan trai giới, người ta thọ trì thêm pháp thiền đề mục "từ (mettā)".

Người thọ trì tám giới không khuyết phạm và thực hành thiền"tâm từ", gọi là người thọ trì chín giới uposatha.

Và không cần phải đọc thọ trì "giới thứ chín", chỉ nguyện thọ trì tám giới là đủ và tu tập pháp rải tâm từ càng nhiều càng tốt. Như vậy, người ấy được xem là đang thực hành chín giới (navaṅga uposatha).

Đức Thế Tôn đã nêu ra "ekaṃ disaṃ pharitvā" rải tâm từ đi khắp một phương, hơn là chỉ trú tâm trong "từ" mà không rải đi.

Nên hướng tâm đang an trú trong từ đến tất cả chúng sanh trong mười phương (bốn hướng chính bốn hướng cộng thêm, hướng trên và hướng dưới) rải lần lượt từng hướng bắt đầu từng hướng nào cũng được.

Cho dù có bốn pháp vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), Đức Thế Tôn chỉ chọn pháp từ (mettā) thêm vào tám giới.

Người tu tập tâm từ, có được 11 lợi ích là:

1- Ngủ an vui.
2- Thức dậy cũng an vui.
3- Không thấy ác mộng.
4- Được người thương mến.
5- Được phi nhân thương mến.
6- Được chư thiên bảo vệ.
7- Không bị lửa, thuốc độc và khí giới làm hại.
8- Tâm vào định dễ dàng.
9- Gương mặt tươi sáng và trầm tỉnh.

10- Người ấy chết với tâm không rối loạn và.
11- Nếu chưa thể nhập đạo quả A la hán, được tái sanh vào cõi Phạm thiên.
Rõ ràng là pháp thiền tâm từ có oai lực nhiều hơn ba pháp vô lượng tâm kia.

c- Phạm hạnh giới (brahmacariya).

Đây là giới dành cho người cư sĩ thọ trì vào ngày uposatha.

Giới thứ ba trong năm giới gốc: "kāmesu micchā cārā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi: Tôi vâng giữ điều học là cố ý lánh xa sự hành sái quấy trong dục lạc", được thay thế bằng:

"Abrahmacariyā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi: tôi vâng giữ điều học là cố ý lánh xa sự dâm dục."

Giới này cộng bốn giới: không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối và không uống rượu cùng chất say, các Ngài gọi là "năm phạm hạnh giới".

Năm giới này do thiện nam Gavesī thọ trì vào thời Đức Phật Ca Diếp.

"Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī đi đến 500 nam cư sĩ ấy, nói như sau: "Bắt đầu từ hôm nay, này các tôn giả, ta sẽ thọ trì phạm hạnh, sống viễn ly, tử bỏ dâm dục hạ liệt".[21]

Trong thời của Đức Phật, giới này được thọ trì bởi các cư sĩ như cận sự nam Dhammika, gia chủ Citta, cận sự nữ Nandamāta (bà Veḷukaṇḍakī), gia chủUgga, quan thủ quỷ của thành Vesāli và Ugga, người thủ quỷ của làng Hatthi, xứ Vajjī...

Gia chủ Ugga có bốn người vợ, hai người vợ cả được phép tái giá, rồi lần lượt hai người vợ còn lại cũng như thế, sau đó gia chủ Ugga sống độc thân. Gia chủ Ugga là bậc Bất lai tại gia.

Không nên hiểu lầm rằng những người có gia đình trong thời hiện tại, muốn thọ trì phạm hạnh giới phải từ bỏ vợ. Nói cách khác, không nên cho rằng họ không thể thọ trì loại giới này, trừ khi phải bỏ vợ.

Theo giải thích của bộ Sớ giải Khuddakapātha thì trong mười giới, chỉ có bốn giới là "không sát sanh, không lấy của không cho, không nói dối và không uống rượu và chất say" được xem là thường giới.

Rõ ràng giới "không hành dâm" và những giới còn lại như "không ăn phi thời"... không phải là thường giới.

Những giới trên (ngoài thường giới) là giới có thời hạn (niyama sīla), thọ trì những giới này với thời gian càng dài thì càng tốt.

Điều nên ghi nhận là: Gia chủ Ugga là bậc Thánh Bất lai, nên tham dục không còn, nên từ bỏ những người vợ không còn chút luyến ái và thọ trì trọn đời.

Những người là phàm nhân hay Thánh Dự lưu hoặc Thánh Nhất lai thực hành theo gương của gia chủ Ugga "thọ trì giới không hành dâm" được thì tốt, đồng thời không

nhất thiết phải từ bỏ vợ. Nếu không được "trọn đời", nên thọ trì theo khả năng chế ngự của mình (riêng bậc xuất gia thì phải dứt khoát không được vi phạm).

Xét về tại gia giới, bộ Thanh Tịnh Đạo nói rằng:

"Upāsaka upāsikānaṃ niccasīlavasena pañca sikkhāpadāni sāti vā ussāhe dasa uposathaṅga vasena aṭṭhāti idaṃ gahaṭṭha sīlaṃ".

"Năm giới là pháp thọ trì trọn đời, mười giới chỉ khi nào có thể và tám giới là sự thọ trì đặc biệt vào những ngày Bốtát (uposatha), đó là tại gia giới, các cận sự nam-nữ cần phải thọ trì".

3- Ba loại giới khác.

a- Ngã tăng thượng giới (attādhipateyya sīla). b- Thế gian tăng thượng giới (lokadhipateyya sīla). c- Pháp tăng thượng giới (dhammādhipateyya sīla).

- Ngã tăng thượng giới:

Là giới được thọ trì do "lấy ta làm chủ", tức là do lòng tự trọng về giòng dõi, do địa vị, do sợ bị chê trách... nên từ bỏ những điều ác xấu.

Hoặc giả, do sợ khổ cảnh, hình phạt... nên giữ gìn giới.

- Thế gian tăng thượng giới:

Là giới được thọ trì vì thế gian cho là tốt. Như trước và trong thời Đức phật, những hình thức khổ hạnh được ưa chuộng, được thế gian cho là "bậc thánh thiện". Câu truyện Ngài Bāhiya trong Sớ giải kinh Pháp cú là điển hình.

Nói gọn hơn: "Những giới nào mà đa số chấp nhận thực hành, thì thực hành theo giới đó, những giới này có thể rơi vào "mê tín dị đoan", một dạng khác của giới cấm thủ (silabbataparāmāsa sīla).

- Pháp tăng thượng giới:

Là giới được thọ trì do tôn kính pháp. Pháp thoại của Đức Phật nói về Đạo, quả và Nipbàn, Đức Phật chỉ ra con đường dẫn đến giải thoát sanh tử luân hồi và cách duy nhất để tỏ sự tôn kính và cúng dường pháp là hành trì pháp.

Sự thọ trì giới để làm nền tảng tiến tu định và tuệ để thoát ra luân hồi, theo lời dạy của Đức Phật, gọi là "giữ giới do lấy pháp làm chủ".

4- Ba loại giới khác.

a- Chấp thủ giới (parāmaṭṭha sīla). b- Vô chấp thủ giới (aparāmaṭṭha sīla). c- An tịnh giới (patippassaddha sīla).

- Chấp thủ giới:

Giống như giới (có) nương tựa, là sự thọ trì giới dựa trên ái dục hoặc tà kiến.

Do ái dục, người ta hài lòng với ý nghĩ rằng giới của họ sẽ cho quả tái sanh vào cõi hạnh phúc mà họ ao ước và giới ấy cao hơn giới của kẻ khác.

Do tà kiến người ta chấp rằng giới của họ là linh hồn hay tự ngã.

Trong cả hai trường hợp, đều thuộc loại chấp thủ giới.

Ngay cả khi thực hành, loại giới này "thắp sáng" ngọn lửa ái dục và tà kiến. Hai ngọn lửa này không chỉ sáng rực khi người ta thụ hưởng dục lạc, nó vẫn sáng rực khi người ta hành pháp trì giới hay bố thí ... với sự "nắm giữ".

Chỉ khi nào thực hành thiền Minh sát, hai ngọn lửa này mới "không cháy sáng". Qua pháp hành thiền Minh sát, hành giả hiểu rằng thân này không phải "ta", chỉ là chuỗi hiện tượng sanh diệt của danh - sắc, chỉ khi ấy người ta mới làm "lu mờ" ngọn lửa thân kiến (sakkāya diṭṭhi) và ái dục (taṅhā).

- Vô chấp thủ giới:

Là phàm nhân nương nhờ Tam Bảo, nguyện thọ trì giới để tu tập bát chánh đạo với mục đích chứng đắc đạo quả, giới ấy gọi là vô thủ giới.

Đây cũng là giới của bậc Thánh Hữu học (sekkha), là bậc đã tu tập bát Thánh đạo, đã chứng đắc một trong ba Thánh đạo - quả, nhưng còn phải tu tập để đạt đến mục tiêu rốt ráo là Thánh quả Alahán.

- An tịnh giới.

Là giới được thanh tịnh do sự chứng đắc bốn thánh quả (Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai và A la hán).

Theo Luận Atỳđàm: "đây là loại giới nhận Nípbàn làm cảnh. tức là 3 tâm sở chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng trong tâm quả Siêu thế".

5- Ba loại giới khác:

- Tịnh giới (visuddha sīla). - Bất tịnh giới (avisuddha sīla). - Si tưởng giới (vematika sīla).

- Tịnh giới:

Là giới của vị tỳ khưu chưa vi phạm (trong luật Tỳ khưu) hoặc có phạm nhưng đã sám hối rồi.

Hay giới của người cư sĩ được gìn giữ cẩn thận, hoặc có vi phạm đã xin thọ trì giới trở lại.

- Bất tịnh giới:

Là giới bị ô nhiễm, hoặc bị rách, lủng lổ...

- Si tưởng giới:

Là giới của vị tỳ khưu hoài nghi về vật thực mà vị ấy đã thọ lãnh (không biết đó là thịt gấu bị cấm dùng hay thịt heo được phép dùng), là người đã hoài nghi về tội mà vị ấy đã phạm (không biết đó là tội pācittiya āpatti hay dukkata āpatti) và là người có sự phân vân về hành động mà vị ấy đã làm có phạm tội hay không.

Vị tỳ khưu chuyên tâm hành thiền thì nên cố gắng thanh lọc giới của mình nếu nó chưa trong sạch.

Nếu vị ấy phạm một tội nhẹ (tức là một trong 92 tội pācittiya), nên đối trị nó bằng cách sám hối với một vị tỳ khưu và nhờ đó giới của vị ấy được trong sạch.

Nếu vị ấy phạm tội nặng (tức là một trong mười ba tội tăng tàn), vị ấy nên thọ phạt theo Luật để giới thanh tịnh trở lại.

Nếu phát sanh nghi ngờ về đặc tánh của vật thực, vị ấy nên xem xét kỹ vật thực rồi hãy thọ dụng.

Nếu nghi ngời "có phạm hay không phạm? phạm vào tội gì?", nên tham khảo ý kiến với vị tỳ khưu rành luật và nhờ vậy đoạn diệt được những hoài nghi và làm trong sạch giới của mình.

6- Ba loại giới khác.

- Hữu học giới (sekkha sīla). - Vô học giới (asekkha sīla). - Phi hữu học phi vô học giới (nevasekkhanāsekkha sīla).

- Hữu học giới: Là giới được thọ trì bởi người đã chứng đắc ba Thánh đạo -quả.

- Vô học giới: Là giới của bậc không còn phải tu tập gì nữa. Đó là giới của những vị Thánh A lahán.

Nhóm phàm giới không ở trong hai loại trên, gọi là phi hữu học phi vô học giới.

Đó là giới của phàm nhân.

C) Giới bốn chi.

1- Giới bốn chi.

a- Thối giảm giới (hānabhāgiya sīla).
b- Yên trụ giới (ṭhitibhāgiya sīla).
c- Tấn hóa giới (visesabhāgiya sīla).
d- Thể nhập giới (nibbedhabhāgiya sīla).
-Thối giảm giới.

Là giới chắc chắn bị suy thối, như vị tỳ khưu sống chung với những người không có giới và không thân cận với những bậc có giới, vị ấy không biết hoặc không thấy mình đang đi trên con đường phạm tội, và vì không hộ trì các căn nên thường sống trong bất thiện pháp. Giới của vị tỳ khưu như vậy không tiến bộ, thay vào đó là suy thoái dần.

"Ekassa caritaṃ seyyo
Natthi bāle sahāyatā.
Eko care na ca pāpāni kayirā
Appossukk mātaṅgaraññ'ev nāgo.
Tốt hơn sống một mình,
Không người ngu, kết bạn.

Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự.
Như voi sống rừng sâu".[22]
- Yên trụ giới.

Là giới đứng yên, vị tỳ khưu thỏa mãn với giới mà mình đã an trú và không tích cực tu tiến pháp định tâm để tiến xa hơn. Vì thỏa mãn với giới như vậy, giới của vị ấy không tiến bộ cũng không suy thối chỉ đứng yên, loại giới này xem như tù đọng.

"Phussāī nekkhammasukhaṃ
Aputhujjanasevitaṃ.
Bhikkhu visāsaṃ āpādi
Appatto āsavakkhayaṃ.
"Ta hưởng được an lạc.
Phàm phu chưa hưởng được.
Tỳ khưu chớ tự tin.
Khi lậu hoặc chưa diệt."[23]
- Tấn hóa giới (visesa).

Là giới đưa đến chứng đạt thiền định và thắng trí. Vị tỳ khưu sau khi đã an trú trong giới, không thỏa mản hay hài lòng kết quả đó, tích cực hành phàp thiền định và chứng đạt các tầng thiền hay thắng trí, giới ấy đã dẫn đến (bhāgiya) tấn hóa (visesa), gọi là tấn hóa giới, hay giới đưa đến chứng đạt pháp định tâm hay thắng trí. (thắng trí ở đây chỉ cho 5 pháp thần thông).

- Thể nhập giới (nibbedha).

Là giới đi sâu vào nội tại, diệt trừ những pháp ô nhiễm. Vị tỳ khưu nương vào giới, nỗ lực tu tập để đạt được tuệ quán lực (balavipassanā ñāṇa), là tuệ nhàm chán khổ sinh tử luân hồi.

Giới của vị tỳ khưu ấy đã xuyên thấu và loại trù bóng tối ô nhiễm qua đạo và quả, tức là chứng ngộ được Nípbàn, gọi là giới thể nhập (Nípbàn).

2- Bốn loại giới khác.

a- Tỳ khưu giới (bhikkhu sīla).
b- Tỳ khưu ni giới (bhikkhunī sīla).
c- Sadi giới (anupasampanna sīla).
d- Tại gia giới (upaāsaka sīla).
- Tỳ khưu giới:Là những điều luật được Đức Thế Tôn ban hành dành cho các tỳ khưu.

- Tỳ khưu ni giới: Là những điều luật được Đúc Phật ban hànnh, dành cho các tỳ khưu ni và những điều mà các tỳ khưu ni cũng phải thọ trì, dầu được ban hành dành cho các vị tỳ khưu.

- Sadi giới: Mười điều học do các vị Sadi và Sadi ni thọ trì được gọi là "chuẩn cụ túc giới" (những người chuẩn bị xuất gia thọ cụ túc giới).

Theo nghĩa này, người cư sĩ cũng là "chuẩn cụ túc giới", nhưng được phân biệt theo giới thọ trì riêng (là cư sĩ giới), do đó không đề cập ở đây.

Chỉ những giới của Sadi và Sadi ni mới được xem là anupasampanna (chuẩn bị cụ túc).

Tuy có một loại giới dành cho Học nữ (sikkhāmāna). Sadi ni muốn thọ tỳ khưu giới (khi đủ tuổi đời là 20 tuổi trở lên), phải thọ giới Học nữ trong 2 năm không gián đoạn, đó là 5 giới Sadi ni và giới không ăn phi thời. Sự khác biệt ở đây là: Sadi ni dùng vật thực phi thời chỉ bị hình phạt, còn dùng vật thực phi thời trong Học nữ giới. bị vi phạm xem như thời gian thọ trì bị hủy bỏ (dĩ nhiên là bị hình phạt để sadi ni giới được trong sạch). Vì thế, Học nữ giới được liệt vào Sadi ni giới.

- Tại gia giới (hay cư sĩ giới): Giới được thọ trì bởi người tại gia cư sĩ nên được gọi là tại gia giới.

Nói về sự vi phạm các giới cấm, bộ Sớ giải Khuddakapātha có ghi:

"Người cư sĩ, sau khi nguyện thọ trì năm giới, nếu đứt giới nào, chỉ riêng giới ấy thôi. Và nếu giới ấy được nguyện thọ trì lại thì năm giới được hoàn toàn trở lại".

Nhưng có một số Giáo thọ sư cho rằng: "nếu năm giới được nguyện thọ trì từng giới, thì đứt một giới sẽ không ảnh hưởng những giới còn lại. Tuy nhiên, nếu thọ trì chung 5 giới một lần: "pañcaṅga samennāgataṃ sīlaṃ samādriyāmi: tôi nguyện thọ trì năm giới", một trong năm giới bị đứt thì cả năm giới đều đứt."

Về điểm này, bộ Sớ giải Sammohavinodanī, phần phân tích học giới (Sikkhapadā vibhaṅga) có giải thích:

"Gahattha yaṃ vītkkamanti taṃ tadeva khandaṃ hoti bhijjati, avasesaṃ na bhijjati kasmā gahattha hi anibuddhasīlā honti yaṃ yaṃ sakkaronti taṃ tadeva gopenti"

Sau khi nguyện thọ trì các giới nếu người cư sĩ phạm một trong những giới ấy, chỉ có giới ấy bị phạm, những giới khác không ảnh hưởng".

Đối với người cư sĩ, tuy năm giới là thường xuyên thọ trì, nhưng trong năm giới, họ có thể thọ trì bất cứ giới nào có thể thọ trì được, không nhất thiết phải thọ trì đầy đủ (dĩ nhiên sự thọ trì trọn vẹn 5 giới là tốt nhất), mỗi giới có quả báo riêng, và: "khi đứt giới này, không ảnh hưởng đến giới kia là điều rõ ràng".

Không thể nói rằng "khi cư sĩ đứt một giới thì mọi quả báo "của giới khác" cũng mất".

Trái lại, Sadi phải thường xuyên thọ trì đầy đủ 10 giới: "năm giới đầu mang tính "bị tẩn xuất", năm giới sau "bị hình phạt". Đứt một trong 5 giới đầu "đều bị tẩn xuất", đứt một trong 5 giới sau "đều bị hình phạt" như nhau.

Nên lưu ý rằng: cho dù người cư sĩ không thể thọ trì cả thảy năm giới, chỉ một số giới nào đó, cũng được phước về giới đó.

Về điểm này, bộ chú giải Pātisambhidāmagga bình luận về giới pariyanta pārisuddhisīla (giới thanh tịnh có giới hạn), được nêu ra trong "nhóm giới có 5 chi".

Có hai loại giới hạn liên quan đến giới, giới hạn về số lượng các điều học được thọ trì và giới hạn về thời gian thọ trì.

Người cư sĩ có thể thọ trì một hai, hai, ba, bốn, năm, tám hoặc mười giới. Đây là giới hạn về số lượng giới được thọ trì, (riêng Sadi phải thọ trì đủ 10 giới).

Ý nghĩa chính ở đây là: nếu người cư sĩ nguyện thọ trì một, hai, ba, bốn, năm, tám hoặc mười giới, và thọ trì một cách cẩn trọng thì giới của người ấy gọi là sikkhāpada pariyanta pārisuddhi sīla (cư sĩ giới thanh tịnh hữu hạn), đây là thanh tịnh có hạn lượng về số lượng.

Người cư sĩ thọ trì 5 giới, tám giới hay 10 giới một cách cẩn trong trong một thời gian nào đó, như 8 giới trong "một đêm một ngày", gọi là thanh tịnh giới hạn định về thời gian.

Do đó, dù trong sự thực hành người ta nguyện thọ trì cả năm giới, nhưng quả thật là khó giữ trọn vẹn 5 giới (chỉ trừ bậc Thánh). Ở khía cạnh này, người cư sĩ không bắt buộc phải thọ trì tất cả năm giới, nếu chỉ có thể thọ trì một, hai, ba giới, thì nên thọ trì cẩn trọng những giới ấy.

Chính trong thời Đức Phật, nhiều cư sĩ có trình bày "thật khó giữ tròn năm giới", mỗi người đều có một hay hai giới không giữ được. Đức Phật dạy:

- Không có giới nào là quan trọng ít, giới nào là quan trọng nhiều. Tất cả các giới đều khó giữ.[24]

Có thể có câu hỏi:

"Người cư sĩ có thể thọ trì bất cứ giới nào mà họ thấy có thể giữ được. Nhưng vì sao trong Thanh tịnh đạo lại nói: "upāsakopasikānaṃ niccasīlavasena pañca sikkhāpadāni - người cư sĩ thường xuyên thọ trì năm học giới"?.

Đáp rằng: Sách Thanh tịnh đạo nói đến "niccasīlavasena pañca sikkhāpadāni - thường xuyên thọ trì 5 học giới", là nói đến nguyên tắc chủ yếu. Còn cư sĩ thọ trì như thế nào là do nổ lực của người ấy. Ví như một học sinh phải học tốt 5 môn học, mới có thể lên lớp cao hơn, cũng vậy 5 học giới này là nền tảng để người cư sĩ tiến tu thành tựu những pháp cao hơn.

Lại nữa, năm giới này vừa là học giới vừa là nghiệp, cho dù không nguyện thọ trì, nhưng vi phạm vẫn bị nghiệp xấu, không vi phạm vẫn có nghiệp tốt. Và không ai có quyền cho rằng: "được phép bỏ đi một hay bất cứ giới nào".

Ngoài bát quan giới, thập giới, phạm hạnh giới mhư đã giải. Cư sĩ còn có một giới khác, gọi là "phạm hạnh nhất thực giới (ekabhattika sīla)" (ekabhattika là: ăn một lần, nghĩa là trong ngày chỉ ăn một lần vào buổi sáng trước 12 giờ).

Cư sĩ muốn thọ trì giới này, sau khi nguyện thọ trì phạm hạnh giới, sẽ thọ tiếp: "vikālabhojanā veramanī sikkhāpadaṃ samādiyāmi: tôi nguyện giữ điều học là "cố ý xa lánh dùng vật thực phi thời".

Hoặc nếu muốn nguyện thọ trì một lần, có thể nguyện như sau: "brahmacariya pañcama ekabhattika sīlaṃ samādiyāmi: Tôi nguyện giữ 5 giới phạm hạnh và không dùng vật thực phi thời".

Vào thời Đức Phật Kassapa (Cadiếp), thiện nam Gasevī cùng 500 tùy chúng của mình đã thọ trì giới này. [25]

3- Bốn loại giới khác.

a- Tự nhiên giới (pakati sīla).
b- Truyền thống giới (ācāra sīla).
c- Pháp tánh giới (dhammatā sīla).
d- Tiền nhân giới (pubbahetu sīla).
- Tự nhiên giới:

Sự không vi phạm ngũ giới của những người ở cõi Bắc cưu lô châu (kurudīpa) gọi là tự nhiên giới.

Chúng sanh ở cõi này kiêng tránh 5 ác nghiệp như sát sanh... một cách tự nhiên mà không cần nguyện thọ trì.

- Truyền thống giới:

Là giới thực hành theo truyền thống như:

Sự kiêng tránh điều ác bởi vì tổ tiên đã từng thực hành như vậy gọi là kula ācara sīla (gia tộc Bồtát Dhammapāla thực hành loại giới này).

Sự kiêng tránh điều ác vì đó là phong tục của địa phương, gọi là desa ācara sīla.

Sự kiệng tránh điều ác vì đó là giới trong tông phái của mình, gọi là pāsaṇda ācāra sīla.

- Pháp tánh giới:

Là giới được thọ trì bởi mẹ của Bồtát vào lúc bà có thai, do oai đức kiếp cuối cùng của vị Chánh đẳng giác, gọi là Pháp tánh giới (dhammatā sīla).

Mẹ của Bồtát, từ lúc thụ thai Bồtát bà luôn giữ gìn năm giới cẩn trọng và không ham muốn đàn ông ngay cả chồng mình.

Điều này do uy đức của một chúng sanh vô cùng cao quý, tức là Bồtát đang nằm trong bào thai của bà.

Giới này là một quy luật tự nhiên, nên gọi là Pháp tánh giới.

- Tiền nhân giới:

Sự thọ trì giới do bởi có đời sống trong sạch trong quá khứ, nhưthanh niên Pippali (về sau là trưởng lão Mahā Kassapa) và nàng Bhaddā,hoặc của Bồtát khi làm vua Mahā

Sīlava, do căn tánh tự nhiên .

Nói cách khác, giới được thực hành một cách tự nhiên, không do sự chỉ dạy của bất cứ ai thì gọi là Tiền nhân giới (pubbahetu sīla).

4- Tứ thanh tịnh giới.

Là bốn loại giới chính yếu liên quan đến tỳ khưu (như đã giải).

Khi đạo sĩ Sumedha được thọ ký, Ngài suy xét về giới Ba la mật đã tự nhủ: "Tath'eva tvam catūsu bhūmisu silāni paripūraga: ngươi nên hoàn thành bốn lãnh vực thanh tịnh của giới".

Trong sách Thanh Tịnh Đạo có nêu ra phần giới có 5 chi phần, là 5 thanh tịnh giới (xin xem Thanh tịnh đạo).

-ooOoo-

[1] - JA, truyện số 506.

[2] - JA. truyện số 543.

[3] - A.ii, 142.

[4] - A.i, 143.

[5] - A.i, 142.

[6] - A.iv, 302.

[7] - A.i, 143

[8] -S.i, 209.

[9] - Mhv, chương lễ Uposatha, tụng phẩm 1. - Đại đức nguyệt Thiên dịch.

[10] - S.i, 208.

[11] - A.v, 83.

[12] - A.ii, 27

[13] - S.iv, 400.

[14] - Xem A.i,168 - Bàlamôn Saṅgārava.

[15] - Mhv, chương lễ Uposatha. Đại Đức Nguyệt Thiên dịch.

[16] - Mhv, chương lễ Uposatha (153).

[17] - A.i, 205.

[18] - DhpA, câu số 316 - 317.

[19] - S. i, 234.

[20] - A.iv, 388.

[21] -A.iii, 214

[22] - Dhp, câu 330.

[23] - Dhp- câu 272. HT. Thích Minh Châu dịch.

[24] - DhpA, câu số 246 - 248.

[25] - A.iii, 214.

-ooOoo-

IV- Giới Balamật.

Như con Cāmarī, chúng tôi đã dịch là "bò Yak Tây tạng". Đây là loại bò chở hàng ở Tây Tạng, nó cho sữa và thịt. Lông đuôi của nó được làm quạt, là một trong năm biểu tượng của vua (cờ, quạt, lọng trắng, gươm và hài).

Loại bò này sẵn sàng hy sinh mạng sống để bảo vệ cái đuôi dầu chỉ một sợi lông, cũng như Đức vua thà chết chứ không chịu mất nước dù chỉ một tấc đất.

Để tránh không làm hư đuôi, con Cāmarī sẽ tự kết liễu mạng sống, khi chỉ một túm lông đuôi nhỏ bất thình lình bị kẹt vào trong các nhánh cây.

Bồtát Sumedha tự nhắc nhở mình "hãy lấy hình ảnh con Cāmarī làm gương và giữ giới trong sạch, cho dù phải hy sinh mạng sống".

Đại luận sư Buddhaghosa có nêu:

"Như gà mái giữ trứng.
Như trâu mao giữ đuôi.
Như người giữ con cưng.
Hay một mắt còn lại.
Cũng vậy, khi đã nguyện.
Gìn giữ các cấm giới.
Hãy luôn luôn cẩn thận.
Và biết sợ phạm giới [1].
Tất cả những hình ảnh "bảo vệ" như: "người một mắt bảo vệ con mắt còn lại", "người mẹ bảo vệ đứa con yêu quí", "gà mái bảo vệ trứng". Là nói đến ý nghĩa "người yêu kính giới", người vi pạhmgiới xem như người không quý trọng, yêu kính giới.

Ở phần Giới balamật có nêu ra rằng:

"Ẩn sĩ Sumedha sau khi được thọ ký thành bậc Chánh giác trong tương lai, đã suy xét 10 pháp Balamật, là bố thí, trì giới....Nhưng điều này không ám chỉ: "vị ấy nên thực hành bố thí trước, rồi sau đó tiếp đến trì giới...".

Thật ra, khi suy xét các yếu tố thành bậc Chánh giác, Bồtát Sumedha (Thiện Huệ) vận dụng trí quán balamật (pāramī vicaya ñāṇa), chính bố thí Ba la mật xuất hiện đầu tiên trong trí nhãn, rồi đến giới, xuất gia, trí...

Thứ tự các pháp balamật được nêu ra trong kinh sách là thứ tự mà chúng xuất hiện trước con mắt tâm của ẩn sĩ Sumedh, vì không thể nào vị ấy thấy được cả mười pháp Balamật cùng một lúc. Chúng được suy xét lần lượt từng pháp và vì thế mới có thứ tự như vậy.

Bố thí balamật là pháp đầu tiên, nhưng không có nghĩa Bồtát bố thí trên nền tảng"không giữ giới", phải nói rằng: "Bồtát bố thí trên nền tảng giữ gìn giới hạnh". Và điều này chứng tỏ "10 pháp balamật là trình tự thuyết giảng, không phải là trình tự thực hành".

Trong thực hành, bố thí được trong sạch, tăng trưởng khi thí chủ an trú trong giới, bố thí có kết quả tốt đẹp, đáng hài lòng khi có sự thọ trì giới trước.

Đó là lý do khiến các vị tỳ khưu thường khuyên thí chủ thọ trì giới trước khi cúng dường.

Muốn bố thí trước tiên phải có vật thí, cũng vậy muốn chúng sanh tin và thực hành thiện pháp, trước tiên Bồtát phải là người có giới.

Giới được trong sạch theo bốn phương cách sau:

a- Trong sạch sự "cố ý" (ajjhāsaya visuddhi). Là có tâm hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi. Người có hai pháp này sẽ cố ý lánh xa tội lỗi, không có ý vi phạm giới dù trong giấc ngủ.

b- Nhận sự chỉ bảo từ người khác, để trở nên an tịnh giới (samādana): Tức là khi thọ giới từ vị thầy, cố gắng tìm hiểu cặn kẻ về cách phạm giới để tránh và thể thức không phạm để thực hành.

Hay khi vô tâm phạm giới, được người có trí nhắc nhở, tâm hoan hỷ thọ lãnh lời chỉ giáo.

c- Không vi phạm (avītikkamana). Là tự nguyện khép mình vào khuôn khổ của giới luật. Hay với tâm hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi cương quyết không vi phạm học giới đã thọ trì.

d- Sửa chữa trong trường hợp phạm tội (paṭipākatika karana).

Nếu do dễ duôi vi phạm một hay hai giới, khi đó nhờ "cảm giác" hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, người đó nhanh chóng sửa chữa theo những cách thích hợp như: sám hối, chịu phạt để giới được trong sạch trở lại.

(Theo Luật tạng, khi vị Tỳ khưu phạm trọng giới như Tăng tàng (saṅghadisesa) thì vị ấy phải chịu phạt parivāsa (che dấu bao nhiêu ngày thì bị phạt cấm phòng bấy nhiêu ngày) và tiến hành nghi thức "làm cho chư Tăng hoan hỷ trong sáu ngày" (manatta), ngoài trọng giới ra, những giới còn lại chỉ sám hối là trong sạch giới, riêng cư sĩ hay Sadi thì phải xin giới lại).

Có hai loại giới được làm trong sạch bằng bốn phương cách nói trên là: Kiêng tránh giới (vāritta sīla) và hạnh giới (cāritta sīla).

1) Bồ Tát giữ kiêng tránh giới (vāritta sīla) như thế nào?

Giới kiêng tránh của Bồtát là thập ác giới.

Về thân.

- Bồtát có tâm từ rộng lớn đến tất cả chúng sanh, không hề nuôi dưỡng sự giận dữ đối với bất kỳ ai dù là trong giấc mơ, do vậy mà Bồtát tránh sát sanh.

- Vì có tâm đại thí để giúp đỡ người khác, Bồ tát xem hành động "trộm cắp tài sản của người khác", như việc nắm giữ một con rắn độc. Và ngài xa lánh "không lấy của không cho" như xa lánh con rắn độc.

- Khi Bồtát là samôn hay tỳ khưu, Ngài luôn xa lánh hành dâm. Tuy có kiếp làm đạo sĩ, bất ngờ nhìn thấy trước thân hình kiều diễm của Hoàng hậu Mudulakkhaṇa, Bồtát đánh mất thiền lực cùng thắng trí, nhưng sau đó Ngài tỉnh ngộ, khôi phục được thiền lực và thắng trí. Ngài trở về núi Tuyết, không trở lại kinh thành đầy nguy hiểm nữa[2].

Không chỉ tránh quan hệ tình dục với người nữ mà Bồ Tát còn tiết chế không có bảy hành động tối thiểu liên quan đến tình dục (methuna saṃyoga), được đề cập đến trong Tăng chi bộ kinh, đó là:

a- Thích thú với sự vuốt ve, xoa bóp và chà xát của người nữ. b- Thích thú nói đùa và cười với người nữ. c- Thích thú nhìn chằm chằm vào mắt người nữ. d- Thích thú nghe người nữ cười, hát, khóc từ bên kia tường. e- Thích thú gợi lại những lạc quá khứ mà vị ấy đã từng có với một số người nữ. f- Thích thú xem ai đó hưởng cảnh lạc và nắm giữ cảnh dục lạc đó. g- Sống một cuộc sống cao thượng với mong mỏi chứng đắc được pháp cao quý.

Do tránh được các ràng buộc nhỏ nhặt của ái dục như vậy, nên tội thông dâm không thể có với Bồ tát, Ngài tiết chế để không phạm phải tội.

Khi tái sanh là gia chủ, Bồtát không nuôi dưỡng ý nghĩ tội lỗi: "say mê vợ của người khác".

Về lời.

Khi nói, Bồtát tránh tà ngữ mà chỉ nói điều có thật, lời nói mang lại sự hòa thuận, lời ái ngữ và chỉ nói chánh pháp với sự thận trọng. Tứ1c là lánh xa bốn lời ác ngữ.

Về ý.

Tâm Bồtát có khuynh hướng lánh xa tham-sân và có tri kiến đúng về nghiệp quả, Bồtát nhận thức rằng: "Ta là kẻ thừa hưởng nghiệp đã tạo " (kammassakata ñāṇa)[3]. Bồtát tin tưởng và tỏ thiện ý với các samôn, những vị đang thực hành đúng đắn.

Do tránh những điều làm ô nhiễm thân- ngữ- ý dẫn đến bốn khổ cảnh và vững trú trong những điều trong sạch dẫn đến cõi chư thiên và Nípbàn.

Nhờ khuynh hướng vô tham, vô sân và có tri kiến đúng, nên thân, ngữ của Bồtát được trong sạch, thực hành giới độ với sự "mong mỏi chúng sanh được lợi ích vàan lạc".

2) Những đặc điểm do kiêng tránh giới mang lại.

-"Tránh xa sát sanh", Bồtát bố thí sự vô hại cho tất cả chúng sanh, dễ dàng dẫn đến sự tăng trưởng tâm từ, đồng thời có được 11 điều thuận lợi[4] để tu tập tâm từ.

Ngoài ra, còn có những thuận lợi như: có sức khoẻ, tráng kiện, sống lâu và nhiều an lạc. Với ba đại nhân tướng: "Gót chân thon dài, ngón tay - ngón chân dài và tay chân mềm mại."[5] là do Bồtát từ bỏ sát sanh, chế ngự sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ. đối với tất cả chúng sanh, ba đạc tướng này đã nói lên khuunh hướng vô sân của Bồtát.

- "Tránh lấy của không cho (adinnādāna)", Bồtát có được tài sản và của cải mà không bị phiều nhiễu bởi năm kẻ thù (nước, lửa, trộm đạo, vua quan tước đoạt và kẻ thừa tự phá hoại), Bồtát là người đáng mến, nhã nhặn và đáng tin cậy.

Không dính mắc vào tài sản của người khác, là khuynh hướng vô tham của Bồtát, loại trừ nhưng xu hướng dẫn đến tham đám (lobha vasana).

- "Không nói lời giả dối (musāvāda)", Bồtát rất được chúng sanh kính trọng, tin tưởng và tin cậy. Lời nói của Bồtát có ảnh hưởng mạnh mẽ và được nhiều người chấp nhận.

Đặc tướng đại nhân: "Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông" (sđd) là thành tựu từ sự "không nói dối.

- "Không nói đâm thọc (pisuna vāca)", Bồtát có cơ thể khỏe mạnh và không bị phân chia bởi những mưu mẹo của người khác, có niềm tin vững chắc vào chánh Pháp, là người bạn tin cậy, dễ thương với chúng sanh.

- "Không nói thô lỗ (pharusa vāca)", Bồtát là người được nhiều người thương kính. Với điều này Bồtát có được giọng nói có tám tính chất.[6]

- "Không nói phù phiếm (samphappalāpa vāca)", Bồtát là người đáng kính trọng qua lời nói, vì Ngài nói với sự cân nhắc, lời nói của Ngài được nhiều người chấp nhận.

Khi chưa thành Phật, Ngài có kỹ năng trả lời ngay những câu hỏi của người khác.

Khi trở thành Phật, Ngài có kỹ năng thông hiểu mọi thứ tiếng (người, chư thiên hay phạm thiên) và trả lời tất cả các câu hỏi của các hạng chúng sanh ấy.

Ngài trả lời với ngôn ngữ Magadhi, là ngôn ngữ được nhiều chủng tộc khác nhau hiểu thấu đáo.

- "Khuynh hướng không tham ác(abhijjhā)", Bồtát không khó khăn đạt được những gì mình muốn: được giàu như mong muốn, được các vị đại vương, các bàlamôn, các gia chủ tôn kính.

Bồtát không bao giờ bị kẻ thù chế ngự, không bị khiếm khuyết trong mắt, tai, mũi... và là người không ai bằng.

- "Khuynh hướng không sân ác (vyāpāda)", Bồtát được mọi người ngưỡng mộ, Ngài dễ dàng an trú người khác vào đức tin với tâm từ.

-"Khuynh hướng xa lánh tà kiến ác", Bồtát có những người bạn tốt, Ngài không từ bỏ những thiện pháp cho dù phải hy sinh mạng sống. Vì Ngài luôn có ý nghĩ "Chúng sanh có nghiệp là của mình".

Bồtát không tin vào những điều mê tín,[7] Ngài chỉ tin tưởng vào chánh pháp và có niềm tin vững chắc vào pháp của bậc Chánh đẳng giác.

Như thiên nga chúa không thích thú đống phân, cũng vậy, Bồtát không hoan hỷ với những tín ngưỡng không có chánh kiến (sammā ditthi). Bồtát có kỹ năng lĩnh hội đầy đủ ba đặc tính vô thường, khổ và vô ngã.

Trong kiếp chót khi trở thành Phật, Ngài đạt Tuệ vô ngại giải (anāvarana ñāṇa - không có chướng ngại trong sự biết tất cả pháp).

"Giới là nền tảng cho tất cả những thành tựu, là cội rễ, là khởi nguồn của tất cả những pháp tính của Đức Chánh giác, là khởi đầu cho tất cả các balamật".

Khi quán xét và tôn sùng giới, Bồtát phát triển năng lực niệm và lĩnh hội bốn vấn đề là kiểm soát thân - khẩu, phòng ngự các căn, chánh mạng và quán tưởng khi sử dụng bốn món vật dụng cần thiết.

Bồtát giữ giới với sự cẩn trọng, xem sự khoe khoang, tự mãn về giới là kẻ thù đội lốt bạn bè.

3) Bồtát tu tập hạnh giới (cāritta sīla) như thế nào?

Bồtát luôn đón chào những người bạn tốt, chào mừng họ với điệu bộ kính trọng và nhã nhặn bằng cách giang rộng đôi tay và phục vụ họ.

Bồtát tự chăm sóc người bệnh và giúp đỡ họ một cách hữu ích.

Bồtát bày tỏ sự hoan hỷ sau khi nghe Pháp, tán dương các giới hạnh, tán dương bậc có giới đức.

Bồtát nhẫn nại trước những ác xấu do người khác gây ra cho mình, Ngài hồi tưởng lại những gì mà họ đã phục vụ mình, để rồi tâm Ngài tha thứ những lỗi lầm của họ.

Bồtát hoan hỷ với hành động thiện của người khác và cúng dường phước đến Giác ngộ,

Bồtát hành Pháp cẩn trọng và trong sạch; nếu thình lình phạm tội thì Bồ Tát thấy nó như vậy (không cố che giấu) và thú tội trước những người bạn Pháp của mình. Bồ Tát cảng ngày càng phát triển hành Pháp, tiến lên mức độ ngày cảng cao trong các giai đoạn thành tựu.

Ngoài ra, Bồtát có kỹ năng phục vụ cho chúng sanh trong những vấn đề "lợi mình và lợi người", khi họ bị tai họa đe dọa... Bồtát cố gắng giảm nhẹ cho họ càng nhiều càng tốt.

Khi bất hạnh (vyasana) xảy đến với họ liên quan đến người thân, tài sản, sức khoẻ, danh tiếng, giới và đức tin thì Bồtát an ủi (với người đang bị tổn giảm về thân tộc, tài sản và danh tiếng), hoặc khiển trách đúng đắn những ai cần phải khiển trách (là người

đang làm cho giới, đức tin và trí tuệ bị suy giảm) chỉ với mục đích giúp họ không làm điều ác và làm điều thiện.

Bồtát luôn giúp đỡ những ai xứng đáng được giúp đở.

Khi nghe về pháp hành tối cao của các vị Bồtát trong quá khứ, những cách mà các vị ấy thuần thục các pháp khó thực hiện không tưởng tượng nổi, và các phương pháp đem đến lợi ích và hạnh phúc cho chúng sanh, Bồtát không hề sợ hãi hay thối chí.

Bồtát quán xét: "Tất cả các vị Bồtát vĩ đại trong quá khứ cũng giống như ta, chỉ là người nhân loại mãi tu tập giới, định và tuệ, các vị ấy đạt Giác ngộ tối cao.

Giống như các vị Bồtát ngày xưa, ta cũng sẽ phải trải qua việc tu tập hoàn toàn giới, định và tuệ. Bằng cách này, sau khi hoàn tất, cuối cùng thì ta cũng sẽ đạt được mục đính thành Chánh đẳng giác tương tự".

Do vậy, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ đặt trên nền tảng đức tin, Bồ tát thực hiện hoàn tất việc tu tập giới ...

Bồtát không khoe khoang về những hành động thiện của mình, thay vào đó Ngài ấy sám hối những tội lỗi mà mình vi phạm không hề giấu diếm.

Bồtát thích dộc cư thiền tịnh, tránh vướng mắc những rắc rối trong xả hội, chịu đựng được gian khổ và không tham đắm cũng không bị người khác kích động.

Bồtát không ngã mạn, không khiếm nhã, không lỗ mãng, không nói lời vô ích; vị ấy yên lặng, bình tĩnh và thoát khỏi những cách sống sai trái như gian trá...

Bồtát hành xử thân - ngữ thích đáng và an trú tâm vào những án xứ thiền, Ngài thấy được nguy hiểm trong lỗi nhỏ nhặt và gìn giữ cẩn trọng các nguyên tắc tu tập, không cho tâm bị dính mắc vào thân hay thế gian.

Bồtát có tâm hướng đến quả Chánh đẳng giác, Ngài không ngừng nỗ lực thực hành những pháp trong sạch, cho dù có hy sinh cả mạng sống.

Bồtát từ bỏ mọi dính mắc vào bản ngã lẫn thế gian, đồng thời cũng loại trừ các yếu tố làm ô nhiễm tâm như sân, ác ý... làm đứt giới.

Bồtát không tự mãn với những thành tựu nhỏ nhoi mà nỗ lực để đạt được thành tựu cao hơn. Bằng sự nỗ lực như vậy, những thành tựu của Bồtát trong thiền... không hề giảm bớt hay đứng lại chút nào mà lại còn lớn mạnh, đạt đến các giai đoạn cao tột.

Ngoài ra, Bồtát giúp người mù đến nơi mong muốn hay chỉ họ con đường đúng, giao tiếp với người tiếc và câm bằng những cử chỉ ra dấu (bằng tay), đưa ghế hay xe cho người què hay tự mình khiêng họ đến nơi bất cứ nơi nào họ muốn.

Bồtát chuyên cần hành động để những người thiếu đức tin có thể phát triển đức tin, người lười biếng có thể tinh tấn, người lơ là, không chú tâm có thể chú tâm, người phóng dật và hay lo lắng có thể định và người thờ ơ có thể phát triển tuệ.

Bồtát nỗ lực giúp những người loại trừ những chướng ngại gây rối, giúp những người đang bị những suy nghĩ sai trái về dục lạc, sân và độc ác đè nặng có thể loại trừ chúng.

Với những ai đã từng giúp mình, Bồtát đón chào họ với những lời lẽ quý mến, cho họ những lợi ích tương tự hay thậm chí còn nhiều hơn những gì mà họ đã dành cho mình, khi họ bị bất hạnh, Bồtát giúp họ như một người bạn hào phóng.

Biết được tâm tánh tự nhiên của nhiều chúng sanh, Bồtát giúp họ thoát khỏi những gì không trong sạch và làm những điều trong sạch. Bồtát giúp họ đạt được nhu cầu và ước mơ.

Ở đây, điều này có nghĩa là Bồtát thực hành bốn nhiếp pháp (saṅgahadhamma) bằng cách bố thí cho những ai thích vật thí, nói những lời quý mến (piya vācā) với những ai thích nói lời quý mến, chỉ ra cuộc sống lợi mình lợi người (atthacariya) cho những ai tán thành với cuộc sống như vậy và cùng thực hành chung thiện sự (samānattatā) với những ai muốn được như vậy.

Ngoài ra, với mong muốn có được lợi ích cho người, Bồtát không làm hại hay cãi nhau với người khác, không làm cho họ bị bẽ mặt, không làm cho họ phải hối hận. Bồ tát không nhìn vào người khác để tìm lỗi, không đặt mình trên vị trí cao hơn để đối xử với người, Ngài không kiêu căng mà nhún nhường.

Bồtát không hoàn toàn tách biệt với những người khác, cũng không thân mật quá mức hay giao thiệp phi thời.

Bồ tát chỉ giao thiệp đúng thời, đúng chỗ, đúng đối tượng. Không nói xấu người khác khi có mặt bạn bè của họ, không tán dương những ai không xứng đáng, không kết bạn với những ai không thích hợp.

Bồtát không từ chối lời mời thích hợp nhưng không chìu theo những đòi hỏi quá đáng hay không nhận những gì vượt quá nhu cầu.

Bồtát hoan hỷ và khuyến khích niềm tin bằng bài pháp về những giá trị của đức tin.

Ngoài ra, Bồtát hoan hỷ khuyến khích những ai giữ giới, bố thí và tu tập tuệ qua những bài pháp nói lên giá trị của những tính chất này.

Nếu trong một kiếp sống nào đó, Bồtát chứng đạt thiền định (jhāna) hay thắng trí (abhiññāṇa), với những năng lực ấy, Bồtát đánh thức đức tin cho những chúng sanh lơ đễnh (làm điều thiện), bằng cách chỉ cho họ thấy những cảnh ghê rợn trong các cõi khổ, Ngài làm sanh khởi đức tin cho những ai chưa có đức tin, làm tăng trưởng đức tin cho những ai đã có đức tin nơi chánh pháp.

Theo cách này thì hạnh giới (cāritta sīla) của Bồ Tát như "suối nguồn" các hành động thiện vô hạn ngày càng lớn mạnh từ kiếp sống này đến kiếp sống khác.

Đây là phần tu tập giới balamật.

4) Giới balamật.

Như trên, chúng ta hiểu được hình thức giới (thân, ngữ), nội dung giới (ý).

Những giới này có khả năng hướng thiện, đưa tái sanh về nhàn cảnh, đắc thiền...

Tuy vậy, chưa rốt ráo là giới "đưa sang bờ kia". Vậy giới "đưa sang bờ kia" là gì?

Chính là ba chi phần Giới học của bát chánh đạo: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Có vị Tỷ kheo già, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Mỗi nữa tháng chúng con phải đọc tụng giới bổn 150 điều. Con nay đã già, không thể nhớ hết 150 học giới. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy dạy cho con.

Đức Phật hỏi vị Tỷ kheo rằng:

- Này Tỷ kheo! Ông có thể làm cho tăng thượng Giới học, tăng thượng Tâm học, tăSng thượng Tuệ học không?

- Bạch Thế Tôn! Con làm được.

Và nhờ tinh cần làm tăng thượng Giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học, vị ấy trở thành vị Thánh Alahán.[8]

Thế đã rõ, tăng thượng giới học đưa "sang bờ".

Trong Hạnh Tạng (cariyapiṭaka) phẩm trì giới độ (sīlapāramita)[9] có nêu lên 10 câu chuyện giữ giới của Bồtát. Trong 10 câu chuyện ấy ghi nhận rằng: "Bồtát chế ngự được tâm sân".

Vậy giới Balamật có hai phần:

- Bên ngoài: Tránh vi phạm những sái quấy (dù nhỏ nhặt) về thân - ngữ qua chánh ngữ (nói đúng), chánh nghiệp (làm đúng) và chánh mạng (nuôi mạng chân chánh).

- Bên trong: Áp chế được sân.

Vì sao không áp chế tham? Vì rằng "tham là nguyên nhân xa, còn sân là nguyên nhân gần khiến cho sự vi phạm giới về thân, ngữ hiển lộ rõ". Như giới "không làm quấy trong dục (giới thứ ba của

5 giới)" chẳng hạn, rõ ràng là do tham dục, nhưng Đức Phật gọi "Vị ấy từ dâm dục (đúng pháp) để sinh con".[10]

Hoặc như giới "lấy của không cho", "nói dối", "uống rượu và chất say" có thể do tham, sân điều sử. Riêng giới sát sanh chỉ do tâm sân điều sử, nên nói "áp chế sân là nêu lên phần chủ yếu".

Điều rõ ràng nhất là: "Trong Dhammapāda (Pháp cú kinh), phẩm Sân hận (kodhavagga), những kệ ngôn phần lớn nói về giới". Như:

"Yo ve upatītaṃ kodhaṃ Ratthaṃ bhantaṃ 'va dhāraye...

"Ai chận được phẩn nộ. Như dừng xe đang lăn"... (câu 222)

"Sassaṃ bhaṇe na kujjheyya..: Nói thật, không phẫn nộ... (câu 224).

Và trong bài kinh dạy về 9 giới phạm hạnh, giới thứ chín là "rải tâm từ" (xem ở trên) để làm sung mãn giới, đã nói lên ý nghĩa "áp chế sân".

Theo Luận Atỳđàm "nơi nào có tâm sở vô sân, nơi đó có tâm sở vô tham", khi tâm sở sân bị áp chế thì tâm sở vô sân (adosacetasika) sanh lên và thế là tâm sở vô tham có mặt, khi vô tham có mặt thì những giới như "lấy của không cho..." không bị vi phạm.

5) Ba bậc của giới Balamật.

Giới balamật có ba cấp độ: Bậc hạ, bậc trung, bậc thượng.

Trì giới nhưng tâm vẫn liên hệ đến ái - mạn - kiến là giới bậc hạ.

Trì giới tâm không liên hệ đến ái - mạn - kiến nhưng không có trí là giới bậc Trung

Trì giới tâm không liên hệ đến ái- mạn - kiến lại có trí là giới bậc thượng

- Thế nào là giữ giới liên hệ đến kiến (diṭṭhi)?

Như có người cho rằng: "Ba học giới (giới - định - tuệ) chỉ có trong Phật giáo, ngoài Phật giáo không hề có", đây là có liên hệ đến kiến (thấy sai - hiểu sai).

Thật ra, ba giới phần này trong hay ngoài Phật giáo đều có, như vị Độc Giác Phật cũng thành tựu giải thoát trong thời không có giáo pháp của Đức Phật.

Đức Phật có dạy: "Này Subhadda, trong pháp luật nào không có tám Thánh đạo, thời ở đấy không có đệ nhất Samôn.... không có đệ tứ Samôn...

Này Subhadda, trong pháp luật này có tám Thánh đạo".[11]

Rõ ràng Đức Phật chỉ xác định "trong giáo pháp này có giới - định - tuệ, nhưng không nói rằng "giới - định - tuệ chỉ có trong giáo pháp này".

Và cho dù vào thời không có giáo pháp của Đức Phật Chánh giác hiển lộ, sự thật về "con đường diệt khổ vẫn có".

Lại nữa, cho rằng "đời sống phạm hạnh chỉ có giới hạnh trong sạch", lại là sự hiểu sai giáo pháp.

Ngài Punna Mantāniputta có dạy: "Giới tịnh dẫn đến tâm tịnh..." và " không phải vì giới thanh tịnh mà Ngài sống đời phạm hạnh trong giáo pháp này".[12]

Thế nào là giữ giới liên hệ đến Mạn (māna)?

Như có người giữ giới cho rằng: "Ta cao thượng hơn người, vì ta có giới, người khác không giữ giới tốt đẹp như ta".

"Vị ấy thành tựu giới đức, vì thành tựu giới đức, vị ấy hoan hỷ tự mãn. Vì thành tựu giới đức, vị ấy khen mình chê người: "Ta trì giới, theo thiện pháp.Các vị tỳ khưu khác phá giới theo ác pháp".

Và Đức Phật gọi "là người tầm cầu lỏi cây, nhưng chỉ nhặt lấy vỏ ngoài mang về".[13]

- Thế nào là giữ giới liên hệ đến Ái (taṅhā)?.

Như có người giữ giới để mong sanh về cõi trời hoặc mong hưởng quả phước an lạc cõi người...

Đây là nói về ý giới.

6) Về hình thức của trì giới độ.

a- Trì giới độ bậc hạ.

Là hành giả giữ giới được trong sạch hoàn toàn, không vì tài sản, vợ con, ... mà vi phạm giới. Nói chung, tất cả những gì thuộc về ngoại thân, hành giả có thể hy sinh tất cả để không vi phạm giới hạnh của mình.

Như Bồtát Cūlabodhi (Tiểu Giác)[14], Ngài xuất gia làm đạo sĩ, vợ Bồtát cũng xuất gia theo Ngài .

Có lần hai vị đạo sĩ này đến kinh thành Bāraṇasī, Đức vua thấy nữ đạo sĩ xinh đẹp, đã bắt bà vào nội cung, nữ đạo sĩ than khóc, chống cự nhưng vẫn bị lôi kéo. Bồtát nổi giận, chợt Ngài bừng tỉnh, đè nén cơn giận, nhủ thầm: "Vì mục đích giác ngộ, ta sẽ không bao giờ phạm giới, nữ Bàlamôn này không quan trọng so với quả vị Toàn giác mà ta mong mỏi".

b- Trì giới bậc trung.

Là hành giả giữ gìn giới hạnh trong sạch, cho dù phải hy sinh những gì liên hệ đến thân như: tay, chân, mắt, mũi,...

Câu chuyện Bồtát Bhūridatta [15].

Bồtát là một long vương (nāga) có uy lực ngang với thiên vương Virūpakkha (Quảng mục thiên vương).

Ngài nguyện giữ giới, đã bị gã bắt rắn Ālambana bắt Ngài hành hạ, rồi mang đi trình diễn khắp nơi, Ngài vẫn kiên nhẫn chịu đựng cho dù Ālambana đã làm thương tổn đến thân thể Ngài.

Mẫu truyện này, có câu hỏi rằng: "Bồ tát nguyện thọ trì 8 giới, vì sao lại nhảy múa theo lịnh của Ālambana?".

Đáp: Vào những ngày này thì Ngài không nhảy múa, do đó gã Ālambana đã hành hạ Ngài, nhưng Ngài nhẫn nại chịu đựng, vào ngày khác thì Ngài nhảy múa.

c- Trì giới bậc thượng.

Là hành giả giữ gìn giới hạnh, cho dù hy sinh cả mạng sống.

Như Bồtát Alīnasattu[16], Ngài thay thế vua cha để nộp mình cho Dạ xoa, sau khi giáo hóa Dạ xoa, Dạ xoa muốn tha Ngài, bảo Ngài hãy tìm cũi nhóm lửa để Ngài trốn di, nhưng Ngài giữ giới không bỏ trốn, dù biết là phải hy sinh mạng sống.

Hay tích Bồtát Saṅkhapāla[17], là chúa loài rồng đã bị những người thợ săn đâm cọc nhọn, chặt bằng dao nhưng Bồtát vẫn không giận dữ cho dù phải hy sinh mạng sống.

Dứt Trì giới độ.

-ooOoo-

Sách tham khảo.

Luật tạng:

Đại Đức Giác Giới (dịch): - Luật phân tích Tỳ khưu giới. Đại Đức Nguyệt Thiên (dịch): - Luật Đại phẩm; Luật Tiểu phẩm. Ông Cao Huy Thuần: - Thượng đế....

Kinh tạng:

Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch):

- Trường bộ kinh: I, II, III, IV.
- Trung bộ kinh: I, II, III.
- Tương ưng bộ kinh: I, II, III, IV.
- Tăng chi bộ kinh: I, II, III, IV, V.
- Tiểu bộ kinh gồm:
*- Phật tự thuyết.
*- Trưởng lão Tăng kệ.
*- Kinh tập.
*- Kinh Pháp cú.
Đại trưởng lão Nārada (soạn): - Kinh Pháp cú (ông Phạm Kim Khánh dịch). Đại trưởng lão Pháp Minh (dịch): - Sớ giải kinh Pháp Cú. Đại trưởng lão Ñāṇamoli (Sư cô Thích nữ Trí Hãi dịch): - Trung bộ kinh (1, 2, 3). Đại trưởng lão Bửu Chơn: - Kho tàng pháp bảo. Đại Đức Minh Huệ (dịch): - Sớ giải Ngạ quỷ sự. Đại Đức Giác nguyên (dịch): - Minh giải thiền quán. Đại Đức Thiện Minh (dịch): - Hạnh tạng. Sư cô Thích nữ Trí Hãi (dịch): - Thanh tịnh đạo. Bà Trần Phương Lan (dịch): - Sớ giải kinh Bổn sanh.

Luận Tạng:

Đại trưởng lão Tịnh Sự (dịch): - Pháp tụ.

-ooOoo-

[1] - Visdhm, 98 - Sư cô Thích nữ Trí Hãi dịch.

[2] - JA, truyện số 66.

[3] - Hoàn toàn có trách nhiệm với tất cả hành động của mình dù tốt hay xấu.

[4] - Xem trang 167, cuốn 1, Pt. 1, Anudīpanī.

[5] - D.iv, Tướng kinh (lakkhan.asutta).

[6] - Theo bài kinh Mahagovinda Sutta trong Phẩm Maha Vagga của Digha Nikāya, tám đặc tính của giọng nói của Phạm thiên Sanankumara: (1) lưu loát, (2) dễ hiểu, (3) dịu ngọt, (4) rõ ràng, (5) sung mãn, (6) phân minh, (7) thâm sâu và vang rộng và (8) không vượt khỏi đại chúng. Giống như Phạm thiên, các vị Bồtát cũng có giọng nói với tám đặc

tính này.

[7] - Diṭṭha suta mutamangala. Tipitaka P.M.D mô tả đó là nghĩa của akotuhalamangala (được đề cập trong chú giải của Cariya Piṭaka - Hạnh tạng) mà được giải thích như "niềm tin không có trí qua năm giác quan khi thấy, nghe, ngửi, nếm và đụng".

[8] - A.i, 230.

[9] - Hạnh Tạng, Tỳ khưu Thiện Minh dịch.

[10] - A.iii, 223.

[11] - D.iii, kinh Đại viên tịch (mahānibbāna).

[12] - M.i, kinh Trạm xe (Ratthavivūtasutta).

[13] - M.i, Ví dụ lỏi cây tiểu kinh(Cūḷasāropama sutta)

[14] - JA. Câu truyện số 443.

[15] - JA. Câu truyện số 543

[16] - JA. Câu truyện số 513.

[17] - JA. Câu truyện số 524.

-ooOoo-

Chân thành cám ơn Tỳ khưu Chánh Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 11-2004)

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.